PHẦN I

ĐƠN YÊU CẦU CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(11) **8378**
(21) 1-2002-00206 (51)[7] **A61K 64/00**, B01F 3/04
(22) 04.03.2002 (43) 27.10.2003
(71) TEAM AQUA CORPORATION (TW)
1F, No. 6, Lane 249, Chao-Chin Rd., Yan-Shui Chen, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C.
(72) CHU Chiung-Tien (TW)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) MÁY QUẠT NƯỚC DÙNG TRONG NUÔI TRỒNG THUỶ SẢN
(57) Máy quạt nước bao gồm một nguồn điện, một hoặc hai trục truyền và một hoặc hai bộ quạt nước. Nguồn điện được đặt trên mặt đất, có một môtơ làm quay trục truyền được nối với thanh kéo dài của bộ quạt nước. Bộ quạt nước được đặt trên mực nước của hồ nuôi, có trục kéo dài, các guồng tấm mỏng được gắn cố định vào trục kéo dài và các phao nổi được lắp có thể chuyển động được trên thanh kéo dài và giữa các guồng tấm mỏng. Trục truyền có thể chuyển động lên trên và xuống dưới theo mực nước của hồ nuôi để giữ bộ quạt nước luôn luôn ở trên mực nước để đảo một lượng lớn nước để trộn không khí hoặc ôxy vào nước.

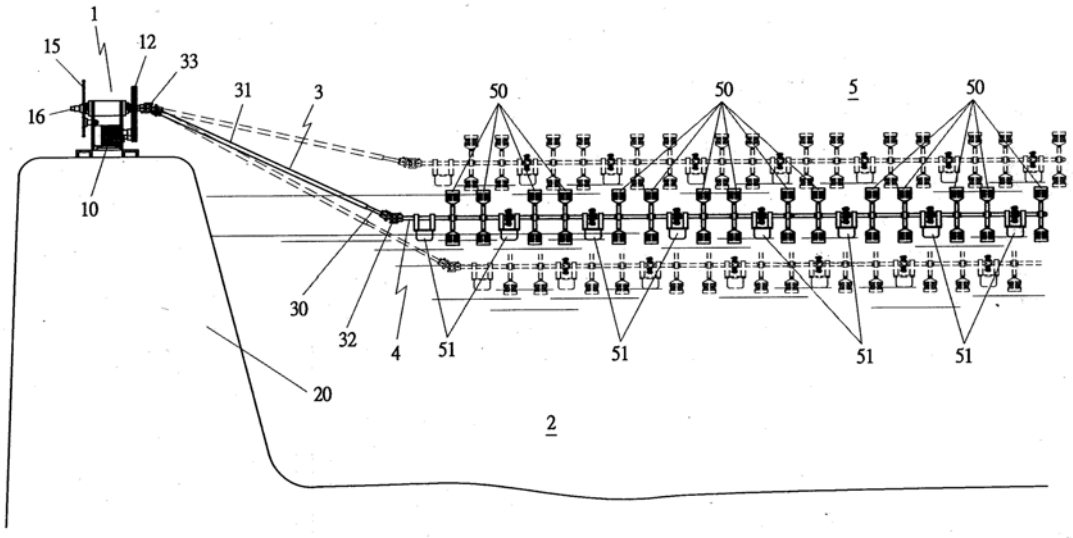

(11) **8379**

(21) 1-2002-00262 (51)[7] **C12N 1/16,** C12G 3/02, 3/12
(22) 20.03.2002 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 27.09.2002

(71) HIROMICHl MARUYAMA (JP)
4408 Minagi Amagi City, Fukuoka, Japan.
(72) HlROMICHI MARUYAMA (JP), HIROAKI MARUYAMA (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)

(54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT RƯỢU SAKE, SHOCHU VÀ BỘT Ủ MEN

(57) Sáng chế đề cập tới quy trình sản xuất với qui mô công nghiệp các loại rượu truyền thống của Nhật Bản như rượu sake, rượu shochu và bột ủ men (shubo) dùng để sản xuất rượu này. Mục đích của sáng chế là nhằm đạt được sản phẩm với chất lượng đồng đều và năng suất lớn, đặc biệt là vẫn giữ được hương vị truyền thống của loại rượu này.

(11) **8380**

(21) 1-2002-00290 (51)[7] **A44B 11/00**

(22) 29.03.2002 (43) 27.10.2003

(75) Sun, Ming-Hsin (TW)
5F, No.16, Lane 12, Shih-Chieh st., Chu-Tung Town, Hsin-Chu Hsien, Taiwan, R.O.C

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) CƠ CẤU NỐI CHO THIẾT BỊ ĐUN NƯỚC

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu nối cho thiết bị đun nước bao gồm các bộ phận đưới đây. Thân thiết bị đun nước có một ống dẫn. Ống dẫn này có đạng chữ S. Các đầu trước và sau của ống dẫn lần lượt là lỗ nạp nước và lỗ xả nước. Ống góp nạp nước được nối với lỗ nạp nước để dẫn nước lạnh vào trong thân thiết bị đun nước để đun nóng. Ống góp xả nước được nối với lỗ xả nước để dẫn nước nóng ra khỏi thân thiết bị đun nước. Từng đai kẹp có ít nhất một lỗ ren. Chi tiết hãm có ít nhất một lỗ ren tương ứng với các lỗ ren của các đai kẹp lõm. Hai cạnh của chi tiết hãm này ép vào ống góp nạp nước và ống góp xả nước. Nhờ các bộ phận nêu trên, nhiều vít sẽ khoá các đai kẹp lõm và chi tiết hãm để ống góp nạp nước và ống góp xả nước được nối chặt với ống dẫn.

(11) **8381**

(21) 1-2002-00769

(51)[7] **C07K 16/18**, C12N 15/13, 5/10, A61K 39/00, A61P 25/28

(22) 26.02.2001

(43) 27.10.2003

(86) PCT/US01/06191 26.02.2001

(87) WO01/62801 30.08.2001

(30) 60/184,601 24.02.2000 US
60/254,465 08.12.2000 US
60/254,498 08.12.2000 US

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.07.2003

(71) 1. WASHINGTON UNIVERSITY (US)
One Brookings Drive, St. Louis, MO 63110, USA.
2. ELI LILLY AND COMPANY (US)
Lilly Corporate Center, Indianapolis, IN 46285, USA.

(72) HOLTZMAN, David M. (US), DEMATTOS, Ronald (US), BALES, Kelly R. (US), PAUL, Steven M. (US), TSURUSHITA, Naoya (JP), VASQUEZ, Maximiliano (CR)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) KHÁNG THỂ MANG TÍNH CHẤT KHÁNG THỂ CỦA NGƯỜI DÙNG ĐỂ CÔ LẬP PEPTIT TINH BỘT BETA

(57) Sáng chế đề cập đến kháng thể mang tính chất kháng thể của người được sử dụng để phòng hoặc điều trị các bệnh được đặc trưng bởi sự tạo thành các vết tan dạng tinh bột. Các kháng thể này cô lập peptit Aβ từ các dịch lỏng sinh học hoặc liên kết đặc hiệu với một epilop nằm giữa các vị trí từ 13 đến 18 của peptit tinh bột beta.

(11) **8382**

(21) 1-2002-00833 (51)[7] **C12N 7/08**, 15/863, A61K 39/275, 39/39, 48/00, 35/76, A61P 31/20
(22) 10.03.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/02703 10.03.2001 (87) WO01/68820 20.09.2001
(30) PA 2000 00410 14.03.2000 DK
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.06.2003

(75) ANTON MAYR (DE)
Weilheimer StraBe 1 82319 Starnberg, Germany.
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)

(54) CHỦNG VIRUT ĐẬU BÒ ANKARA CẢI BIẾN (MVA)

(57) Sáng chế đề cập đến chủng virut đậu bò Ankara cải biến (MVA) mà chúng hầu như không còn độc tính đối với hầu hết các loài động vật có vú, đặc biệt là người, nhưng vẫn phát triển trong các tế bào của dòng tế bào liên tục được thừa nhận dùng để sản xuất tác nhân trị liệu, chẳng hạn như vacxin. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp để sản xuất chủng MVA đã thích nghi nói trên. MVA thích nghi có thể được sử dụng, chẳng hạn như để gây miễn dịch ngoài đường tiêu hóa làm hệ thống vật truyền nhiễm, hoặc dưới dạng hoạt động hay được bất hoạt làm yếu tố bổ trở hoặc làm yếu tố điều tiết các thành phần không đặc hiệu của hệ thống miễn dịch.

(11) **8383**
(21) 1-2002-00946
(51)[7] **C12N 15/56**, 15/53, 1/15, C12Q 1/68, C12P 19/14, C12N 9/24, 9/42, 9/02, 15/80
(22) 17.04.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/NL01/00301 17.04.2001
(87) WO01/79507 25.10.2001
(30) 00201343.1 13.04.2000 EP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 09.09.2003
(75) EMALFARB, Mark Aaron (US)
193 Spyglass Court, Jupiter,FL 33477, USA.
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) PROTEIN THU ĐƯỢC TỪ NẤM SỢI VÀ TRÌNH TỰ NUCLEOTIT MÃ HOÁ PROTEIN NÀY
(57) Sáng chế đề cập đến các protein mới tương đương với glycosyl hydrolaza họ 7 và 10 của Chrysosporium, thể hiện mức độ giống axit amin với trình tự axit amin của SEQ ID No 2 và 4 lần lượt là 70 và 75%, và sáng chế đề cập đến protein tương đương với glyxeradehyt phosphat dehydrogenaza của Chrysosporium, thể hiện mức độ giống axit amin với một phần trình tự của SEQ ID No 6 ít nhất là 86%. Sáng chế cũng đề cập đến các trình tự axit nucleic mã hoá các protein này, và đặc biệt là các trình tự khởi đầu điều hoà sự biểu hiện của các gen tương ứng. Vật chủ được ưu tiên để biểu hiện các gen này là nấm, đặc biệt là chủng Chrysosporium.

(11) **8384**
(21) 1-2002-01010
(51)[7] **C07D 413/12**, A61K 31/422, A61P 35/00, C07D 263/32
(22) 05.04.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/02937 05.04.2001
(87) WO01/77107 18.10.2001
(30) 2000-106836 07.04.2000 JP
(71) TAKEDA CHEMICAL INDUSTRIES, LTD. (JP)
1-1, Doshomachi 4-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0045, Japan
(72) Akihiro TASAKA (JP), Takenori HITAKA (JP), Etsuya MATSUTANI (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) DẪN XUẤT OXAZOL VÀ SỬ DỤNG CHÚNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ TYROSIN KINAZA

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất được thể hiện bằng công thức (1), trong đó m bằng 1 hoặc 2, R^1 là halogen hoặc nhóm C_{1-2}alkyl được halogen hóa tùy ý; một nhóm trong số R^2 và R^3 là nguyên tử hydro và nhóm còn lại là nhóm được thể hiện bằng công thức (2) hoặc (3), trong đó n bằng 3 hoặc 4; R^4 là nhóm C_{1-4}alkyl được thế bằng 1 hoặc 2 nhóm hydroxy, hoặc muối của chúng. Hợp chất theo sáng chế có hoạt tính ức chế tyrosin kinaza.

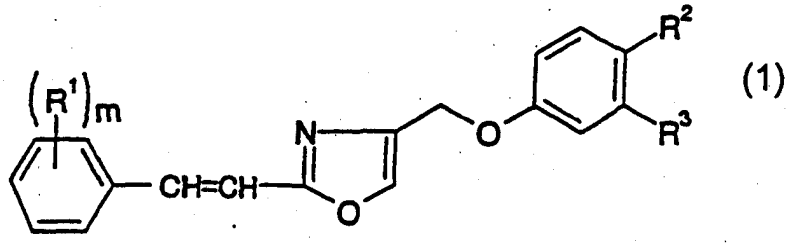

(1)

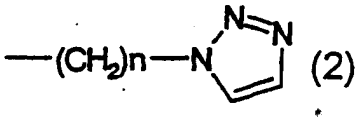

(2)

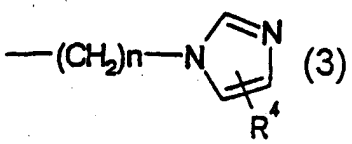

(3)

(11) **8385**
(21) 1-2002-01071 (51)[7] **A61K 31/00**
(22) 22.03.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/09088 22.03.2001 (87) WO01/80847 01.11.2001
(30) 60/199,855 26.04.2000 US
60/242,280 20.10.2000 US
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 16.09.2003
(71) WARNER-LAMBERT COMPANY (US)
201 Tabor Road, Morris Plains, NJ 07950, United States of America
(72) AUERBACH, Bruce Jeffrey (US), HITCHCOCK, Karen Diane (US), RYAN, Michael John (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) DƯỢC PHẨM CÓ TÁC DỤNG CHỐNG TĂNG HUYẾT ÁP VÀ ỨNG DỤNG CỦA NÓ

(57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm chứa hợp chất carboxyalkylete có công thức (I)

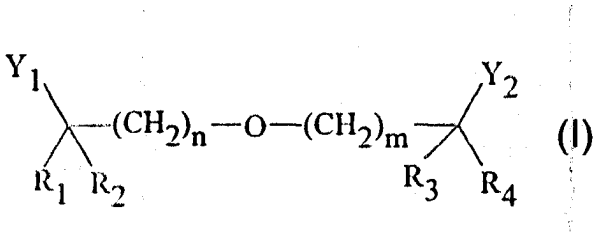

(I)

trong đó R_1, R_2, R_3 và R_4 là alkyl, alkenyl và alkynyl, m và n là số nguyên nằm trong khoảng từ 2 đến 9, Y_1 và Y_2 là COOH, CHO, tetrazol, $COOR_5$, trong đó R_5 là alkyl, alkenyl hoặc alkylnyl, hoặc muối dược dụng của chúng, và chất trị cao huyết áp. Dược phẩm theo sáng chế có thể được sử dụng để điều trị các bệnh về mạch. Sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều trị bệnh cao huyết áp bao gồm việc sử dụng hợp chất carboxyalkylete nêu trên.

(11) **8386**
(21) 1-2002-01082 (51)[7] **C07J 41/00**, 71/00, A61K 31/57, 31/58, 31/56, A61P 11/06, 37/08
(22) 30.04.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/CA01/00581 30.04.2001 (87) WO01/83512A1 08.11.2001
(30) 60/200,617 28.04.2000 US
(71) INFLAZYME PHARMACEUTICALS LIMITED (CA)
Suite 425, 5600 Parkwood Way, Richmond, Bristish Columbia V6V 2M2, Canada
(72) RAYMOND, Jeffery R. (CA), KASSERRA, Claudia E. (CA), SHEN, Yaping (CA)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT 3-NITƠ-6,7-DIOXY STEROIT VÀ VIỆC SỬ DỤNG LIÊN QUAN ĐẾN HỢP CHẤT NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (l) và các muối dược dụng, solvat, đồng phân lập thể và tiền dược của chúng, ở dạng phân tách hay hỗn hợp, trong đó, độc lập trong mỗi trường hợp : R^1 và R^2 được chọn từ hydro, oxy sao cho tạo ra các nhóm nitro hay oxim, amino, sulfat, và axit sulfonic, và nhóm hữu cơ có từ 1 đến 30 cacbon và tuỳ ý chứa từ 1 đến 6 dị nguyên tử được chọn từ nitơ, oxy, phospho, silic, và lưu hỳnh, khi R^1 và R^2 có thể, cùng với N mà chúng cùng liên kết với, tạo ra cấu trúc dị vòng mà có thể tham gia vào nhóm hữu cơ có từ 1 đến 30 nguyên tử cacbon và tuỳ ý chứa từ 1 đến 6 dị nguyên tử được chọn từ nitơ, oxy và silic; và khi R^1 có thể là mạch 2 hay 3 nguyên tử ở vị trí số 2 sao cho -N-R^1- tham gia cấu trúc hai vòng dung hợp với vòng A; R^3 và R^4 được chọn từ liên kết trực tiếp lần lượt với vị trí 6 và 7 sao cho tạo ra các nhóm cacbonyl, hydro, hay nhóm bảo vệ sao cho R^3 và/hoặc R^4 tham gia nhóm bảo vệ hydroxy hay cacbonyl; mỗi vị trí từ số 1 đến 17 là cacbon có nhóm thế như được mô tả. Các hợp chất này cũng có thể được bào chế thành dược phẩm, và sử dụng trong việc điều trị và/hoặc phòng ngừa các tình trạng khác nhau bao gồm viêm , hen, bệnh dị ứng, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, viêm da dị ứng, khốt u rắn, AIDS, thiếu máu cục bộ, và loạn nhịp tim.

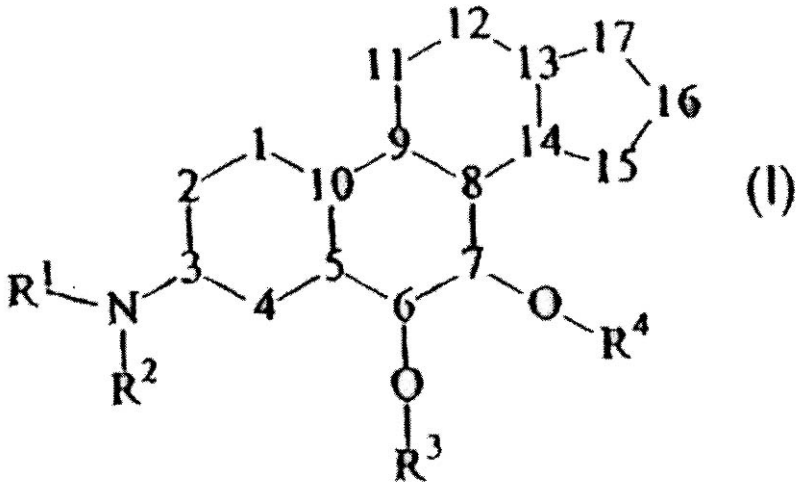

(I)

(11) **8387**
(21) 1-2002-01184 (51)[7] **C07D 209/80**
(22) 23.07.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/CA01/01069 23.07.2001 (87) WO02/08186 31.01.2002
(30) 60/220683 25.07.2000 US
(71) Merck Frosst Canada & Co. (CA)
16711 Trans-Canada Highway Kirkland, Quebec H9H 3L1, Canada
(72) Carl BERTHELETTE (CA), Marc LABELLE (CA), Bruno ROY (CA), Claudio Sturino (CA), Michael Boyd (CA), Nicolas Lachance (CA), John Scheigetz (CA)
(74) Công ty Sở hữu công nghiệp (INVESTIP)
(54) XYCLOPENTANOINDOL, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ SỬ DỤNG CÁC HỢP CHẤT NÀY
(57) Sáng chế đề cập đến các dẫn xuất xyclopentanoindol được thế là chất đối kháng protalandin, và là chất hữu dụng để điều trị các bệnh do protaglandin gây ra.

(11) **8388**
(21) 1-2002-01185 (51)[7] **C07D 487/00**
(22) 28.06.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/20672 28.06.2001 (87) WO02/02563 10.01.2002
(30) 60/215,585 30.06.2000 US
(71) Wyeth (US)
Five Giralda Farms, Madison, New Jersey 07940, U.S.A.
(72) SCHMITT, Mark R. (US), KIRSCH, Donald, R. (US), HARRIS, Jane E. (US), BEYER, Carl F. (US), PEES, Klaus-Juergen (DE), CARTER, Paul (GB), PFRENGLE, Waldemar (DE), ALBERT, Guido (DE)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT TRIAZOLOPYRIMIDIN ĐƯỢC THẾ DÙNG LÀM CHẤT CHỐNG UNG THƯ

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp điều trị hoặc ức chế sự tăng trưởng của các tế bào khối u ung thư và các bệnh có liên quan ở động vật có vú khi cần thiết bao gồm việc đưa vào cơ thể động vật có vú một lượng có tác dụng chữa bệnh hợp chất triazolopyrimidin được thế hoặc muối dược dụng của chúng và đề xuất phương pháp điều trị hoặc ức chế sự tăng trưởng của các tế bào khối u ung thư và các bệnh có liên quan ở động vật có vú khi cần thiết bằng cách tương tác với hạt ống và các vi cấu trúc hình ống và thúc đẩy sự polyme hoá vi cấu trúc hình ống bao gồm việc đưa vào cơ thể động vật có vú một lượng có tác dụng chữa bệnh hợp chất triazolopyrimidin được thế hoặc muối dược dụng của chúng.

(11) **8389**
(21) 1-2003-00021 (51)[7] **C07D 333/56**, 333/64
(22) 02.05.2002 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP02/04383 02.05.2002 (87) WO02/090345 14.11.2002
(30) 2001-135928 07.05.2001 JP
(71) TEIJIN LIMITED (JP)
6-7, Minamihommachi 1-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka 541-0054 Japan
(72) SAITOU, Hirosi (JP), MIZUNO, Tsuyoshi (JP), TSUCHIYA, Naoki (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) DẪN XUẤT 3-HYDROXYMETYL-BENZO[B]THIOPHEN VÀ QUY TRÌNH SẢN XUẤT DẪN XUẤT NÀY

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp sản xuất dẫn xuất 3-hyđroxymetyl- benzo[b]thiophen mà không tạo ra các chất đồng phân kèm theo, phương pháp bao gồm sự tạo vòng một cách chọn lọc sulfoxit có X được thể hiện trong sơ đồ phản ứng dưới đây:

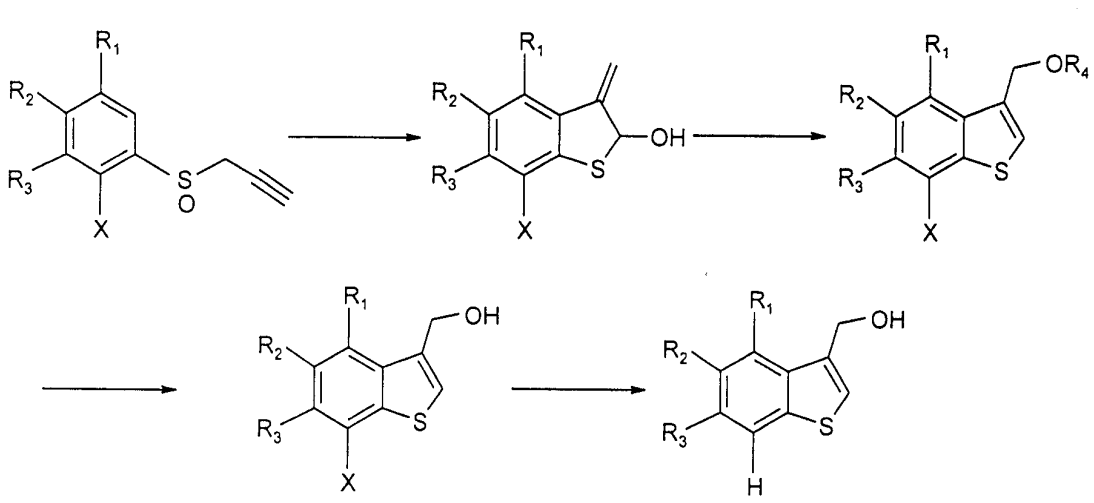

trong đó, R_1 đến R_3 là giống nhau hoặc mỗi một gốc là nguyên tử hyđro, nhóm alkyl có từ 1 đến 4 cacbon, nhóm trihalometyl, nhóm alkoxy có từ 1 đến 4 cacbon, nhóm alkylthio có từ 1 đến 4 cacbon, hoặc nhóm trihalometoxy; R_4 là nhóm axyl; X là nguyên tử halogen, nhóm hyđroxy, nhóm amino, nhóm mercapto, nhóm alkylthio có từ 1 đến 9 cacbon, nhóm axyloxy có từ 1 đến 9 cacbon, nhóm axylamino có từ 1 đến 9 cacbon hoặc nhóm trihalometoxy.

(11) **8390**

(21) 1-2003-00037 (51)[7] **C07C 45/65**, 49/697, 67/333, 67/343, 69/757
(22) 11.08.2000 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP00/05401 11.08.2000 (87) WO01/12580 22.02.2001
(71) Kureha Kagaku Kogyo Kabushiki Kaisha (JP)
9-11 , Nihonbashi-Horidomecho, 1 -chome Chuo-ku, Tokyo 103-8552 Japan
(72) Kazuhiko SUNAGAWA (JP), Hajime HOSHI (JP), Shigeru MIZUSAWA (JP), Nobuyuki KUSANO (JP), Satoru KUMAZAWA (JP)
(74) Công ty Sở hữu công nghiệp (INVESTIP)

(54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT 5-[(4-CLOPHENYL)METYL]-2,2-DIMETYLXYCLOPENTANON

(57) Quy trình để sản xuất 5-[(4-clophenyl)metyl]-2,2-dimetylxyclopentanon theo sáng chế bao gồm:

Cho l-[(4-clophenyl)metyl]-3-metyl-2-oxoxyclopentancalboxylic axit metyl este hoặc l-[94-clophenyl)metyl]-3-metyl-2-oxoxyclopentancarboxylic axit etyl este tác dụng với natri hydrua và metyl halogenua; và

Thuỷ phân l-[(4-clophenyl)metyl]-3,3-dimetyl-2-oxoxyclopentan carboxylic axit metyl este hoặc l-[94-clophenyl)metyl]-3,3-dimetyl-2- oxoxyclopentancarboxylic axit etyl este.

Quy trình theo sáng chế như vậy có thể điều chế 5-[(4- clophernyl)metyl]-2,2-dimetylxyclopentanon là chất trung gian quan trọng của chất diệt nấm dùng trong nông nghiệp hoặc trồng vườn, tức là Metconazol có chất lượng cao với năng suất lớn.

(11) **8391**
(21) 1-2003-00079 (51)[7] **A61K 31/223**, 9/16
(22) 22.06.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/07086 22.06.2001 (87) WO01/097801 27.12.2001
(30) 00401799.2 23.06.2000 EP
(71) BIOPROJET (FR)
30, rue des Francs Bourgeois, 75003 Paris, France
(72) LECOMTE Jeanne-Marie (FR), SCHWARTZ Jean-Charles (FR)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) DƯỢC PHẨM DẠNG BỘT KHÔ CHỨA RAXECAĐOTRIL
(57) Sáng chế đề xuất dược phẩm bột khô dạng hạt chứa hợp chất raxeđotril và sử dụng dược phẩm này để điều trị bệnh tiêu chảy.

(11) **8392**
(21) 1-2003-00117 (51)[7] **C07D 473/00**, A61K 31/522, A61P 25/28
(22) 24.07.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/06363 24.07.2001 (87) WO02/10167 07.02.2002
(30) 2000-230209 31.07.2000 JP
(71) DAINIPPON PHARMACEUTICAL CO., LTD. (JP)
6-8, Dosho-machi 2-chome, Chuo-ku, Osaka-shi, Osaka-fu, Japan
(72) Kiyoshi FURUKAWA (JP), Satoshi KURUMIYA (JP), Takashi HASHIMOTO (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)

(54) THUỐC ĐẶC TRỊ BỆNH SA SÚT TRÍ TUỆ CHỨA DẪN XUẤT 2-ARYL-8-OXOĐIHYDROPURIN LÀM HOẠT CHẤT VÀ VIỆC SỬ DỤNG CHÚNG ĐỂ BÀO CHẾ DƯỢC PHẨM

(57) Thuốc điều trị hoặc phòng sa sút trí tuệ bao gồm dẫn xuất 2-aryl-8-oxođihyđropurin có công thức (I):

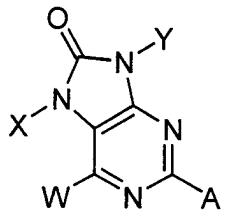

(I)

trong đó, W là nguyên tử H, nhóm C_{1-6} alkyl; nguyên tử halogen; nhóm C_{1-6} alkoxy, hoặc tương tự; X là nguyên tử H, nhóm C_{1-6} alkyl, nhóm có công thức [Q] : -CH (R^3) CON (R^1) (R^2) (trong đó R^1 là nhóm C_{1-6} alkyl hoặc tương tự; R^2 là nhóm C_{1-4} alkyl được thế bởi nhóm phenyl hoặc tương tự; và R^3 là nguyên tử H hoặc tương tự); Y là nguyên tử H, nhóm C_{1-6} alkyl, nhóm có công thức (Q) nói trên, hoặc tương tự; và A là nhóm phenyl được thế hoặc tương tự, với điều kiện là một trong hai nhóm X và Y là nhóm có công thức (Q) và nhóm kia là nhóm được lựa chọn từ các nhóm dành cho X hoặc Y ngoại trừ các nhóm (Q), hoặc các muối cộng axit dược dụng cúa chúng. Các hợp chất nói trên thể hiện hiệu quả cải thiện cực kỳ hữu hiệu đối với sự rối loạn khả năng tập quen và/hoặc sự rối loạn trí nhớ và do đó, có thể được sử dụng trong điều trị hoặc phòng sa sút trí tuệ dạng Alzheimer, sa sút trí tuệ do mạch máu não, sa sút trí tuệ tuổi già, v.v. ?

(11) **8393**
(21) 1-2003-00124 (51)[7] **A61K 9/22**
(22) 03.08.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/IB01/01390 03.08.2001 (87) WO02/011702A2 14.02.2002
(30) 60/224,199 09.08.2000 US
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.02.2003
(71) PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, USA.
(72) Leah Elizabeth APPEL (US), Walter C. Babcock (US), Ronald Arthur BEYERINCK (US), Mark Brian CHIDLAW (US), William John CURATOLO (US), Dwayne Thomas FRIESEN (US), Scott Max Herbig (US), Avinash Govind THOMBRE (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) DƯỢC PHẨM DẠNG LIỀU GIẢI PHÓNG DƯỢC CHẤT CÓ KIỂM SOÁT NHỜ HYDROGEL

(57) Sáng chế đề xuất dược phẩm dạng liều giải phóng có kiểm soát có nhân được bao chứa thành phần chứa dược chất và thành phần có thể trương nở trong nước, mỗi thành phần này chiếm phần riêng rẽ bên trong nhân. Vỏ bao quanh nhân thấm nước, không tan trong nước và có ít nhất một cửa phân phối qua đó. Sáng chế cũng đề cập đến nhiều kiểu sắp xếp hình học của các dạng liều này.

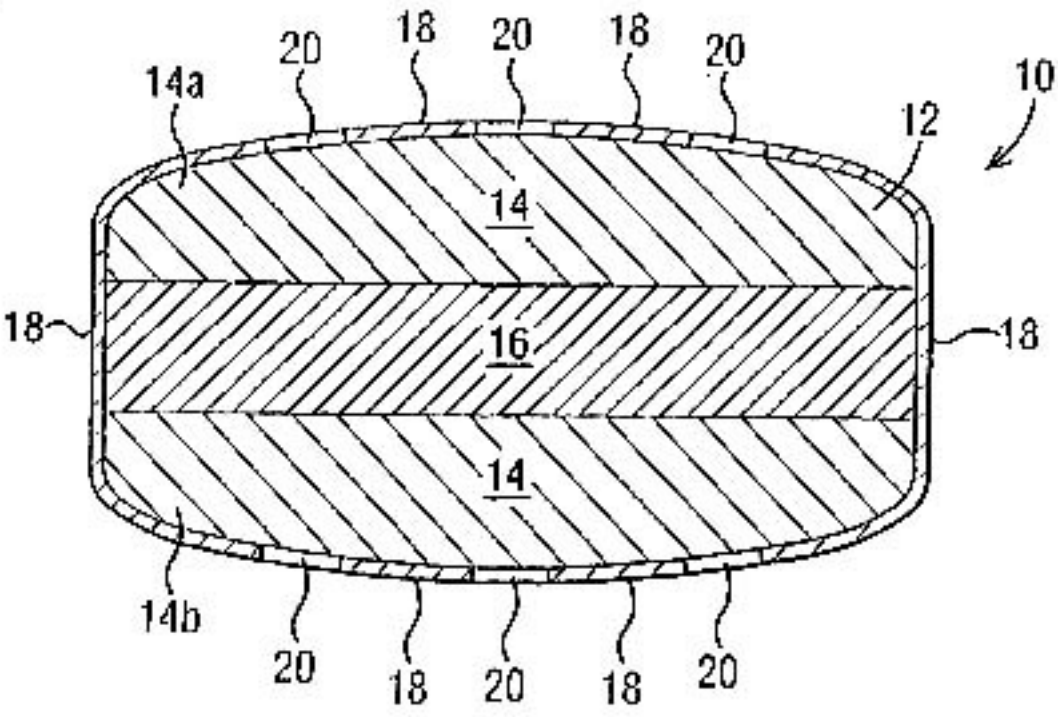

(11) **8394**
(21) 1-2003-00135 (51)[7] **C07C 11/02**, 5/48, C10G 1/22
(22) 26.06.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/GB01/02822 26.06.2001 (87) WO02/04389A1 17.01.2002
(30) 0017173.6 12.07.2000 GB
(71) BP Chemicals Limited (GB)
Britannic House, 1 Finsbury Circus, London EC2M 7BA, United Kingdom
(72) MESSENGER, Brian Edward (GB)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT OLEPHIN
(57) Sáng chế đề xuất quy trình sản xuất olefin như etylen từ hydrocacbon như etan. Quy trình này bao gồm bước cho hỗn hợp gồm hydrocacbon và khí chứa oxy đi qua vùng chất xúc tác có khả năng thúc đẩy quá trình cháy ngoài giới hạn cháy giàu nhiên liệu để tạo ra olefin. Vùng chất xúc lác này chứa ít nhất tầng chất xúc tác thứ nhất và tầng chất xúc tác thứ hai. Tầng chất xúc tác thứ hai được đặt sau tầng chất xúc tác thứ nhất, có thành phần khác với tầng chất xúc tác thứ nhất và chứa ít nhất một kim loại được chọn từ nhóm bao gồm Mo, W, và nhóm IB, IIB, IIIB, IVB, VB, VIIB và VIII của Bảng tuần hoàn. Thích hợp là tầng chất xúc tác thứ nhất chứa platin và tầng chất xúc tác thứ hai chứa chất xúc tác niken, coban hoặc iridi được hoạt hoá bằng thiếc hoặc đồng hoặc chất xúc tác chỉ chứa đồng.

(11) **8395**
(21) 1-2003-00137 (51)[7] **C07C 5/48**
(22) 04.07.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/GB01/03005 04.07.2001 (87) WO02/04388A1 17.01.2002
(30) 0017075.3 11.07.2000 GB
(71) BP Chemicals Limited (GB)
Britannic House, 1 Finsbury Circus, London EC2M 7BA, United Kingdom
(72) GRIFFITHS, David Charles (GB), LITTLE, Ian Raymond (GB), MESSENGER, Brian Edward (GB), REID, Ian Allan Beattie (GB)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) QUY TRÌNH SẢN XUẤT OLEPHIN
(57) Sáng chế đề cập đến quy trình sản xuất olefin bao gồm bước đốt cháy không hoàn toàn hỗn hợp gồm hydrocacbon và khí chứa oxy trong vùng phản ứng với sự có mặt của chất xúc tác có khả năng thúc đẩy quá trình cháy ngoài giới hạn cháy giàu nhiên liệu để tạo ra olefin, trong đó tốc độ nguyên liệu bề mặt của hỗn hợp này ít nhất bằng 250 cm s^{-1} ở nhiệt độ tiêu chuẩn và áp suất vận hành, với điều kiện nếu chất xúc tác là chất xúc tác không có nền thì tốc độ nguyên liệu bề mặt của hỗn hợp này ít nhất là 300 cm s^{-1} ở nhiệt độ tiêu chuẩn và áp suất vận hành.

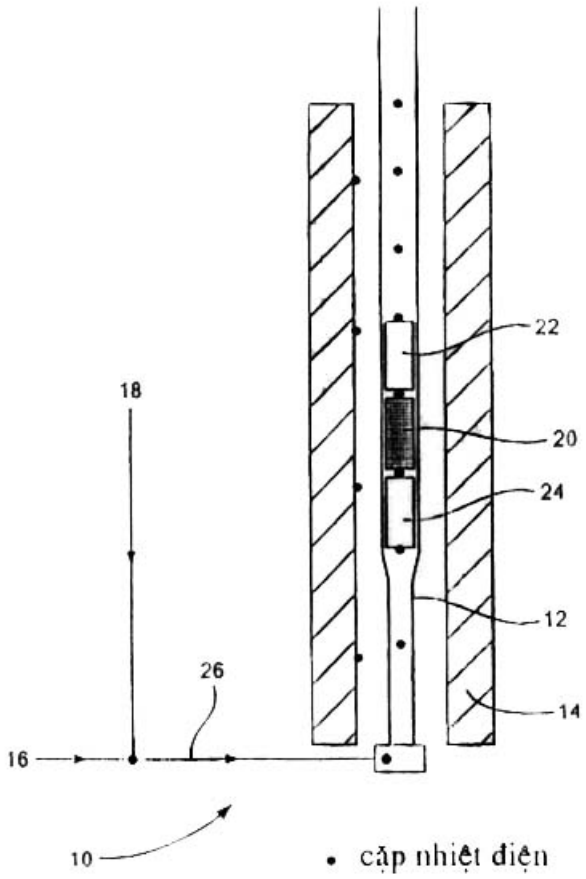

(11) **8396**
(21) 1-2003-00141
(51)[7] **G11B 7/004**, 7/0045, 7/007, 20/12, 20/10
(22) 30.08.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/07502 30.08.2001
(87) WO 02/21518 14.03.2002
(30) 2000-264978 01.09.2000 JP
2000-275988 12.09.2000 JP
2000-397621 27.12.2000 JP
2001-077897 19.03.2001 JP
2001-185729 20.06.2001 JP
2001-196258 28.06.2001 JP
2001-212071 12.07.2001 JP
2001-219292 19.07.2001 JP
(71) MATSUSHITA ELECTRIC INDUSTRIAL CO., LTD. (JP)
1006, Oaza Kadoma, Kadoma-shi, Osaka 571-8501, Japan
(72) Junichi MINAMINO (JP), Atsushi NAKAMURA (JP), Shigeru FURUMIYA (JP), Hiromichi ISHIBASHI (JP), Takashi ISHIDA (JP), Toyoji GUSHIMA (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) ĐĨA QUANG, THIẾT BỊ ĐỌC VÀ GHI ĐĨA QUANG

(57) Trên phương tiện đĩa quang theo sáng chế, thông tin địa chỉ được ghi dọc theo rãnh vệt dao động (2). Rãnh vệt (2) bao gồm các phần đơn vị (22, 23). Mỗi phần đơn vị (22, 23) có các mặt bên dịch chuyển theo chu kỳ theo chiều hướng kính của đĩa. Sự dịch chuyển này dao động ở tần số đơn theo chiều bám sát. Tuy nhiên, mẫu dịch chuyển khác nhau phụ thuộc vào "mỗi bit thông tin địa chỉ (thông tin được chia nhỏ)" được phân định cho mỗi đoạn đơn vị (22, 23).

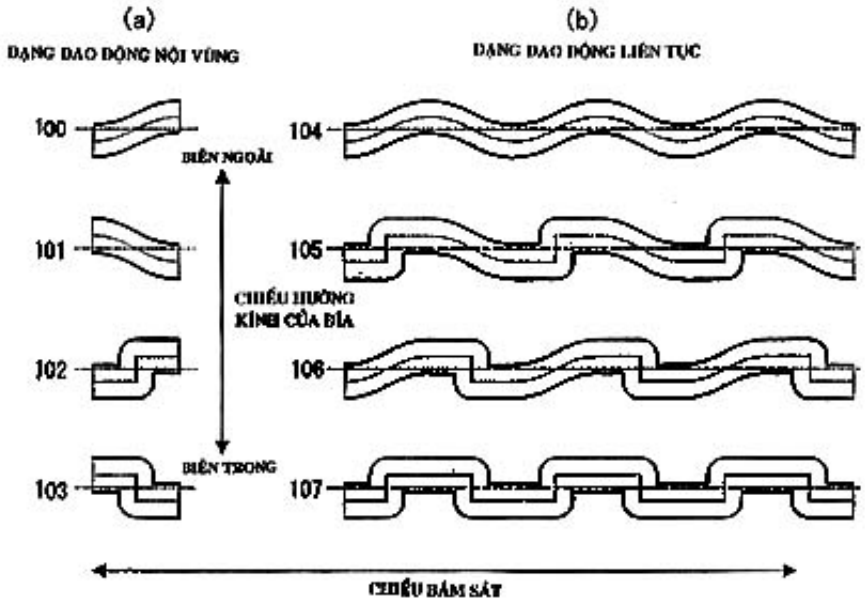

(11) **8397**

(21) 1-2003-00152 (51)[7] **C07D 233/64**, A61K 31/4172, A61P 7/02

(22) 08.08.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/IB01/01425 08.08.2001 (87) WO02/14285A1 21.02.2002

(30) 0020346.3 17.08.2000 GB
0027409.2 09.11.2000 GB
0029556.8 04.12.2000 GB

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 14.02.2003

(71) Pfizer lnc. (US)
235 East 42nd Street, New York, New York 10017, United States of America

(72) Charlotte Moira Norfor ALLERTON (GB), Julian BLAGG (GB), Mark Edward BUNNAGE (GB), John STEELE (GB)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) HỢP CHẤT IMIDAZOL ĐƯỢC THẾ DÙNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ TIÊU TỐ FIBRIN HOẠT HOÁ TROMBIN (TAFLA)

(57) Sáng chế đề xuất các hợp chất có công thức (l). Các hợp chất này là nhóm các chất ức chế TAFIa , vữa xơ động mạch, bệnh dính kết, tổn thương da, ung thư, các chứng xơ hoá, các bệnh viêm và các bệnh do sự duy trì hoặc gia tăng các mức bradykinin trong cơ thể người gây ra.

(11) **8398**
(21) 1-2003-00158 (51)[7] **C07D 307/80**, A61K 31/343, 31/4525, A61P 9/06, 7/04
(22) 23.08.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/FR01/02656 23.08.2001 (87) WO02/16338 A1 28.02.2002
(30) 00/10835 23.08.2000 FR
(71) SANOFI-SYNTHELABO (FR)
174 Avenue de France F- 75013 Paris, France
(72) ASSENS, JEAN-LOUIS (FR), BERNHART, CLAUDE (FR), CABANEL-HAUDRICOURT, FREDERIQUE (FR), DOS SANTOS, VICTOR (FR), GAUTIER, PATRICK (FR), NISATO, DINO (FR)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N. & ASSOCIATES)
(54) CÁC (AMINOALKENYLBENZOYL) BENZOFURAN HOẶC BENZOTHIOPHEN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CỦA CHÚNG VÀ CÁC HỢP PHẦN CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập đến các dẫn xuất aminoalkenylbenzoyl-benzofuran hoặc benzothiophen mới có công thức chung (l). Các hợp chất là hữu dụng ở dạng các loại thuốc cụ thể là để điều trị các hội chứng về bệnh học của hệ tim mạch.

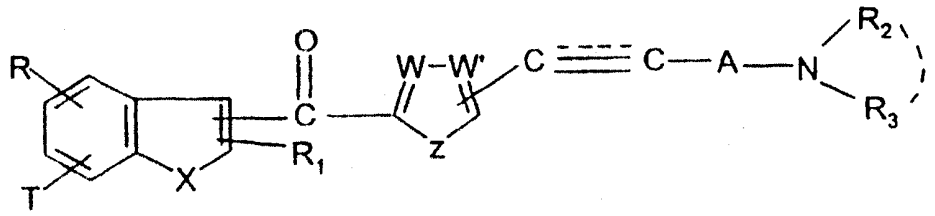

(I)

(11) **8399**
(21) 1-2003-00159 (51)[7] **F02M 37/08**
(22) 18.02.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-054278 28.02.2002 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.02.2003
(71) HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)
1 - 1 , Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(72) Minoru UEDA (JP), Akira HAYASHI (JP), Mitsuo NAKAGAWA (JP), Shinichiro YAZAWA (JP), Toichiro HIKICHI (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) MÔĐUN BƠM CẤP NHIÊN LIỆU DÙNG CHO XE CỘ
(57) Sáng chế đề xuất môđun bơm cấp nhiên liệu dùng cho xe cộ trong đó tổng chiều dài có thể được giảm đáng kể và hơi sinh ra bên trong có thể được xả ra bên ngoài.

Bơm nhiên liệu vận hành bằng điện (13) và bộ lọc nhiên liệu (14) nằm trong vỏ môđun (12) được bố trí sao cho các trục dọc của chúng nằm song song với nhau, và khoang tách hơi (26) để tiếp nhận hơi sinh ra trong bơm nhiên liệu vận hành bằng điện (13) và bộ lọc nhiên liệu (14) và để cấp hơi tách ra từ nhiên liệu tới cửa hồi lưu nhiên liệu (22) được bố trí trong vỏ môđun (12) liền kề với một đầu theo hướng dọc của mỗi một trong số bơm nhiên liệu vận hành bằng điện (13) và bộ lọc nhiên liệu (14).

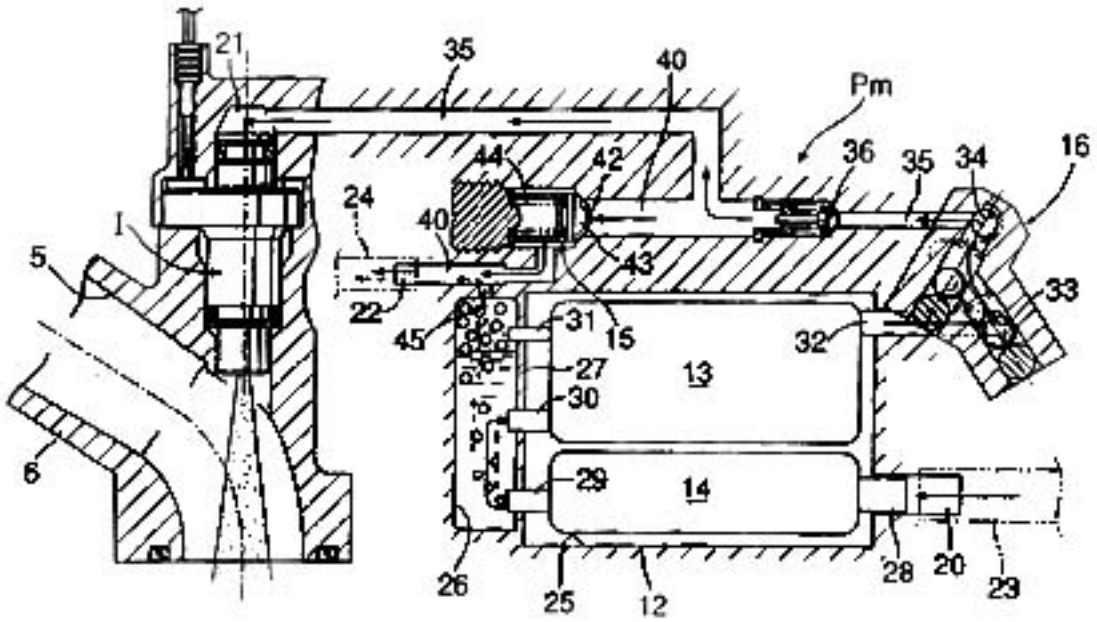

(11) **8400**

(21) 1-2003-00162 (51)[7] **C07D 257/04**, A61K 31/41, A61P 9/12

(22) 17.07.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/EP01/08253 17.07.2001 (87) WO0206253 24.01.2002

(30) 00115556.3 19.07.2000 EP

(71) NOVARTIS AG (CH)
Lichtstrasse 35, CH-4056 Basel, Switzerland

(72) MARTI, Erwin (CH), OSWALD, Hans Rudolf (CH), BUHLMAYER, Peter (CH), MARTERER, Wolfgang (DE)

(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(54) MUỐI VALSARTAN

(57) Sáng chế đề cập đến các muối valsartan hoặc muối valsartan ở dạng tinh thể mới, cả muối valsartan tinh thể một phần và vô định hình, bào chế và sử dụng tương ứng, và chế phẩm chứa các muối này.

(11) **8401**

(21) 1-2003-00163 (51)[7] **H04Q 7/20**, 7/00
(22) 22.08.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/26228 22.08.2001 (87) wo02/19746 07.03.2002
(30) 09/649,105 25.08.2000 US

(71) MOTOROLA, INC. (US)
1303 East Algonquin Road, Schaumburg Illinois 60196, United States of America
(72) Mark Edward PECEN (US), Marcia Jean OTTING (US), Niels Peter Skov ANDERSEN (DK)
(74) Công ty Sở hữu công nghiệp (INVESTIP)

(54) HỆ TRUYỀN THÔNG

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị điện thoại vô tuyến thu nhận các thông tin mạng (Fig.4) bằng cách thu theo kiểu chuyển đổi các luồng tin nhận biết, các luồng tin này được quy định và phát đi từ một khối nhận biết mạng (các bước 300 và 302). Thiết bị điện thoại vô tuyến sẽ phát thông tin nhận biết tới mạng thông qua kênh điều khiển gán gửi chính (bước 304) để trả lời cho kiểu hoạt động của luồng tin. Nếu không thì, thiết bị điện thoại vô tuyến sẽ phát đi thông tin nhận biết qua việc sử dụng một trao đổi nhận biết lưu lượng khối tạm thời để trả lời rằng kiểu hoạt động là khác hơn so với kênh điều khiển gán gửi chính (bước 308, 310 và 312).

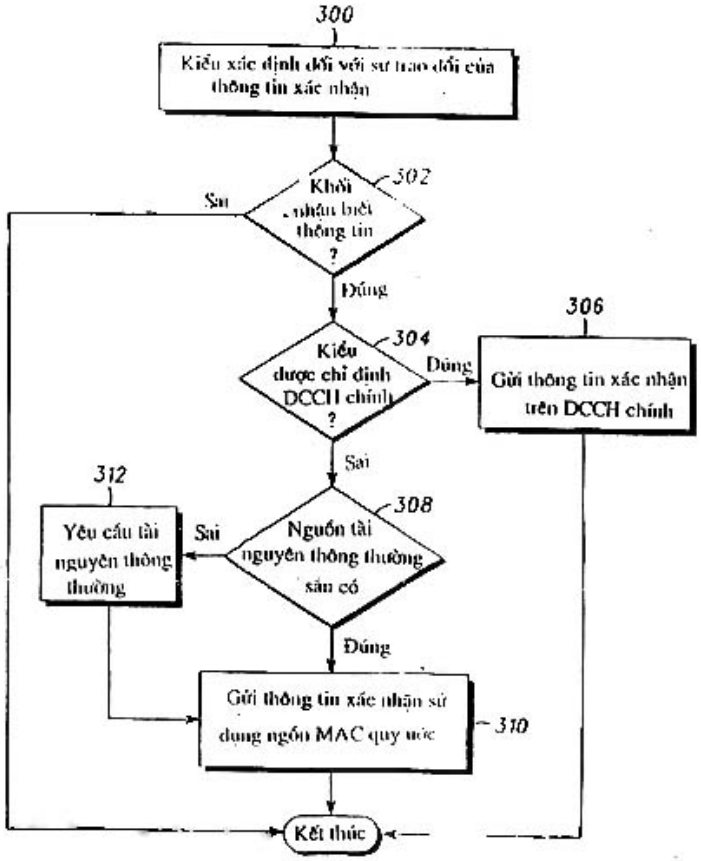

(11) **8402**
(21) 1-2003-00168
(51)[7] **C07D 263/32**, 413/12, 413/14, 413/06, 413/04, A61K 31/421, 31/422, 31/4439, 31/4709, A61P 3/10
(22) 23.08.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/22616 23.08.2001
(87) WO02/16331 28.02.2002
(30) 60/227,234 23.08.2000 US
(71) ELI LILLY AND COMPANY (US)
Lilly Corporate Center, Indianapolis, IN 46285, United States of America
(72) BROOKS Dawn Alisa (US), XU Yanping (CN), GODFREY Alexander Glenn (US), JONES Sarah Beth (US), MCCARTHY James Ray (US), RITO Christopher John (US), WINNEROSKI Leonard Larry Junior (US)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) DẪN XUẤT CỦA AXIT OXAZOLYL-ARYL-PROPIONIC, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ SỬ DỤNG CHÚNG LÀM CHẤT CHỦ VẬN PPAR
(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức (I)

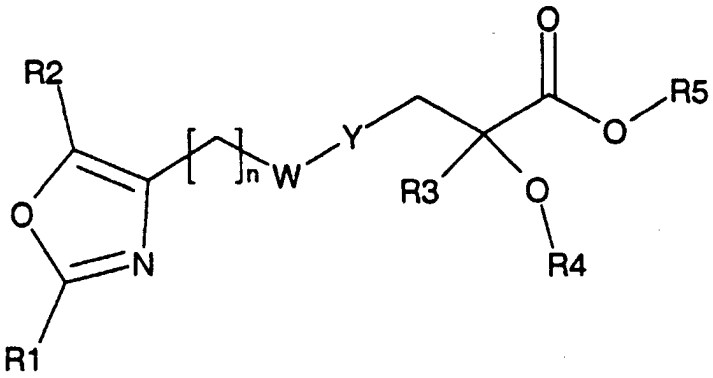

(I)

Công thức I
và các muối, solvat và hyđrat dược dụng của chúng, trong đó:
n bằng 2, 3, hoặc 4 và W là $CH_2CH(OH)$, C(O) hoặc O;
R1 là aryl, heteroaryl, xycloalkyl, heteroxycloalkyl, aryl-alkyl, heteroaryl-alkyl, xycloalkyl-alkyl, hoặc t-butyl chưa được thế hoặc được thế ;
R2 là H, alkyl, haloalkyl hoặc phenyl;
Y là thiophen-2,5-điyl hoặc phenylen chưa được thế hoặc được thế ;
R3 là alkyl hoặc haloalkyl;
R4 là phenyl, naphtyl, 1,2,3,4-tetrahyđronaphtyl, quinolyl, pyriđyl hoặc benzo[1,3]đioxol-5-yl group được thế hoặc chưa được thế; và
R5 là H, alkyl, hoặc aminoalkyl;
được sử dụng để điều biến thụ thể đã được kích hoạt bởi chất tăng sinh peroxisom, cụ thể là để điều trị bệnh tiểu đường.

(11) **8403**

(21) 1-2003-00174 (51)[7] **C07D 307/84**, 307/80, 405/04, 413/04, 413/14, 405/12, A61K 31/41, C07D 407/04

(22) 23.08.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/FR01/02657 23.08.2001 (87) WO02/16340 28.02.2002

(30) 00/10833 23.08.2000 FR

(71) SANOFI-SYNTHELABO (FR)
174 Avenue de France FR - 75013 Paris, France

(72) ASSENS, JEAN-LOUIS (FR), BERNHART, CLAUDE (FR), CABANEL-HAUDRICOURT, FREDERIQUE (FR), NISATO, DINO (IT)

(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N. & ASSOCIATES)

(54) CHẤT DẪN XUẤT AMINOALKOXYBENZOYL BENZOFURAN HOẶC BENZOTHIOPHEN, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ CÁC CHẤT DẪN XUẤT NÀY VÀ CÁC DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập đến các chất dẫn xuất aminoancoxybenzoyl- benzofuran hoặc benzothiophen của công thức chung (l). Các hợp chất nêu trên có tác dụng làm thuốc chữa bệnh, cụ thể là để điều trị các hội chứng bệnh lý thuộc hệ tim mạch.

(11) **8404**
(21) 1-2003-00179
(51)[7] **C07D 307/84**, 307/80, 407/10, 409/06, 407/04, 471/04, A61K 31/34
(22) 21.08.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/FR01/02640 21.08.2001
(87) WO02/16339 01.03.2002
(30) 00/10834 23.08.2000 FR
(71) SANOFI-SYNTHELABO (FR)
174 Avenue de France F - 75013 Paris, France
(72) ASSENS, JEAN-LOUIS (FR), BERNHART, CLAUDE (FR), CABANEL-HAUDRICOURT, FREDERIQUE (FR), GAUTIER, PATRICK (FR), NISATO, DINO (IT)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N. & ASSOCIATES)
(54) CÁC BENZOFURAN (AMINOALKYLBENZOYL) HOẶC BENZOTHIOPHEN, QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ CHÚNG VÀ CÁC CHẤT CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập đến các dẫn xuất benzofuran hoặc benzothiophen có công thức chung (1). Các hợp chất này rất hữu ích đặc biệt là trong việc điều trị các hội chứng bệnh học của hệ tim mạch.

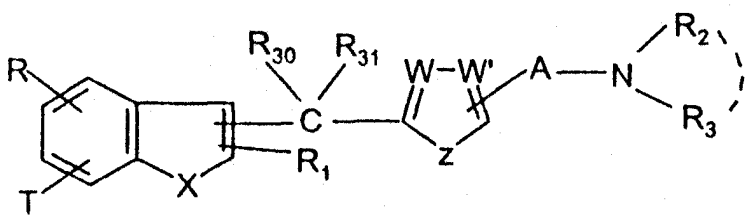

(1)

(11) **8405**
(21) 1-2003-00185 (51)[7] **C07D 239/94**, 405/12, 413/12, 413/14, A61K 31/517, A61P 35/00
(22) 18.08.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/09532 18.08.2001 (87) WO02/18351A1 07.03.2002
(30) 10042058.3 26.08.2000 DE
(71) BOEHRINGER INGELHEIM PHARMA GMBH& CO. KG (DE)
Binger Strasse 173, D-55216 Ingelheim am Rhein, Germany
(72) HIMMELSBACH, Frank (DE), LANGKOPF, Elke (DE), JUNG, Birgit (DE), BLECH, Stefan (DE), SOLCA, Flavio (CH)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) CÁC HỢP CHẤT DỊ VÒNG HAI VÒNG, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ VIỆC SỬ DỤNG CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập tới hợp chất dị vòng hai vòng có công thức chung:

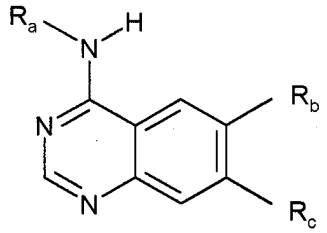

(I)

trong đó từ R_a đến R_c là như được xác định trong các điểm từ 1 đến 7, tautome, chất đồng phân lập thể và muối của chúng, cụ thể là các muối chấp nhận được về mặt sinh lý của chúng với các axit hoặc bazơ vô cơ hoặc hữu cơ có tính chất dược lý quý giá, cụ thể là tác dụng ức chế sự truyền tín hiệu trung gian bởi tyrosin kinaza, việc sử dụng chúng để điều trị các bệnh, đặc biệt là các bệnh u và các bệnh về phổi và đường khí, và quy trình điều chế hợp chất này.

(11) **8406**

(21) 1-2003-00190
(51)[7] **C07D 239/84**, A61K 31/517, A61P 7/02
(22) 13.08.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/09325 13.08.2001
(87) WO02/20496 14.03.2002
(30) 10043667.6 05.09.2000 DE

(71) MERCK PATENT GMBH (DE)
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt, Germany
(72) Rolf GERICKE (DE), Norbert BEIER (DE), Claudia WILM (DE)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) 2-GUANIĐINO-4-ARYLQUINAZOLIN

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có công thức I, trong đó Y là (Il) hoặc (III) và Ar, R^1 R^2, R^5, R^6, R^7 và R^8 có nghĩa được xác định trong phần Yêu cầu bảo hộ, và muối và solvat của chúng, và việc sử dụng chúng làm chất ức chế NHE-3 .

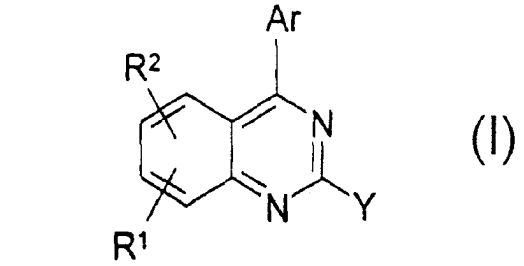

(I)

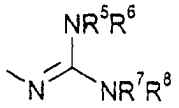

(II)

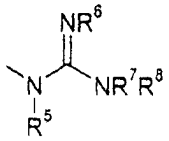

(III)

(11) **8407**

(21) 1-2003-00200 (51)[7] **A01N 25/24**, 47/38, 43/76, 53/00, 47/04, 37/32

(22) 19.07.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/FR01/02346 19.07.2001 (87) WO02/09517A1 07.02.2002

(30) 00/09898 28.07.2000 FR

(71) Bayer CropScience S.A. (FR)
55 Avenue Rene Cassin 69009 Lyon, France

(72) DUVERT, Patrice (FR), MARTINON, lsabelle (FR), BUIRET, Corinne (FR)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) THUỐC DIỆT NẤM CHỨA DẦU CÓ NGUỒN GỐC THỰC VẬT CÓ KHẢ NĂNG KHÔ NHANH

(57) Sáng chế đề cập đến thuốc diệt nấm hữu ích để điều trị bệnh nấm cho cây trồng và cụ thể bao gồm ít nhất một dầu thực vật có khả năng làm khô cao, cũng như phương pháp điều trị bệnh cho cây trồng bằng cách sử dụng thuốc này.

(11) **8408**
(21) 1-2003-00212 (51)[7] **A23L 1/16**
(22) 19.06.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/05229 19.06.2001 (87) WO02/11560 14.02.2002
(30) 2000-235077 03.08.2000 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.03.2003
(71) FUJI MANUFACTURING CORPORATION LTD. (JP)
15, Shinozuka, Fujioka-shi, Gunma 375-0017 Japan
(72) Hatsuo SAKURAZAWA (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT MÌ DẠNG SÓNG
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp sản xuất mì dạng sóng, phương pháp này tiết kiệm sức lao động điều chỉnh trọng lượng của các sợi mì trong lúc cắt các sợi mì và hạn chế chi phí thiết bị. Dải mì liên tục (26) có độ dày quy định được tạo nên nhờ máy làm mì (2) được cắt thành dải mì (28) với chiều dài cho một suất ăn nhờ máy cắt (20). Dải mì cho một suất ăn này được chia thành các sợi mì nhờ thiết bị chia tách (22). Sau đó, hộp tạo sóng được bố trí liên tục ở phần dưới của thiết bị chia tách tạo sóng các sợi mì trong suất ăn. Các sợi mì dạng sóng (30) cho một suất ăn được chuyển lần lượt nhờ băng chuyền (32) và rơi từ mặt trước của băng chuyền về phía máng dốc (34). Các sợi mì (30) rơi từ mặt trước của băng chuyền về phía máng dốc (34) được treo hướng xuống dưới tại các tầng trước (30a) của chúng để kéo dài các gợn sóng của chúng và để làm chùng các phần dính của chúng và kéo rơi các phần sau (30b) của chúng.

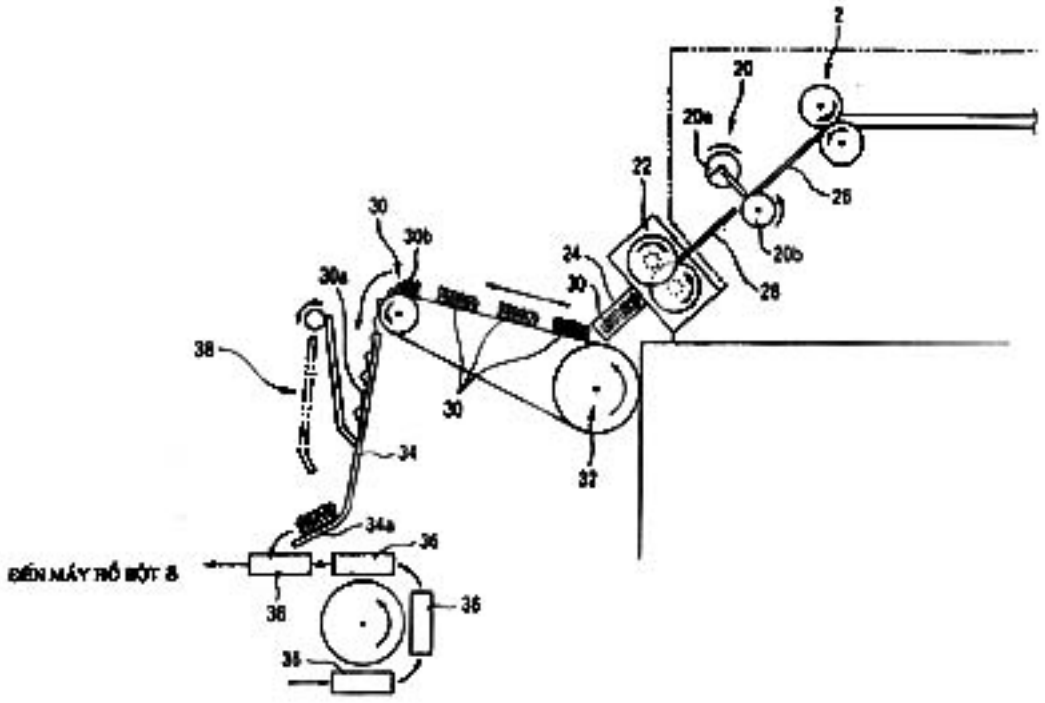

(11) **8409**
(21) 1-2003-00217 (51)[7] **D01D 1/04**
(22) 28.08.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/09876 28.08.2001 (87) WO02/18681 07.03.2002
(30) 10042478.3 29.08.2000 DE
(71) BUHLER AG (CH)
CH-9240 Uzwil Switzerland
(72) THEODOR JURGENS (DE), RUDOLF GEIER (DE)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N. & ASSOCIATES)
(54) QUY TRÌNH LÀM NÓNG CHẢY CÁC HẠT POLYME VÀ PHẦN TỬ LÀM NÓNG CHẢY

(57) Sáng chế đề cập đến quy trình làm nóng chảy hạt polyme trên phần tử làm nóng chảy để có thể kéo được sợi từ các hạt đã nóng chảy. Nhằm làm cho hạt nóng chảy được một cách thật mạnh mẽ, mà không gây ra các biến dạng nhiệt hoặc cơ học, một phần tử làm nóng chảy mà trên đó có các lỗ được vuốt côn dần về phía mặt dưới của phần tử làm nóng chảy nói trên được sử dụng. Từ đó các phần tử hình cầu được đưa vào các lỗ nói trên ở dạng hạt có đường kính trung bình D_3 có tỉ lệ với đường kính phía đầu vào D_1 của lỗ này là $2^* D_3 \geq D_1 \geq D_3$

(11) **8410**
(21) 1-2003-00218 (51)[7] **C07D 309/30**, C07C 271/22
(22) 06.08.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/09068 06.08.2001 (87) WO02/12220 A2 14.02.2002
(30) 09/633753 07.08.2000 US
(71) NOVARTIS AG (CH)
Lichtstrasse 35, CH-4056 Basel, Switzerland
(72) KlNDER, Frederick Ray (US)
(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)
(54) QUY TRÌNH ĐIỀU CHẾ HỢP CHẤT DISCODERMOLIT VÀ CÁC HỢP CHẤT TƯƠNG TỰ
(57) Sáng chế đề cập đến quy trình tổng hợp dễ thực hiện hơn để điều chế hợp chất discodermolit và các hợp chất tương tự về cấu trúc, các hợp chất mới hữu dụng trong quy trình này và các hợp chất mới do quy trình này tạo ra.

(11) **8411**

(21) 1-2003-00228 (51)[7] **C07D 417/12**, A61K 31/44, A61P 3/00

(22) 05.09.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/GB01/03991 05.09.2001 (87) WO02/20519 A1 14.03.2002

(30) 0021865.1 06.09.2000 GB

Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 25.03.2003

(71) SMITHKLINE BEECHAM P.L.C. (GB)
980, Great West Road, Brentford, Middx TW8 9GS, United Kingdom

(72) CRAIG, Andrew, Simon (GB), MILLAN, Michael (AU)

(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)

(54) MUỐI HYDROCLORUA CỦA 5-[4-[2-(N-METYL-N-(2- PYRIDYL)AMINO)ETOXY] BENZYL]THIAZOLIDIN-2,4-DION

(57) Sáng chế đề xuất dược chất mới 5-[4-[2-(N-metyl-N-(2-pyridyl)amino) etoxy]benzyl]thiazolidin-2,4-dion hyđroclorua, quy trình sản xuất hợp chất này, dược phẩm có chứa hợp chất này và sử dụng hợp chất này trong y học.

(11) **8412**
(21) 1-2003-00230 (51)[7] **B62J 35/00**, 1/12
(22) 07.03.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-063609 08.03.2002 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 07.03.2003
(71) HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)
1-1, Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(72) Shoichiro SATO (JP), Yukishige KUWABARA (JP), Nobuo NAKAI (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) KẾT CẤU ĐỠ BÌNH NHIÊN LIỆU DÙNG CHO XE MÁY

(57) Sáng chế đề xuất kết cấu đỡ bình nhiên liệu dùng cho xe máy trong đó bình nhiên liệu có các phần trước và sau được đỡ trên các thanh đỡ yên (14) nhờ các bộ phận bằng cao su (218), và phần chặn (244) để ngăn không cho các bộ phận bằng cao su (218) bị ép quá trị số cố định C1 sẽ nhô ra từ một trong số thanh đỡ yên (14) và giá treo bình (202) trên bình nhiên liệu (31) hướng về phía kia của nó.

Thậm chí nếu các bộ phận bằng cao su chịu lực tác dụng thường xuyên và có các kích thước của chúng bị giảm do sự lão hoá dưới tác dụng của lực từ bình nhiên liệu vào các bộ phận bằng cao su trong thời gian dài, thì bình nhiên liệu được ngăn không cho dịch chuyển quá trị số cố định này. Do vậy, không cần tạo ra khe hở lớn để ngăn ngừa sự va chạm giữa bình nhiên liệu và các chi tiết nằm gần bình nhiên liệu. Kết quả là, có thể giảm kích cỡ xe máy. Hơn nữa, các cao độ của yên xe và bình nhiên liệu không bị giảm đi, khiến cho có thể đảm bảo khả năng giảm chấn của yên xe và dung tích của bình nhiên liệu.

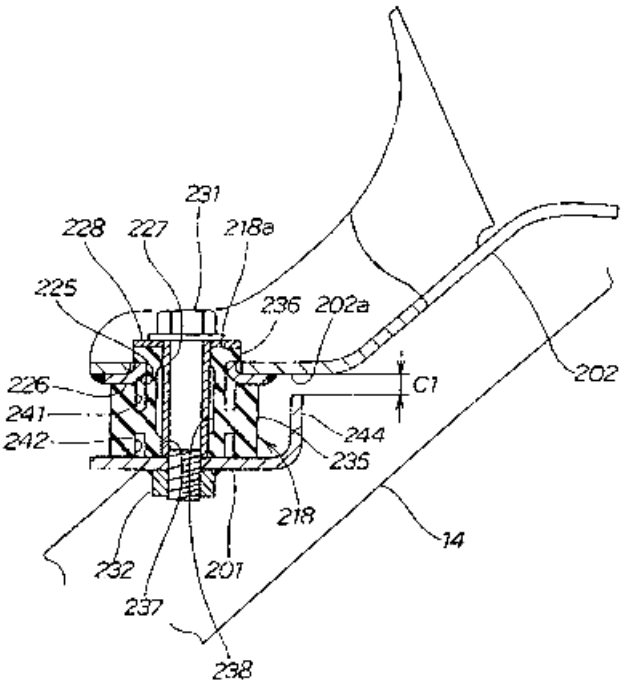

(11) **8413**
(21) 1-2003-00232
(51)[7] **C07D 211/60**, 211/66, 413/12, 405/12, 401/12, 487/08, 455/02, 207/16, 413/14, A61K 31/5377, A61P 25/28, 9/10, 19/10, 11/06
(22) 14.03.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/08084 14.03.2001
(87) WO02/20485A1 14.03.2002
(30) 09/655,351 08.09.2000 US
(71) Boehringer lngelheim Pharmaceuticals, lnc. (US)
900 Ridgebury Road, P.O. Box 368. Ridgefield, Connecticut 06877-0368, USA
(72) BEKKALl, Younes (CA), HlCKEY, Eugene Richard (US), LlU, Weimin (CN), PATEL, Usha R. (US), SPERO, Denice Mary (US), SUN, Sanxing (CN), THOMSON, David S. (GB), WARD, Yancey David (US), YOUNG, Erick Richard Roush (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT DỊ VÒNG SPIRO NITRIL, DƯỢC PHẨM CHỨA HỢP CHẤT NÀY VÀ VIỆC SỬ DỤNG HỢP CHẤT NÀY

(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất mới có công thức (Ia) và (Ib) có tác dụng ức chế thuận nghịch cathepsin S, K, F, L và B, trong đó R_2, R_3, R_4, R_5, R_6, R_7, R_8, Het và X được xác định như được nêu ở đây. Các hợp chất này có tác dụng trong việc điều trị các bệnh tự miễn dịch và các bệnh khác. Sáng chế còn đề cập đến các quy trình điều chế các hợp chất mới này.

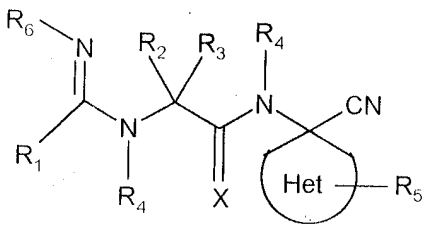

(Ia)

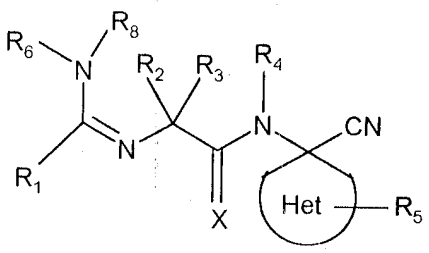

(Ib)

(11) **8414**
(21) 1-2003-00240 (51)[7] **C08J 9/228**, B29C 39/42
(22) 11.03.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.03.2003
(75) CHI, FU - LONG (TW)
No. 2, Alley 29, Lane 220, Sec.2, Nam Tun St., Nam Tun District, Taichung City, Taiwan.
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N. & ASSOCIATES)
(54) PHƯƠNG PHÁP ĐÚC TRONG ĐỂ CHẾ TẠO VẬT XỐP
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chế tạo vật xốp bao gồm bước đầu tiên trong đó nguyên liệu thô rắn được đưa vào khoang đúc. Sau đó, khoang đúc này được rút không khí ra để giữ ở trong trạng thái chân không. Khoang đúc trong trạng thái chân không này được đun nóng sao cho quá trình lưu hoá nguyên liệu thô diễn ra. Đồng thời, khoang đúc được đưa ra khỏi trạng thái chân không để cho phép nguyên liệu thô lưu hoá tạo thành hình dạng trong khoang đúc. Cuối cùng, khoang đúc này được làm nguội trước khi nó được mở để lấy ra vật xốp.

(11) **8415**
(21) 1-2003-00248 (51)[7] **C09D 5/00**, 1/00, 5/10
(22) 11.09.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/10552 11.09.2001 (87) WO02/22745A1 21.03.2002
(30) 00307957.1 13.09.2000 EP
(71) AKZO NOBEL N.V. (NL)
Velperweg 76 6824 BM ARNHEM The Netherlands
(72) DAVIES, Gerald Howard (GB), GREENWOOD, Peter Harry Johan (SE), JACKSON, Paul Anthony (GB)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) LỚP PHỦ LÓT CỦA THÉP
(57) Sáng chế đề cập đến quy trình để phủ lót thép, loại thép này sẽ được sản xuất và được phủ thêm một lớp sơn, trong quy trình này thép được phủ lót bằng lớp phủ lót bao gồm chất liên kết silic ôxit, trong đó chất liên kết bao gồm sol silic ôxit ngậm nước được ổn định nhôm ôxit và, theo cách khác, một lượng nhỏ silicat kim loại kiềm, chất liên kết nêu trên có tỷ lệ mol SiO_2/M_2O ít nhất là 6: 1, trong đó M là tổng số kim loại kiềm và các ion amoni, và trong đó sau khi lớp phủ lót được làm khô đến hết độ dính, nó được xử lý một cách tuỳ ý bằng một loại dung dịch để làm tăng độ bền màng của lớp phủ lót.

(11) **8416**
(21) 1-2003-00250 (51)[7] **F02M 39/00**
(22) 14.03.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-087440 27.03.2002 JP
(71) KEIHIN CORPORATION (JP)
26-2, Nishishinjuku 1-chome, Shinjuku-ku, Tokyo, Japan
(72) Yoichi Yanagii (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) CẤU TRÚC GIÁ ĐỠ CỦA VAN PHUN NHIÊN LIỆU
(57) Sáng chế đề cập đến cấu trúc giá đỡ của van phun nhiên liệu. Để giữ độ kín khí với thân van tiết lưu ở đầu dẫn của van phun nhiên liệu và độ kín khí với ống cấp nhiên liệu ở đầu cuối của van phun nhiên liệu, và để cải thiện quy trình lắp ráp giữa ống cấp nhiên liệu và thân van tiết lưu, vòng bịt kín thứ nhất (4) được sắp xếp ở đầu dẫn (JA) của van phun nhiên liệu (J), đường kính bên trong và bên ngoài (4A, 4B) của vòng bịt thứ nhất (4) được đỡ nhờ phần trục đỡ thứ nhất (5) và lỗ đỡ có đường kính lớn thứ nhất (14) ở trạng thái nén, vòng bịt kín thứ nhất (4) được sắp xếp đối diện với phần bậc ăn khớp đường kính lớn thứ nhất (8) và phần bậc ăn khớp thứ ba (16), và vòng bịt kín thứ hai (9) được sắp xếp tại một đầu cuối (JB) của van phun nhiên liệu (J), các phần đường kính trong và ngoài (9A, 9B) của vòng bịt kín thứ hai (9) được gắn khít bởi phần trục đỡ thứ hai (10) và lỗ đỡ có đường kính lớn thứ hai (22) ở trạng thái nén, đầu bịt kín thứ hai (9) được sắp xếp đối diện phần bậc ăn khớp đường kính lớn thứ hai (13) và phần bậc ăn khớp thứ tư (24), và ống cấp nhiên liệu (20) được bố trí với lỗ đỡ có đường kính lớn thứ hai (22), phần bậc ăn khớp thứ tư (24) và đường cấp nhiên liệu (21) được định vị vào thân van tiết lưu (l) qua ốc vít (66) theo chiều vuông góc với hướng trục (X-X) của van phun nhiên liệu (J).

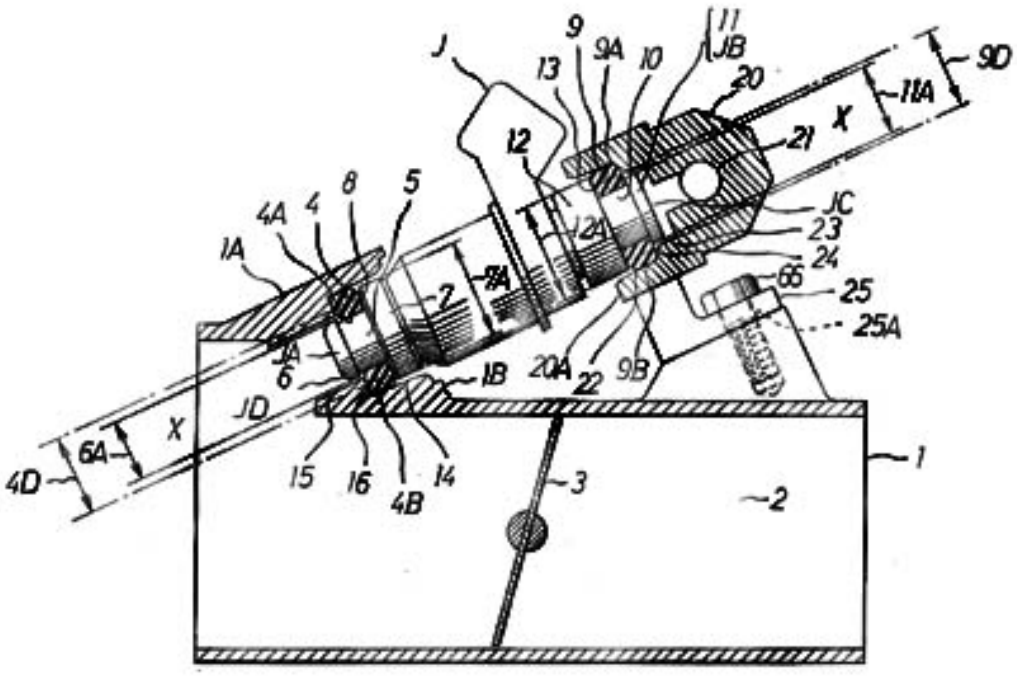

(11) **8417**

(21) 1-2003-00261 (51)[7] **C07D 307/87**

(22) 14.08.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/DK01/00541 14.08.2001 (87) WO02/16341A1 28.02.2002

(30) PA200001231 18.08.2000 DK

(71) H. Lundbeck A/S (DK)
Ottiliavej 9, DK-2500, Valby-Copenhagen, Denmark

(72) Hans Petersen (DK), Haleh Ahmadian (DK)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ CITALOPRAM

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp điều chế citalopram bao gồm các bước chuyển hoá hợp chất có công thức VIII l-[(3-dimetylamino)prop-3-yl]-l-(4-flophenyl)- 5-Z - l,3-dihydroisobenzofuran, trong đó Z là halogen, thành hợp chất có công thức IV 5-carboxy-l-(3-(N,N-dimetylamino)prop-l-yl)-l-(4-flophenyl)-l,3- dihydroisobenzofuran, tiếp theo chuyển hoá hợp chất có công thức IV thành citalopram. Sáng chế cũng đề cập đến các phương pháp điều chế hợp chất có công thức IV

(11) **8418**

(21) 1-2003-00262 (51)[7] **C07D 307/87**

(22) 14.08.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/DK01/00542 14.08.2001 (87) WO02/16342A1 28.02.2002

(30) PA200001231 18.08.2000 DK

(71) H. Lundbeck A/S (DK)
Ottiliavej 9, DK-2500, Valby-Copenhagen, Denmark

(72) Hans Petersen (DK), Haleh Ahmadian (DK), Robert Dancer (AU)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ CITALOPRAM

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp điều chế citalopram bao gồm các bước cho 5-carboxyphtalit liên tiếp phản ứng với chất phản ứng Grignard 4-halo-nophenyl và chất phản ứng Grignard 3-halo-N,N - dimetyl-propylamin, sau đó tiến hành khép vòng hợp chất có công thức XI thu được thành hợp chất có công thức IV, tiếp theo chuyển hoá hợp chất có công thức IV thành citalopram. Sáng chế cũng đề cập đến các phương pháp điều chế và chuyển hoá hợp chất có công thức IV.

(11) **8419**
(21) 1-2003-00263 (51)[7] **A24D 1/02**
(22) 18.09.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/CA01/01324 18.09.2001 (87) WO 02/24006 28.03.2002
(30) 60/233,440 18.09.2000 US
(71) ROTHMANS, BENSON & HEDGES INC. (CA)
1500 Don Mills Road, North York, Ontario M3B 3L1
(72) SNAIDR, Stanislav, M. (CA), BECKER, Robert, E. (US)
(74) Công ty Hỗ trợ phát triển công nghệ (DETECH)
(54) ĐIẾU THUỐC LÁ CÓ VẬT LIỆU XỬ LÝ KHÔNG CHÁY ĐỂ XỬ LÝ LUỒNG KHÓI BỐC RA TỪ ĐIẾU THUỐC ĐANG CHÁY

(57) Sáng chế đề cập đến điếu thuốc lá có luồng khói bốc ra từ điếu thuốc đang cháy thấp bao gồm một thanh thuốc thông thường và vật liệu xử lý không cháy bọc thanh thuốc này. Vật liệu xử lý có độ xốp nhỏ hơn 200 Coresta và một chất xử lý khói bốc ra từ điếu thuốc đang cháy. Chất xử lý này là hỗn hợp của một chất xúc tác oxy hoá oxit kim loại lưu giữ và cung cấp oxy với một chất cho thêm dạng hạt xốp rất mịn cơ bản là không cháy được cho thêm vào chất xúc tác đó. Ngoài ra, sáng chế còn đề cập đến cụm điếu thuốc lá có luồng khói bốc ra từ điếu thuốc đang cháy thấp bao gồm một điếu thuốc lá với giấy quấn thuốc lá thông thường bọc quanh một thanh thuốc thông thường và vật liệu xử lý không cháy bao quanh và gần như là tiếp xúc với giấy quấn thuốc lá thông thường đó. Vật liệu xử lý không cháy này là một chất xử lý khói bốc ra từ điếu thuốc đang cháy, trong đó vật liệu xử lý không cháy có độ xốp nhỏ hơn 200 Coresta và chất xử lý này là hỗn hợp của một chất xúc tác oxy hoá oxit kim loại lưu giữ và cung cấp oxy với một chất cho thêm dạng hạt xốp rất mịn cơ bản là không cháy được cho thêm vào chất xúc tác đó.

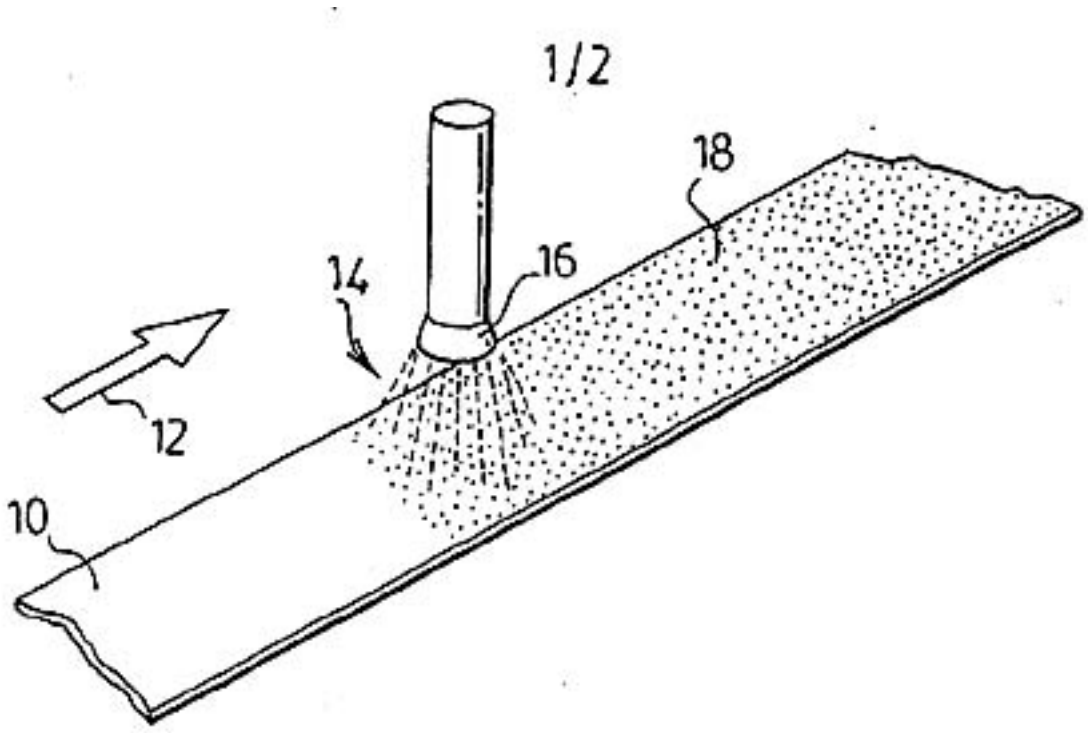

(11) **8420**
(21) 1-2003-00266 (51)[7] **A61F 13/15**, 5/44
(22) 20.09.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/08180 20.09.2001 (87) WO02/24130 29.03.2002
(30) 2000-287004 21.09.2000 JP
2001-62419 06.03.2001 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.03.2003
(71) 1. THE PROCTER & GAMBLE COMPANY (US)
One Procter & Gamble Plaza, Cincinnati, OH 45202, USA
2. JAPAN ABSORBENT TECHNOLOGY INSTITUTE (JP)
2-26-5 Nihonbashihama-cho Chuo-ku, Tokyo, 103-0007 Japan
(72) SUGIYAMA, KATSUHIKO (JP), SUZUKI, MIGAKU (JP), KUWABARA, RIE (JP)
(74) Công ty Sở hữu công nghiệp (INVESTIP)
(54) VẬT DỤNG THẤM HÚT CÓ LÕI THẤM HÚT THÁO RA ĐƯỢC
(57) Sáng chế đề cập tới vật dụng thấm hút bao gồm một phần trước, một phần sau, một phần đùi bên trong, một vòng cạp, hai vòng đùi, và một tấm dưới không thấm dịch thể, trong đó được bố trí ở phía bên trong của tấm dưới là một lõi thấm hút nước tiểu ở phía trước và một lõi thấm hút phân ở phía sau, với lỗ tháo ra được tạo thành để tháo các lõi thấm hút này ra.

(11) **8421**
(21) 1-2003-00268 (51)[7] **D05B 1/12**
(22) 18.03.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-082596 25.03.2002 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.03.2003
(71) Mikasa Corporation (JP)
11-2, Kusunoki-cho 3-chome, Nishi-ku, Hiroshima-shi, Hiroshima-ken, Japan
(72) Takashi FUJIKURA (JP), Hiroshi MURATANI (JP), Takahito YANAMOTO (JP)
(74) Công ty TNHH Dịch vụ Tầm nhìn và Liên danh (VISION & ASSOCIATES CO.LTD.)
(54) PHƯƠNG PHÁP TẠO ĐƯỜNG MAY NỐI BẰNG MÁY MAY
(57) Phương pháp tạo đường may nối bằng máy may mà không cần khâu lại mũi. Trong máy may được sử dụng, suốt quay theo chiều ngược kim đồng hồ, kim thứ nhất, kim thứ hai và suốt thứ hai quay theo chiều ngược kim đồng hồ được bố trí ngược chiều nạp vật liệu. Vật liệu cần may được nạp mỗi lần các kim đồng thời và độc lập tạo ra các mũi may để tạo ra hai đường may nối độc lập chồng lên nhau theo cách sao cho các nút thắt của các đường may nối này chồng lên nhau trên mỗi điểm thắt nút, trong đó một trong hai đường may nối gồm có các mũi may hoàn chỉnh và đường may còn lại gồm có các mũi may móc.

(11) **8422**
(21) 1-2003-00272 (51)[7] **C07D 235/30**, 233/88, 233/48, A61K 31/4164, A61P 9/00, 35/00
(22) 02.08.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/08970 02.08.2001 (87) WO02/16328 A1 28.02.2002
(30) 10041423.0 23.08.2000 DE
(71) MERCK PATENT GMBH (DE)
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt, Germany
(72) STAHLE Wolfgang (DE), HOLZEMANN Gunter (DE), GOODMAN Simon (GB)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) DẪN XUẤT BIPHENYL, PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHẾ CHÚNG, DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG VÀ SỬ DỤNG CHÚNG

(57) Sáng chế đề cập tới dẫn xuất biphenyl mới có công thức chung (I), trong đó R^4 là dị vòng thơm, và các muối và solvat dược dụng của chúng. Hợp chất theo sáng chế là chất ức chế integrin và được sử dụng để điều trị chứng huyết khối, chứng nhồi máu cơ tim, bệnh mạch vành tim, bệnh xơ cứng động mạch, các bệnh viêm, tumors, chứng loãng xương, chứng nhiễm khuẩn và chứng tái phát hẹp (van tim) sau thủ thuật tạo hình mạch hoặc để điều trị các qúa trình bệnh lý bị lưu giữ hoặc lan truyền do thủ thuật tạo hình mạch gây ra.

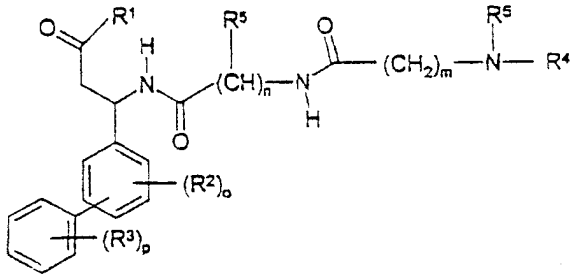

(I)

(11) **8423**

(21) 1-2003-00273 (51)[7] **A23B 7/10**
(22) 20.03.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 20.03.2003

(75) KIM SOON-JA (KR)
Ssangyong APT. 1405-2201, Yeonwhamael, Joong-Dong, Wonmi-ku, Buchun-Si. Kyeongki-Do, Republic of Korea
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT KIM CHI ĐÔNG LẠNH

(57) Sáng chế này đề xuất phương pháp sản xuất kim chi đông lạnh. Phương pháp theo sáng chế này bao gồm các bước: trộn kỹ các loại rau chính đã xử lý sơ bộ và các gia vị ở tỷ lệ định trước; kiểm tra pH của hỗn hợp thu được trong suốt quá trình làm chín nhờ lên men bằng cách sử dụng thiết bị tự động giám sát pH nhằm tiến hành làm chín hỗn hợp ở khoảng pH tối ưu từ 4,5 đến 5,5 do thời gian làm chín kimchi thay đổi theo hàm lượng nước sinh ra ở bước trộn, theo nhiệt độ, gia vị, v.v..; đóng gói kimchi đã làm chín vào đồ chứa để bán; và làm đông nhanh kimchi đã đóng gói ở nhiệt độ nằm trong khoảng từ -20 đến -40°C. Phương pháp theo sáng chế này đơn giản hoá và tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo quản kimchi trong một thời gian dài, vận chuyển, lưu thông nó trên thị trường và làm tan giá nó trước khi sử dụng, thêm vào đó vẫn giữ được vị độc đáo của kimchi chín và vì vậy cung cấp cho người tiêu thụ sản phẩm kimchi với vị không bị thay đổi.

(11) **8424**
(21) 1-2003-00277 (51)[7] **F27B 7/20**, C04B 7/43
(22) 19.07.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/IB01/01296 19.07.2001 (87) WO02/16849 28.02.2002
(30) PA200001253 24.08.2000 DK
(71) F.L. SMIDTH A/S (DK)
Vigerslev Allé 77, DK-2500 Valby, Denmark
(72) SKAARUP JENSEN Lars (DK), THOMSEN Kent (DK)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT CLINKE XIMĂNG
(57) Sáng chế đề xuất phương pháp cũng như thiết bị để sản xuất clinke xi măng, theo phương pháp này bột nguyên liệu xi măng nung sơ bộ trong lò nung sơ bộ (1), nung trong lò nung (3) có đầu trên (3a) và đầu dưới (3b), được đốt thành clinke trong lò sấy (5) làm nguội trong bộ phận làm nguội clinke sau đó (7). Sáng chế đặc trưng ở chỗ khí xả từ lò sấy (5) được dẫn vào đầu trên (3a) của lò nung, nhiên liệu cũng được dẫn vào đầu trên (3a) của lò nung này, huyền phù nhiên liệu/khí xả được dẫn xuống qua lò nung (3), không khí nung sơ bộ từ bộ phận làm nguội clinke (7) và bột nguyên liệu nung sơ bộ từ lò nung sơ bộ (1) được cấp theo cách kết hợp hoặc riêng biệt vào trong lò nung (3) ở vị trí nằm dưới vùng mà khí xả từ lò sấy và nhiên liệu được dẫn vào đó, không khí nung sơ bộ được dẫn xuống qua lò nung (3), được trộn dần với huyền phù nhiên liệu/khí xả, bột nguyên liệu dưới tác động của trọng lực được dẫn xuống qua lò nung (3) dọc theo thành lò được tạo lửng trong các khí xả ra ở đầu dưới (3b) của lò nung, và huyền phù bột nguyên liệu/khí xả được hút từ đầu dưới (3b) của lò nung và được vận chuyển tới phương tiện tách (4) để tách bột nguyên liệu được dẫn tiếp tới lò sấy (5). Nhờ đó, thu được sự giảm đáng kể NO_x vốn được dẫn tới lò nung cùng với khí xả lò sấy, mức đốt cháy nhiên liệu cao ngay cả khi sử dụng nhiên liệu có hàm lượng các thành phần bay hơi thấp và mức chuyển nitơ vốn được dẫn tới lò nung cùng với nhiên liệu thành NOx thấp.

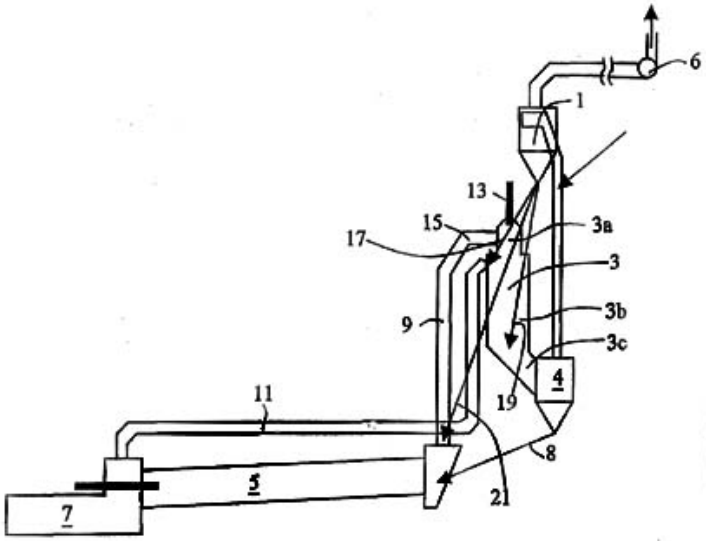

(11) **8425**
(21) 1-2003-00283 (51)[7] **A61F 13/15**
(22) 25.03.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-85004 26.03.2002 JP
2002-335126 19.11.2002 JP
(71) UNl-CHARM CORPORATlON (JP)
182 Shimobun, Kinsei-cho, Kawanoe-shi, Ehime, Japan
(72) Jun KUDO (JP), Makoto SUEKANE (JP), Yukihiro lTO (JP), Junko SATO (JP)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) VẬT DỤNG THẤM HÚT
(57) Sáng chế đề xuất vật dụng thấm hút bao gồm lớp vật liệu trên có thể thấm chất lỏng, lớp vật liệu dưới không thấm chất lỏng, và thân thấm hút hẹp hơn lớp vật liệu trên và lớp vật liệu dưới và được bố trí ở giữa lớp vật liệu trên và lớp vật liệu dưới sao cho từng mép bên kéo dài theo chiều dọc của thân thấm hút được bố trí hướng về phía trong cách xa các mép bên tương ứng của lớp vật liệu trên và lớp vật liệu dưới. Dọc theo mỗi mép bên của thân thấm hút, lớp vật liệu trên được dập nổi để có các phần nén chặt được tạo ra theo hoa văn hầu như liên tục và kéo dài theo chiều dọc.

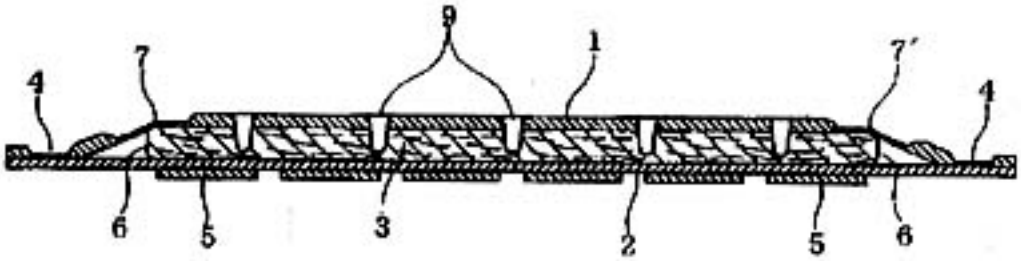

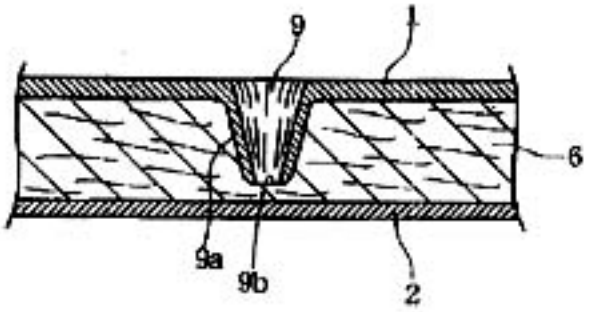

(11) **8426**
(21) 1-2003-00290 (51)[7] **F16D 43/14**
(22) 27.03.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-089502 27.03.2002 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 27.03.2003
(71) HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)
1-1, Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(72) Ichirou SUDO (JP), Mitsuru YOKOYAMA (JP), Hidemi YOKOYAMA (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) KHỚP LY HỢP LY TÂM KIỂU ƯỚT
(57) Sáng chế đề xuất khớp ly hợp ly tâm kiểu ướt, trong đó rãnh cấp để cấp dầu bôi trơn vào lỗ gài của khối nặng để trục đỡ gài được vào trong đó được tạo ra mà không làm tăng số lượng các chi tiết, sự mài mòn ở các phần tiếp xúc của trục đỡ và khối nặng sẽ giảm đi và ngăn hoặc hạn chế không cho tiếng ồn do sự va chạm giữa cả hai chi tiết này gây ra. Khớp ly hợp ly tâm kiểu ướt có trục đỡ (3) lắp vào đĩa dẫn động (2) quay liền khối với trục khuỷu và khối nặng (4) có lỗ gài (40) để trục đỡ (3) gài được vào trong đó và được đỡ bởi trục đỡ (3) này khiến cho khối nặng có thể lắc được. Khối nặng (4) được tạo ra bởi các tấm xếp thành lớp (41, 42), rãnh (43) chạy dài đến lỗ gài (40) được tạo ra ở mặt bên (42b) theo hướng xếp lớp của tấm có rãnh (42), và rãnh cấp (44) để cấp dầu bôi trơn tăng áp nhờ lực ly tâm đến lỗ gài (40) được tạo ra bởi lỗ thủng được tạo ra tương ứng bởi các tấm (41) che rãnh (43) và rãnh (43) theo hướng xếp lớp.

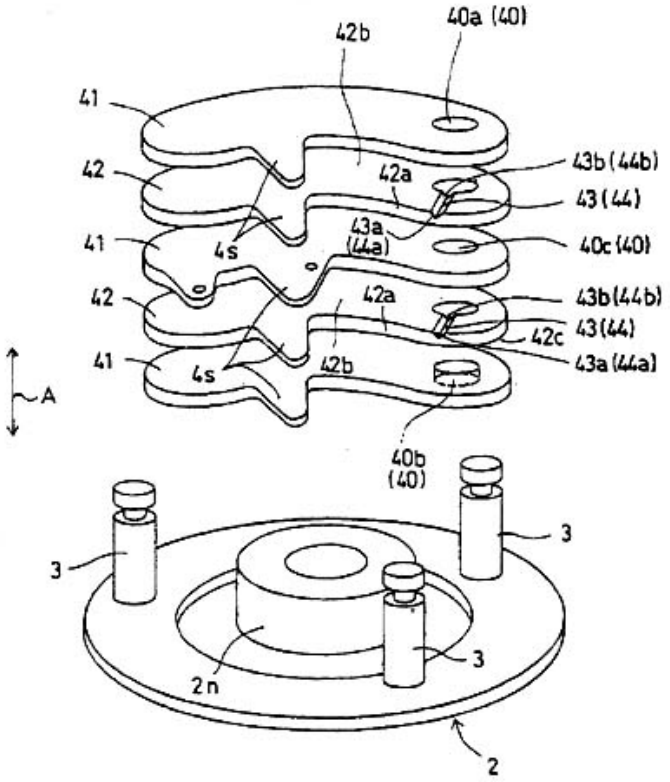

(11) **8427**
(21) 1-2003-00292 (51)[7] **A47B 3/08**, 13/08
(22) 27.03.2003 (43) 27.10.2003
(30) 10/112,463 29.03.2002 US
(75) Frank TSAl (CN)
Tun-Chia Village, Gon Min Town, Shenzhen City, Guang Dong P.R. China
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) BÀN ĂN CÓ THỂ GẤP ĐƯỢC
(57) Sáng chế đề cập đến bàn ăn có thể gấp được bao gồm mặt bàn và một cặp khung đỡ bàn được lắp dưới mặt bàn. Mặt bàn này bao gồm tấm trên, tấm dưới được liên kết xếp chồng nhau với tấm trên và xác định một khoang chứa giữa các tấm trên và dưới, và khung gia cố, được chứa trong khoang chứa, bao gồm một cặp thanh gia cố được bố trí theo chiều dọc ở hai phần cạnh đầu của khoang chứa một cách tương ứng và ít nhất hai giá đỡ ngang được nối cách xa nhau giữa hai thanh gia cố. Các khung đỡ bàn được lắp gấp được với khung gia cố ở tấm dưới và được làm thích ứng để gấp vào ở vị trí gấp trong đó các khung đỡ bàn được gấp xoay và hướng vào trong về phía tấm dưới của mặt bàn, và ở vị trí mở trong đó các khung đỡ bàn được gấp xoay và hướng ra ngoài vuông góc với mặt bàn.

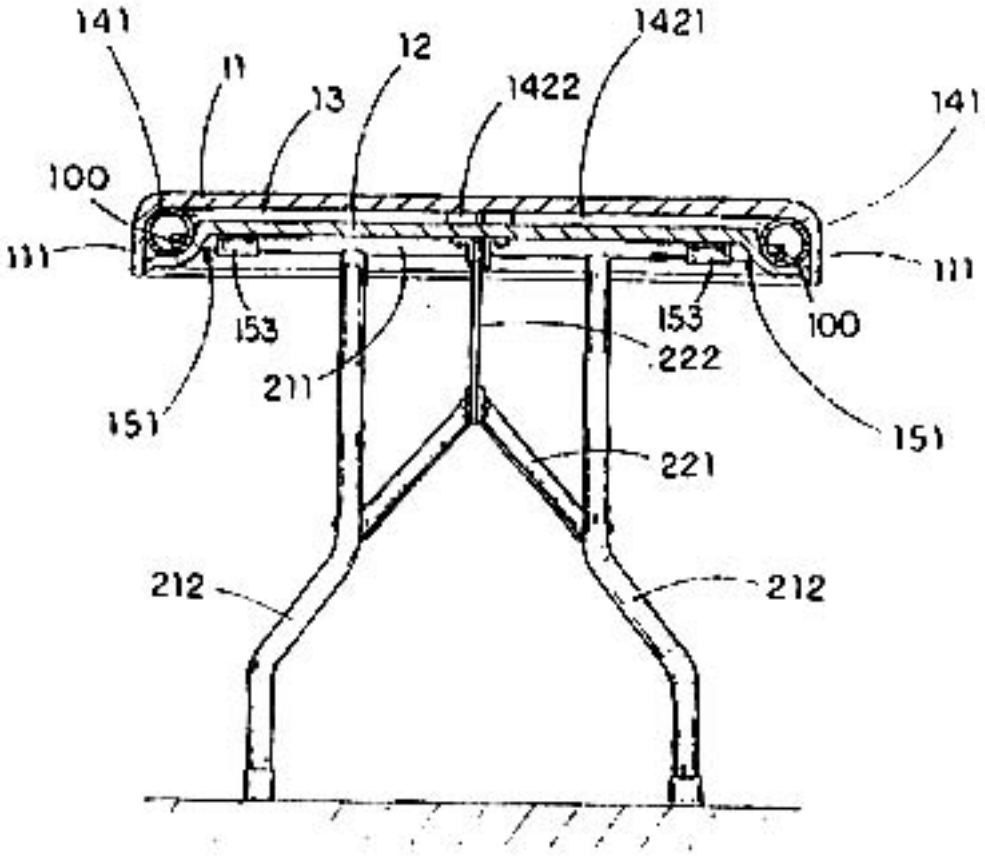

(11) **8428**
(21) 1-2003-00293 (51)[7] **A61F 13/18**
(22) 27.03.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-94890 29.03.2002 JP
(71) UNI-CHARM CORPORATION (JP)
182 Shimobun, Kinsei-cho, Kawanoe-shi, Ehime, Japan
(72) Jun KUDO (JP), Makoto SUEKANE (JP)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) VẬT DỤNG THẤM HÚT VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO
(57) Sáng chế đề xuất vật dụng thấm hút bao gồm một lớp trên có thể thấm chất lỏng, một tấm dưới, và một lớp thấm hút được bố trí ở giữa lớp trên và tấm dưới. Các sợi tạo thành lớp thấm hút được liên kết với nhau. Lớp thấm hút có chứa sợi ưa nước. Lớp trên và lớp thấm hút được dập nổi với nhau để có các hõm, trong đó các sợi tạo thành lớp thấm hút liên kết với lớp trên.

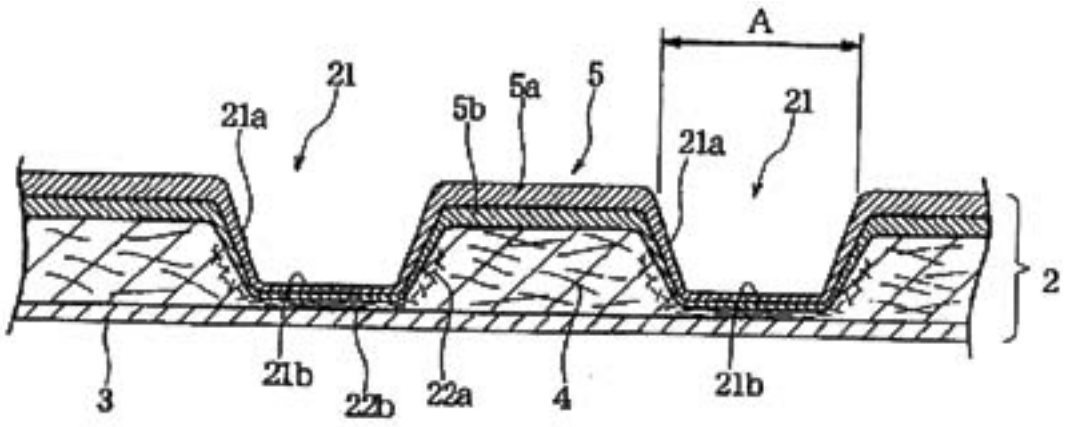

(11) **8429**

(21) 1-2003-00302
(51)[7] **B29B 9/10**, B01J 2/04, C08G 63/88, C08J 3/12
(22) 18.01.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/00518 18.01.2001
(87) WO02/18113A1 07.03.2002
(30) 10042476.7 29.08.2000 DE
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung:

(71) BUHLER AG (CH)
CH-9240 Uzwil, SWITZERLAND
(72) Theodor JURGENS (DE), Rudolf GEIER (DE)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ SẢN XUẤT HẠT HÌNH CẦU TỪ POLYME NÓNG CHẢY

(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp và thiết bị để sản xuất hạt hình cầu, nhờ đó tiền polyme nóng chảy hoặc phần ngưng tụ sơ bộ được chuyển thành các giọt nhờ vòi phun tạo giọt, các giọt chịu tác động của dòng ngược nhờ khí trong cột kết tủa cho đến khi thu được sự kết tinh ít nhất một phần và sau đó được đưa tới pha kết tinh bổ sung tiếp theo. Để tạo ra một cách kinh tế các hạt có chất lượng cao ở tốc độ dòng cao, tiền polyme nóng chảy được chuyển thành các giọt nhờ làm rung tấm lắp vòi phun và/hoặc kích rung trực tiếp tiền polyme hoặc polyme nóng chảy và các giọt tạo thành chịu tác động của dòng không khí và khí thổi ngược.

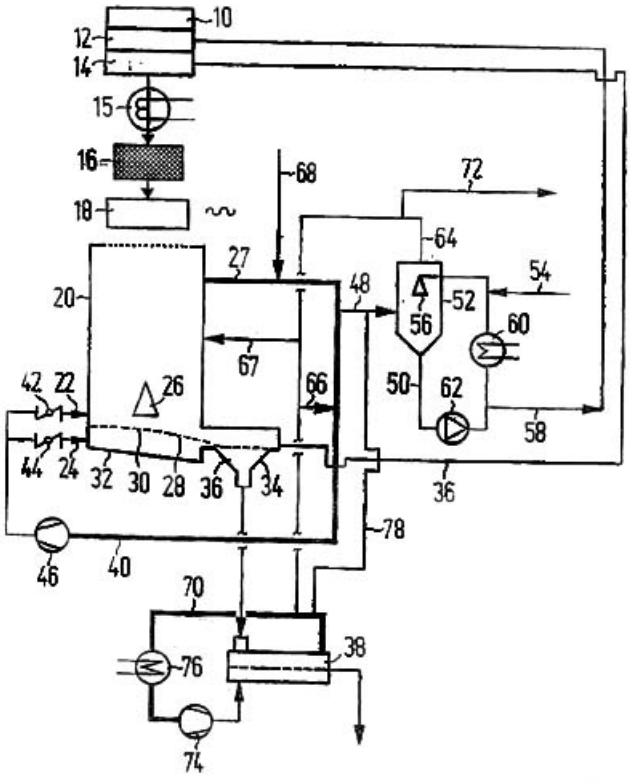

(11) **8430**

(21) 1-2003-00309

(51)[7] **C07D 209/16**, C07C 259/06, C07D 417/12, 403/12, 471/04, 519/00, 295/02, A61K 31/4045, 31/16, A61P 35/00

(22) 30.08.2001

(43) 27.10.2003

(86) PCT/EP01/10037 30.08.2001

(87) WO02/22577 21.03.2002

(30) 60/229,943 01.09.2000 US
60/292,232 18.05.2001 US

(71) NOVARTIS AG (CH)
Lichtstrasse 35, CH-4056 Basel, Switzerland

(72) BAlR, Kenneth Walter (US), GREEN, Michael A. (US), PEREZ, Lawrence B. (US), REMlSZEWSKl, Stacy W. (US), SAMBUCETTI, Lidia (US), VERSACE, Richard William (US), SHARMA, Sushil Kumar (US)

(74) Công ty TNHH Ban Ca (BANCA)

(54) CHẤT ỨC CHẾ DEAXETYLAZA

(57) Sáng chế đề xuất các hợp chất hydroxamat là các chất ức chế deaxetylaza. Các hợp chất này là thích hợp đối với các dược phẩm có các tính chất chống tăng sinh.

(11) **8431**
(21) 1-2003-00310 (51)[7] **C22C 30/00**, 38/04, 38/08, 38/16, 38/18
(22) 01.04.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 18.07.2003
(71) YIEH UNITED STEEL CORP. (TW)
600, Shing Loong St., Jia Hsing Lii, Kangshan Jenn, Kaohsiung Hsien, Taiwan
(72) Meng-Hsin HSIEH (TW), Yi-Cheng WU (TW), Pei-Te HUANG (TW), Hao-Shang LIU (TW)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) THÉP KHÔNG GỈ AUSTENIT GỒM CROM-NIKEN- MANGAN-ĐỒNG CÓ CHỨA NIKEN VỚI LƯỢNG THẤP

(57) Thép không gỉ austenit bao gồm (a) 0,03wt % đến 0,12wt % của C, (b) 0,2wt % đến 1,0wt % của Si, (c) 7,5wt % đến 10,5wt % của Mn, (d) 14,0wt % đến 16,0wt % của Cr, (e) 1,0wt % đến 5,0wt % của Ni, (f) 0,04wt % đến 0,25wt % của N, (g) 1,0wt % đến 3,5wt % của Cu, (h) vi lượng Mo; và phần còn lại là Fe và các tạp chất. Thép không gỉ có hàm lượng δ-ferit nhỏ hơn 8,5 và bằng với δ-ferrite = 6.77 [(d)+(h)+1,5(b)]-4,85[(e)+30(a)+30(f)+0,5(c)+0,3(g)]-52,75.

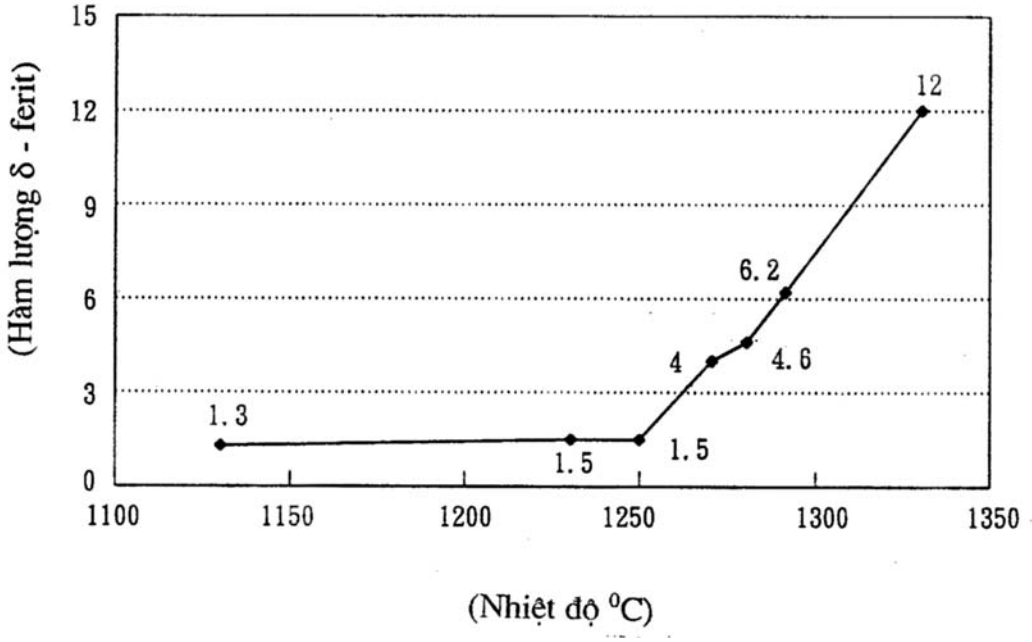

(11) **8432**
(21) 1-2003-00312 (51)[7] **A61K 31/395**, 31/55, 31/445, 31/40, A61P 5/00, C07D 405/00, 409/00, 205/00, 213/02, 411/00
(22) 15.10.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/42735 15.10.2001 (87) WO02/32377 A2 25.04.2002
(30) 60/241,582 19.10.2000 US
(71) MERCK & CO., INC. (US)
126 East Lincoln Avenue, Rahway, NJ 07065-0907, United States of America
(72) Helen Y. CHEN (US), Frank P. DININNO (US), Seongkon KIM (KR), Jane Y. WU (US)
(74) Công ty Sở hữu công nghiệp (INVESTIP)
(54) CHẤT ĐIỀU BIẾN CƠ QUAN NHẬN CẢM ESTROGEN
(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất và các dẫn xuất của chúng, quy trình tổng hợp chúng, và sử dụng chúng làm chất điều biến cơ quan nhận cảm estrogen. Các hợp chất của sáng chế là các phối tử cho các cơ quan nhận cảm và vì vậy chúng có thể được dùng để điều trị hoặc ngăn ngừa các bệnh khác nhau liên quan đến chức năng của estrogen, các bệnh này gồm: chứng tiêu xương, gãy xương, chứng loãng xương, chứng thoái hoá sụn, bệnh lạc màng trong tử cung, bệnh u xơ tử cung, các múp nóng, lượng cholesterol LDL cao, bệnh tim mạch, sự suy yếu chức năng nhận thức, các rối loạn thoái hoá não, bệnh tái phát hẹp van tim, chứng to vú đàn ông, chứng tăng sinh tế bào cơ trơn mạch, chứng béo phì, hiện tượng không kìm được, và ung thư, cụ thể là ung thư vú, tử cung và tuyến tiền liệt.

(11) **8433**
(21) 1-2003-00316 (51)[7] **A61K 31/575**
(22) 28.09.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/KR01/01643 28.09.2001 (87) WO02/28396 11.04.2002
(30) 2000/58127 04.10.2000 KR
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 04.04.2003
(71) DAEWOONG PHARM.CO., LTD. (KR)
223-23 Sangdaewon-dong, Joongwon-ku, 462-120 Sungnam, Kyunggi-do, Republic of Korea
(72) YEON Jae-Duck (KR), BAIK Kyong-Up (KR), JUNG Kyu-Hyuck (KR), PARK Seung-Kook (KR)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) DƯỢC PHẨM LÀM GIẢM HOẶC TRIỆT TIÊU ĐỘC TÍNH CỦA HORMON MÔI TRƯỜNG CHỨA AXIT URSOĐEOXYCHOLIC
(57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm làm giảm hoặc loại trừ độc tính của hormon môi trường chứa axit ursođeoxycholic hoặc các muối hoặc este dược dụng của nó làm chất khử độc.

(11) **8434**
(21) 1-2003-00318
(51)[7] **C07D 285/135**, 271/113, 417/10, 417/12, 417/14, 453/02, A61K 31/433, 31/55, 31/439, 31/4245, 31/4439, 31/4709, 31/497, A61P 29/00, 37/00, C07D 417/04
(22) 01.10.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/11330 01.10.2001
(87) WO02/28847A1 11.04.2002
(30) 00402710.8 02.10.2000 EP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.04.2003
(71) WARNER-LAMBERT COMPANY LLC (US)
201 Tabor Road, Morris Plains, NJ 07950, USA.
(72) VERGNE, Fabrice (FR), DUCROT, Pierre (FR), ANDRlANJARA, Charles (FR), BERNARDELLl, Patrick (FR), LORTHlOlS, Edwige (FR)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) HỢP CHẤT THIADIAZOL VÀ OXADIAZOL MỚI VÀ VIỆC SỬ DỤNG CHÚNG LÀM CÁC CHẤT ỨC CHẾ PHOSPHODIESTERAZA-7

(57) Sáng chế đề xuất hợp chất l,3,4-thiadiazol và l,3,4-oxadiazol có công thức (I): trong đó, Y là S hoặc O, R1 là alkyl, alkenyl, alkynyl, xycloalkyl, heteroxycloalkyl, xycloalkenyl, aryl, heteroaryl hoặc nhóm nhiều vòng, được thế tuỳ ý, R2 là alkyl, alkenyl, alkynyl, xycloalkyl, heteroxycloalkyl, xycloalkenyl hoặc aryl được thế tuỳ ý, R3 là X_2-R'3, trong đó X_2 là nhóm liên kết và R'3 là xycloalkyl, heteroxycloalkyl, xycloalkenyl, aryl, heteroaryl, hoặc nhóm nhiều vòng; được thế tuỳ ý, hoặc các dẫn xuất dược dụng của chúng, quy trình điều chế chúng và việc sử dụng chúng để bào chế thuốc dùng để điều trị các rối loạn có liên quan đến việc điều trị bằng chất ức chế PDE7.

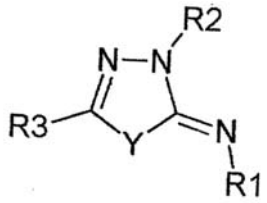

(I)

(11) **8435**
(21) 1-2003-00323 (51)[7] **A61K 31/47**, 31/40, 31/505, 31/22, 31/191, 31/192, A61P 43/00, 13/12, 25/00, 27/02, 9/00, 3/10, C07D 215/14, 239/42, 207/416
(22) 11.10.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/08921 11.10.2001 (87) WO02/30425 A1 18.04.2002
(30) 2000-311960 12.10.2000 JP
(71) 1. NISSAN CHEMICAL lNDUSTRIES, LTD. (JP)
7-1, Kandanishiki-cho 3-chome, Chiyoda-ku, Tokyo 101-0054, Japan
2. KOWA COMPANY, LTD. (JP)
6-29, Nishiki 3-chome, Naka-ku, Nagoya-shi, Aichi 460-8625, Japan
(72) Masaki KlTAHARA (JP), Yasushi SAlTO (JP), Seijiro MORI (JP), Minoru TAKEMOTO (JP), Taro TAMAKI (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) TÁC NHÂN PHÒNG VÀ ĐIỀU TRỊ CÁC BIẾN CHỨNG CỦA BỆNH TIỂU ĐƯỜNG
(57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm có thể được sử dụng để phòng và điều trị các biến chứng của tiểu đường, chẳng hạn như bệnh thận tiểu đường, bệnh thần kinh tiểu đường, bệnh võng mạc tiểu đường và bệnh mạch máu tiểu đường trong số các bệnh khác, và đề cập đến thuốc phòng và/hoặc điều trị các biến chứng của tiểu đường có chứa hợp chất được thể hiện trong công thức (1)

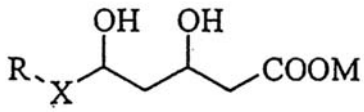

(1)

(trong đó R là nhóm hữu cơ, X là $-CH_2CH_2-$ hoặc -CH=CH-, và M là nguyên tử hyđro, nhóm alkyl C_{1-10} hoặc nhóm cation có thể chấp nhận được về sinh lý học)
hoặc dạng lacton hóa của nó làm thành phần hoạt tính.

(11) **8436**

(21) 1-2003-00325 (51)[7] **A61K 09/20**, 31/415, 31/135, A61P 37/08

(22) 28.09.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/EP01/11229 28.09.2001 (87) WO02/28373 11.04.2002

(30) 00121828.8 06.10.2000 EP

(71) BOEHRINGER INGELHEIM INTERNATIONAL GMBH (DE)
D-55216 Ingelheim am Rhein, Germany

(72) ABELAIRA, Sara (AR), BIANCHI, Daniel (AR), GEL, Francisco (AR), DENKER. Victor (AR), FERNANDEZ, Mabel (AR), VIDAL, Marta Cicconi de (AR)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) DƯỢC PHẨM CHỨA EPINASTIN VÀ PSEUDOEPHEDRIN

(57) Sáng chế đề cập đến dược phẩm dùng qua đường miệng mới chứa hỗn hợp bao gồm epinastin hoặc muối dược dụng của nó với lượng có tác dụng kháng histamin pseudoephedrin hoặc muối dược dụng của nó với lượng có tác dụng làm tản máu làm dược chất và ngoài ra, dược phẩm này còn chứa chất mang hoặc tá dược dược dụng thích hợp. Sáng chế còn đề cập đến phương pháp bào chế dược phẩm này và phương pháp sử dụng chúng để điều trị bệnh dị ứng và/hoặc các rối loạn dị ứng.

(11) **8437**
(21) 1-2003-00326 (51)[7] **C07D 403/12**, A61K 31/41
(22) 25.10.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/12984 25.10.2001 (87) WO02/34743 02.05.2002
(30) 00/13728 26.10.2000 FR
P0004153 26.10.2000 HU
(71) SANOFI-SYNTHELABO (FR)
174 Avenue de France F - 75013 Paris, France
(72) BIGNON, ERIC (FR), CSIKOS, EVA (HU), FREHEL, DANIEL (FR), GONCZI, CSABA (HU), HEJA, GERGELY (HU), MORVAI, MIKLOS (HU), PODANYI, BENJAMIN (HU), VARKONYINE SCHLOVICSKO, ERIKA (HU)
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N. & ASSOCIATES)
(54) HỢP CHẤT TRIAZO VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG
(57) Sáng chế đề cập đến các hợp chất có công thức (I) và các muối dược dụng, các solvat, các hydrat và các chất đa hình của nó. Các hợp chất này là các tác nhân thúc đẩy mạnh và có chọn lọc đối với các thụ thể CCK_1.

(11) **8438**
(21) 1-2003-00329 (51)[7] **F16C 17/00**, 33/08
(22) 04.04.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-103837 05.04.2002 JP
2002-272115 18.09.2002 JP
(71) NTN CORPORATION (JP)
3-17 Kyomachibori 1-chome, Nishi-ku, Osaka-shi, Osaka-fu, Japan
(72) Nobuyoshi Yamashita (JP), Tetsuya Kurimura (JP)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) CƠ CẤU Ổ TRỤC THUỶ ĐỘNG
(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu ổ trục thủy động với các chi phí giảm. Hộp vỏ với ống bọc ổ trục được lắp vào trong đó được tạo ra bằng cách chuốt. Chi tiết chặn dạng nắp được định vị ở phần đáy của hộp vỏ, và nhờ cho chi tiết chặn này tiếp xúc với bề mặt dầu dưới của ống bọc ổ trục, các chiều rộng của các khe hở ổ chặn trong các phần ổ chặn thứ nhất và thứ hai được điều chỉnh đến các giá trị quy định.

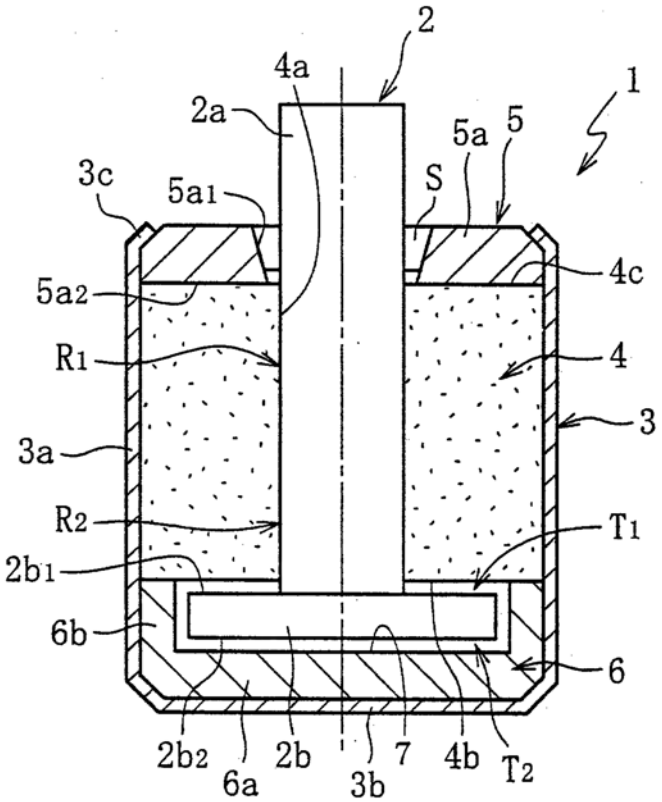

(11) **8439**
(21) 1-2003-00334 (51)[7] **F27B 7/20**, C04B 7/43
(22) 19.07.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/IB01/01291 19.07.2001 (87) WO02/25196 28.03.2002
(30) PA200001390 20.09.2000 DK
(71) F.L. SMIDTH A/S (DK)
Vigerslev Allé 77, DK-2500 Valby, Denmark
(72) SKAARUP JENSEN Lars (DK), THOMSEN Kent (DK)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) THIẾT BỊ SẢN XUẤT CLINKE XI MĂNG
(57) Sáng chế đề xuất thiết bị sản xuất clinke xi măng bao gồm bộ phận trao đổi nhiệt (1) có ít nhất một xiclon cuối cùng (1d) và ít nhất một xiclon sát cuối (1c) vốn được lắp nối tiếp nhau và được cấp khí từ xiclon cuối cùng (1d) qua đường ống dẫn khí (2c), lò nung (3) gồm ít nhất một lỗ nạp (9) để dẫn bột nguyên liệu thô đã làm nóng trước từ xiclon cuối cùng (1d), lò nung được nối với xiclon riêng biệt kế tiếp (4), đường ống dẫn khí (2d) sẽ nối xiclon riêng biệt (4) với xiclon cuối cùng (1d), và gồm ít nhất một lỗ nạp (11) để dẫn bột nguyên liệu thô đã làm nóng trước từ xiclon sát cuối (lc). Thiết bị khác biệt ở chỗ, lỗ nạp (11) để dẫn bột nguyên liệu thô đã làm nóng trước từ xiclon sát cuối (1c) vào trong đường ống dẫn khí (2d) nối xiclon riêng biệt (4) với xiclon cuối cùng (1d) được bố trí trong mặt phẳng thẳng đứng dưới ít nhất một lỗ nạp (9) để dẫn bột nguyên liệu thô đã làm nóng trước từ xiclon cuối cùng (1d) vào trong lò nung. Do đó, có thể đặt xiclon cuối cùng (1d) của bộ phận trao đổi nhiệt (1) ở độ cao tuỳ ý so với lò nung (3) mà không gây ảnh hưởng đến chiều cao lắp đặt bộ phận trao đổi nhiệt, và nhờ đó bột nguyên liệu thô đã làm nóng trước từ xiclon cuối cùng (1d) có thể được dẫn từ vị trí bất kỳ vào trong lò nung (3) mà không cần sử dụng bất kỳ thiết bị nâng nào.

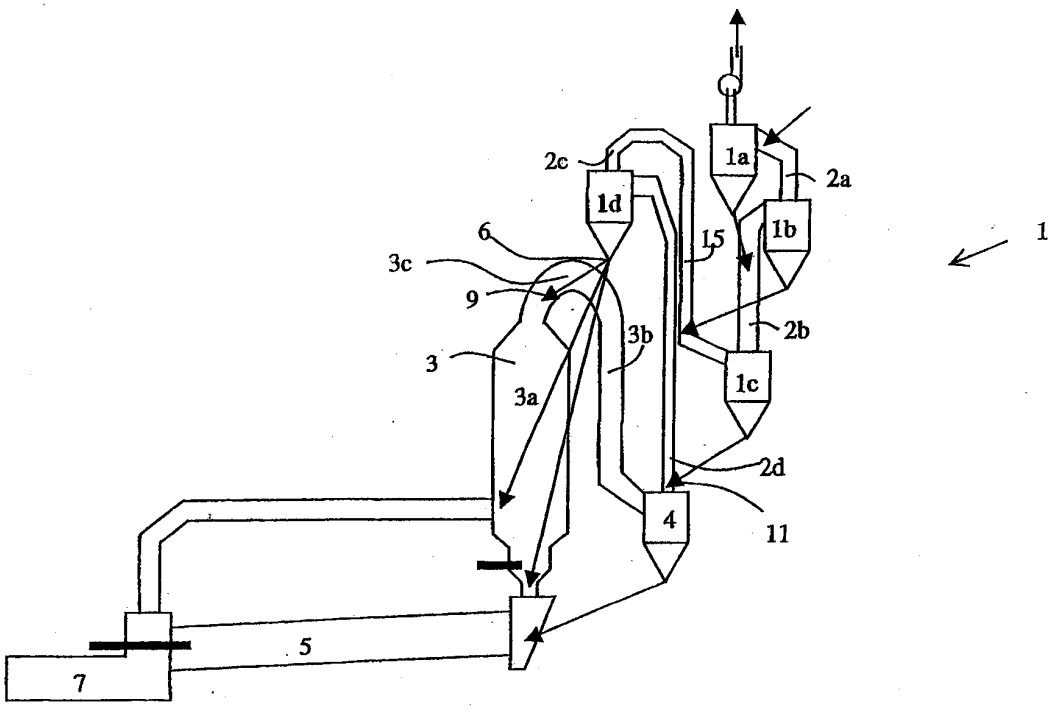

(11) **8440**
(21) 1-2003-00337 (51)[7] **F16C 33/08**
(22) 09.04.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-112083 15.04.2002 JP
(71) NTN CORPORATION. (JP)
3-17, Kyomachibori 1-chome, Nishi-ku, Osaka-shi, Osaka-fu, Japan.
(72) Masayuki Kaimi (JP), Hidekazu Hirano (JP), Norimasa Marui (JP), Kuniharu Kokubu (JP)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS)
(54) PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO Ổ TRỤC THUỶ ĐỘNG
(57) Sáng chế đề cập đến phương pháp chế tạo một ổ trục thủy động. Phương pháp này có thể làm tăng tốc độ vành rìa lên tới mức cần thiết tại thời điểm mài cấu kiện trục là thành phần kết cấu của ổ trục thủy động, và ngăn cản việc phát sinh lực xoáy ly tâm để cải thiện hiệu quả mài và chất lượng vận hành máy, đồng thời cải thiện chất lượng của sản phẩm. Cấu kiện trục như là một thành phần kết cấu của ổ trục thủy động được đỡ trực tiếp tại hai đầu trục bởi một đôi mâm kẹp, trong khi quay cấu kiện trục xung quanh tâm trục. Bề mặt tiếp xúc ngoài của phần trục của cấu kiện trục được mài trên một đá mài đồng thời được đỡ bởi một bộ phận đỡ. Bộ phận mâm kẹp gắn trực tiếp với mặt bích của cấu kiện trục có ít nhất một phần rỗng được thiết kế tại một khu vực xác định trước của tâm quay của bề mặt tiếp xúc đó. Hơn nữa, phần tiếp xúc của mâm kẹp với mặt bích được hỗ trợ linh hoạt bởi một chất dẻo.

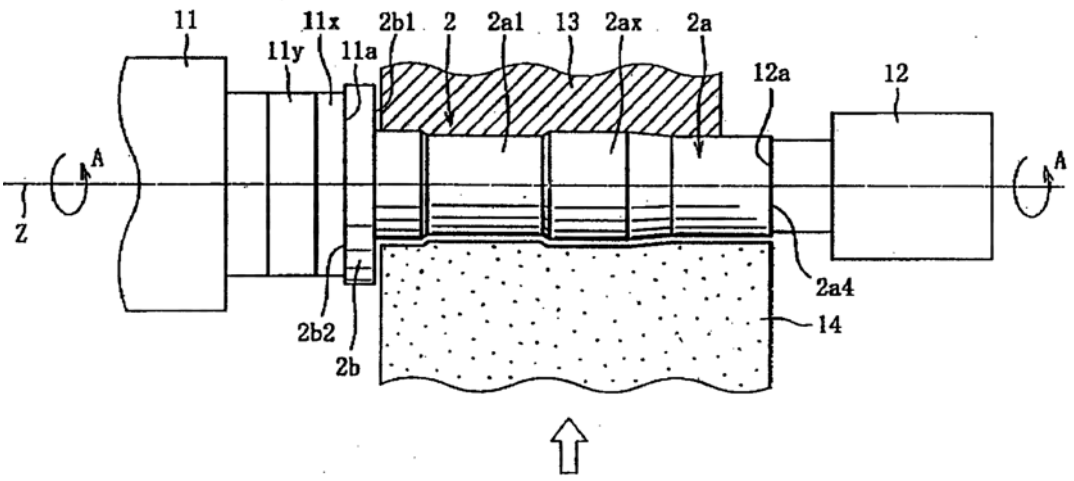

(11) **8441**

(21) 1-2003-00343
(51)[7] **C07D 275/06**, 417/12, 275/02, 209/54, 207/38, 409/04, A61K 31/425, A61P 5/06, C07K 5/06
(22) 09.10.2001
(43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/27756 09.10.2001
(87) WO02/32888A1 25.04.2002
(30) 60/240,456 13.10.2000 US

(71) Eli Lilly and Company (US)
Lilly Corporate Center, lndianapolis, lndiana 46285, USA
(72) Dodge, Jeffrey, Alan (US), EVERS, Britta (DE), JUNGHElM, Louis Nickolaus (US), MUEHL, Brian Stephen (US), RUEHTER, Gerd (DE), THRASHER, Kenneth Jeff (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) HỢP CHẤT DIPEPTIT ĐƯỢC THẾ DÙNG LÀM CHẤT LỢI TIẾT HORMON SINH TRƯỞNG

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất dipeptit được thế hữu dụng để điều chỉnh mức hormon sinh trưởng nội sinh ở động vật có vú. Sáng chế cũng đề cập đến các hợp chất trung gian dùng để tổng hợp các hợp chất nêu trên, và quy trình sử dụng để tổng hợp chúng. Ngoài ra, sáng chế cũng đề cập đến phương pháp điều trị cho động vật có vú bằng cách sử dụng hợp chất nêu trên.

(11) **8442**
(21) 1-2003-00345 (51)[7] **B60N 3/04**
(22) 03.09.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/07593 03.09.2001 (87) WO 02/22393 21.03.2002
(30) 2000-277233 12.09.2000 JP
2000-325899 25.10.2000 JP
2001-184641 19.06.2001 JP
(71) HONDA ACCESS CORP. (JP)
8-18-4, Nobidome Niizashi Saitama 352-0011, JAPAN
(72) HARAGUCHI Hirotaka (JP), TAMAGAWA Hinako (JP), MATSUOKA Toshihide (JP), TAKAHASHI Masashi (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) TẤM THẢM SÀN CHO XE Ô TÔ VÀ BỘ PHẬN CỐ ĐỊNH TẤM THẢM NÀY

(57) Sáng chế đề xuất tấm thảm sàn cho xe ô tô và cụm giữ tấm thảm sàn mới và không gây ồn cho xe ô tô, trong đó các chốt giữ và lỗ giữ được tạo ra ở hai vị trí để có thể thực hiện một cách chính xác việc định vị lúc đặt nằm tấm thảm, và hơn nữa, vị trí và sự bố trí bên trong của các chốt giữ và các lỗ giữ này được lựa chọn một cách thích hợp để nhờ đó không phải sử dụng kết cấu để điều chỉnh khoảng cách giữa các chốt giữ, và cũng khắc phục được sự thay đổi về các vị trí lỗ do thời gian sử dụng lâu, khiến có thể sử dụng tấm thảm trong một khoảng thời gian dài mà không có nguy cơ rằng các chốt giữ không thể lắp vừa vào trong các lỗ giữ, làm hẹp khoảng cách không quá nhiều để nhờ đó có thể thực hiện việc định vị chính xác lúc đặt nằm tấm thảm, nghĩa là, có thể đặt và lắp tấm thảm ngay cả nếu tấm thảm đã sử dụng trong một khoảng thời gian dài do sự dịch chuyển vị trí của các chốt giữ và các lỗ giữ, để sự dịch chuyển vị trí lúc đặt và lắp tấm thảm nằm trong khoảng mà không gây ra sự cố nghiêm trọng theo cả theo hướng trước-sau và chiều xoay trái và phải, và ngoài ra không chỉ chân phải mà cả chân trái của lái xe được giữ khó tiếp xúc với các chốt giữ nhờ đó hầu như không có nguy cơ làm hỏng giày. Đạt được điều này nhờ tấm thảm sàn cho xe ô tô (M) được đặt nằm trên khoảng trống để chân dưới ghế lái, khác biệt ở chỗ, các lỗ giữ (2) được giữ ở các chốt giữ (1) tương ứng gắn trên cạnh sàn xe được tạo ra ở hai vị trí với khoảng cách giữa chúng được định trước gần phần mép sau của tấm thảm (M), lỗ giữ thứ nhất (2A) trong số hai lỗ giữ (2) được tạo ra ở phía sau bên phải tấm thảm (M) và gần phần nhô phía sau của bàn đạp ga (3), lỗ giữ thứ hai (2B) được tạo ra ở phần nhô phía sau của bàn đạp phanh (4) và gần phía giữa tấm thảm (M) hơn lỗ giữ thứ nhất (2A), bộ phận giữ (5) cứng vững bằng kim loại hoặc phi kim loại được tạo ra tại gờ trong của mỗi lỗ giữ (2), và chiều dày của bộ phận giữ (5) được làm nhỏ hơn chiều cao của các chốt giữ (1).

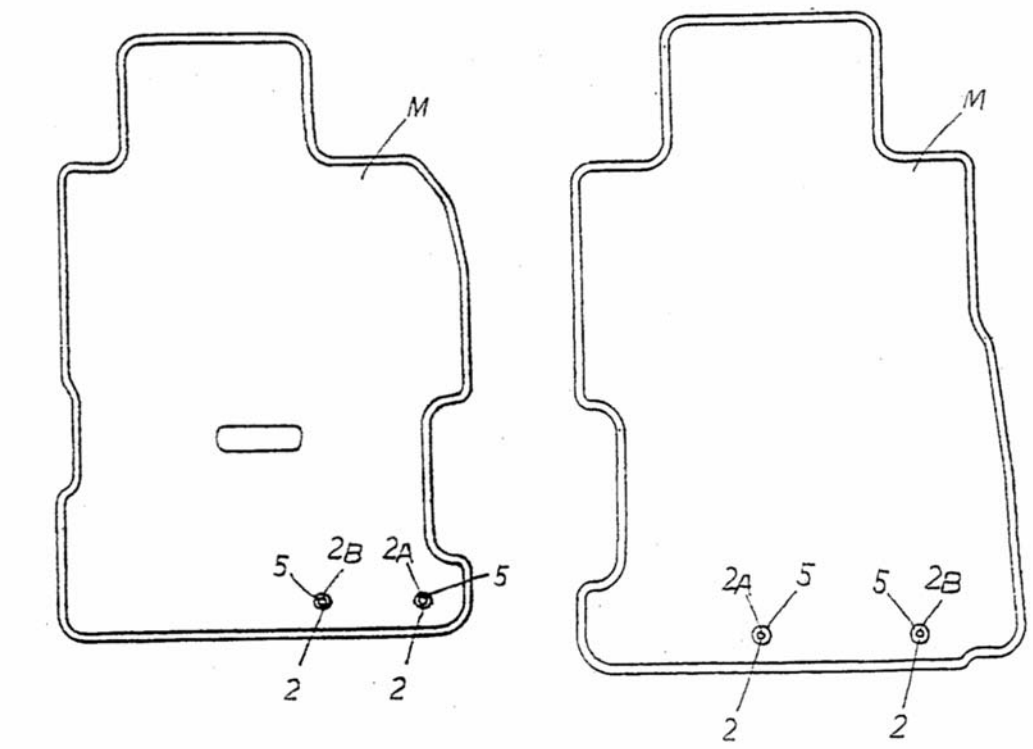
M
5
2B
2A
5
2
2
M
2A
5
5
2B
2
2

(11) **8443**

(21) 1-2003-00352 (51)[7] **E04H 4/14**, 4/00
(22) 13.09.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/AU01/01152 13.09.2001 (87) WO02/22992A1 21.03.2002
(30) PR0076 13.09.2000 AU

(75) KAJLICH, Anton (AU)
65 Twelfth Avenue, St Lucia, QLD 4067, Australia
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) CƠ CẤU HẠN CHẾ SÓNG DÙNG CHO BỘ PHẬN CHIA LÀN BỂ BƠI

(57) Sáng chế đề cập tới cơ cấu hạn chế sóng (10) dùng cho bộ phận chia làn bể bơi, cơ cấu này có một vùng trong, nhiều cánh (16, 17) kéo dài từ vùng trong và để chặn ít nhất một phần sóng bất kỳ xuất hiện trên mặt chính của nó, và một vùng ngoài có ít nhất một thành theo chu vi (19) kéo dài ít nhất một phần giữa các cánh kề nhau và có ít nhất một phần thành với mặt trong được làm thích ứng để chặn ít nhất một phần sóng bất kỳ xuất hiện trên mặt trong của nó.

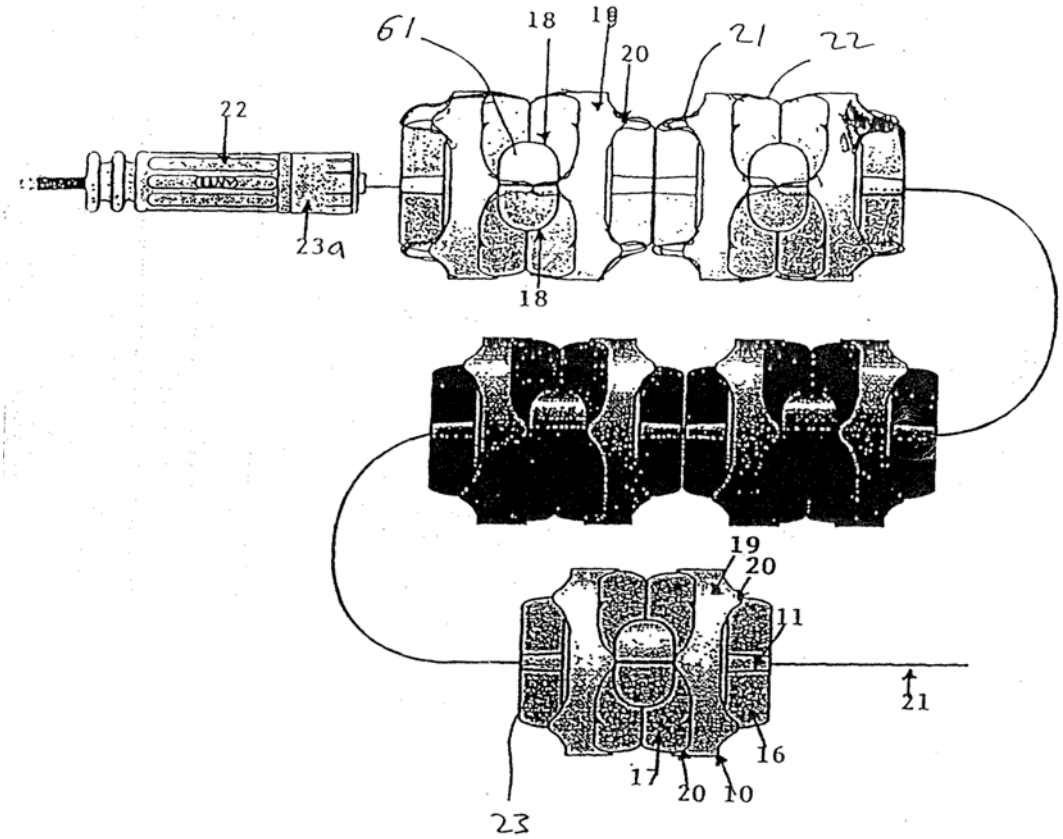

(11) **8444**
(21) 1-2003-00356 (51)[7] **A01K 61/00**
(22) 04.10.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/BE01/00173 04.10.2001 (87) WO02/28173 11.04.2002
(30) 00870224.3 05.10.2000 EP
(71) INVE TECHNOLOGIES N.V. (BE)
Oeverstraat 7, B-9200 Baasrode, Belgium
(72) NAESSENS EDDY (BE), TRACKAERT, WIM (US), VAN NIEUWENHOVE, LUK (BE), NEWMAN, HOWARD, W. (US), MERCHIE, GREET (TH)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT ARTEMIA NAUPLIUS BƠI TỰ DO VÀ TRỨNG BÀO XÁC ĐƯỢC ĐÓNG GÓI ĐỂ SỬ DỤNG CHO PHƯƠNG PHÁP NÀY.

(57) Phương pháp sản xuất Artemia nauplius bơi tự do xuất phát từ một lượng trứng bào xác Artemia, gồm các trứng bào xác trong trạng thái nghỉ hoạt động, bằng cách ấp các trứng bào xác này trong một môi trường ấp, ở mật độ cao nhất là khoảng 5 gam trứng bào xác khô trên một lít môi trường ấp. Để phá vỡ trạng thái nghỉ hoạt động ở các trứng bào xác trong trạng thái nghỉ hoạt động để làm tăng tỷ lệ nở, một lượng hiđroperoxit, được chọn trong khoảng giữa 0,5 và 30mg/l, được đưa vào môi trường ấp bằng cách bổ sung một dung dịch hiđroperoxi hoặc một hợp chất như là canxiperoxit hoặc là magiêperoxit để tạo ra hiđroperoxit khi được đưa vào môi trường ấp. Một ưu điểm của các hợp chất rắn tạo ra hiđroperoxit này là chúng có thể trộn với các trứng bào xác ở một lượng thích hợp và được bổ sung vào môi trường ấp cùng với các trứng bào xác.

(11) **8445**
(21) 1-2003-00357 (51)[7] **B01J 19/10**
(22) 13.09.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/AU01/01164 13.09.2001 (87) WO02/22252A1 21.03.2002
(30) PR4871 13.09.2000 AU
(71) Commonwealth Scientific and lndustrial Research Organisation (AU)
Limestone Avenue, Campbell Atc 2612, Australia
(72) Anthony Francis COLLINGS (AU)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) QUI TRÌNH XỬ LÝ HỖN HỢP RẮN-LỎNG
(57) Sáng chế đề cập tới quy trình xử lý hỗn hợp rắn-lỏng nhờ trạng thái tạo hốc để làm phân huỷ ít nhất chất gây ô nhiễm kết hợp với các hạt chất rắn, chất gây ô nhiễm được hấp phụ vào các lỗ xốp của chất rắn hoặc lên bề mặt của các hạt chất rắn. Quy trình theo sáng chế bao gồm công đoạn đưa hỗn hợp vào xử lý tạo hốc sao cho một phần chất gây ô nhiễm được làm phân huỷ hoá học. Thông thường, sự phân huỷ hoá học xảy ra ở bề mặt của các hạt chất rắn mặc dù quy trình còn có thể xảy ra trong chừng mực nào đó bên trong các lỗ xốp gần bề mặt của chất rắn đang được xử lý. Quy trình tạo hốc thường là công đoạn xử lý siêu âm, mặc đù các quy trình tạo hốc khác cùng có thể áp dụng được, ví dụ trộn cắt mức độ cao. Tác dụng tạo hốc có khả năng đạt được các thay đổi vật lý-hoá học ở bề mặt hạt. Các nhiệt độ cao cục bộ trên trạng thái sụp bọt (cao tới 4727°C (5000K)) có thể làm phân huỷ các chất gây ô nhiễm như PCB và các chất nguy hiểm khác kể cả biphenyl đa brom hoá (PBB), các hợp chất clorua hữu cơ và phosphat hữu cơ, các thuốc diệt sinh vật gây hại và loại tương tự. Một trong các ưu điểm của quy trình xử lý này là các sản phẩm phân huỷ được làm nguội nhanh chóng tới nhiệt độ của khối chất lỏng (ví dụ ở 50°C) để ngăn ngừa sự tái tạo thành của PCB hoặc sự tạo thành của các sản phẩm phản ứng phụ như đioxin.

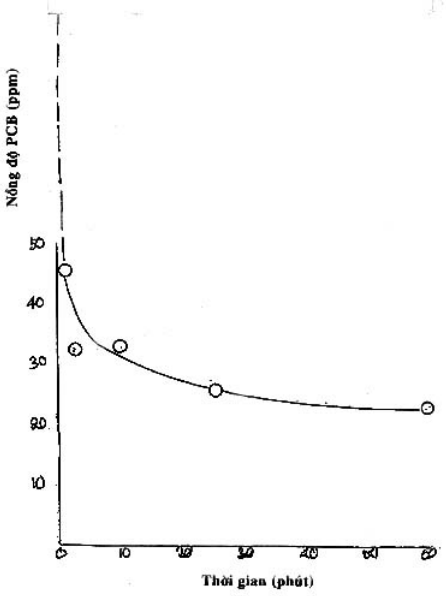

(11) **8446**
(21) 1-2003-00368 (51)[6] **F16C 35/02**
(22) 18.04.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-120619 23.04.2002 JP
2002-157909 30.05.2002 JP
2002-164680 05.06.2002 JP
2002-275484 20.09.2002 JP
(71) NTN CORPORATION. (JP)
3-17, Kyomachibori 1-chome, Nishi-ku, Osaka-shi, Osaka-fu, Japan.
(72) Isao Komori (JP), Seiji Shimizu (JP), Masaharu Hori (JP), Fuminori Satoji (JP), Kenji Ito (JP)
(74) Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS)
(54) CƠ CẤU Ổ TRỤC THUỶ LỰC
(57) Hốc ổ trục làm từ một hỗn hợp nhựa được hình thành qua một quá trình đúc phun với một măng-sông ổ trục bằng kim loại nung kết làm một chi tiết đệm. Hốc ổ trục này gồm có một phần thân hình trụ, một phần bịt trải từ đỉnh của phần thân xuyên tâm vào trong, và một phần đáy đóng đầu thấp của phần thân. Trong đó, phần thân và phần đáy được hình thành gắn kết với nhau, và phần bịt được hàn vào đó.

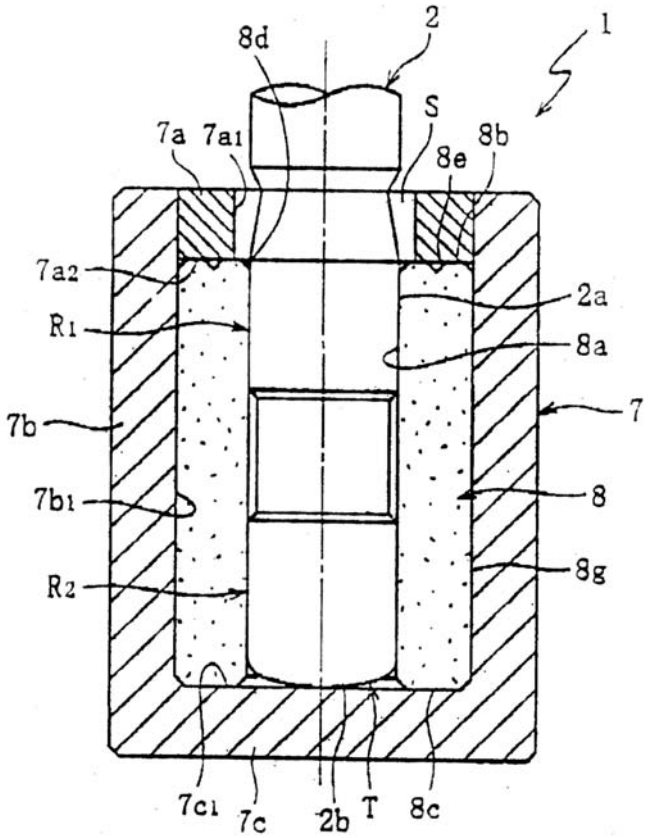

(11) **8447**
(21) 1-2003-00379 (51)[7] **G01L 5/13**, B62M 23/02
(22) 24.04.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2002-144539 20.05.2002 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 24.04.2003
(71) HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)
1-1, Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(72) Atsushi YONEHAMA (JP), Tomokazu SAKAMOTO (JP), Kazumi SHIBATA (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) CƠ CẤU PHÁT HIỆN LỰC ĐẠP DÙNG CHO CÁC XE ĐẠP CÓ ĐỘNG CƠ TRỢ GIÚP

(57) Sáng chế đề xuất cơ cấu phát hiện lực đạp được chế tạo gồm ít chi tiết hơn, có kết cấu nhỏ và đơn giản, và có thể phát hiện chính xác các mômen. Trục khuỷu (23) có một đầu được đỡ quay được bởi ổ trục (51). Thanh xoắn dạng ống (53) được bố trí bao quanh trục khuỷu (23), và có một đầu được lắp bằng then vào trục khuỷu (23) ở gần ổ trục (51) và đầu đối diện được đỡ quay được bởi ổ trục (52). Đĩa xích (25) của bàn đạp được giữ ăn khớp với bề mặt theo chu vi ngoài của đầu đối diện của thanh xoắn (53). Hai vòng nam châm (55) được lần lượt lắp theo chu vi trên bề mặt ngoài của thanh xoắn (53) ở gần các đầu của thanh xoắn (53). Hai bộ cảm biến MR (501) được bố trí ở các vị trí đối diện với các vòng nam châm (55).

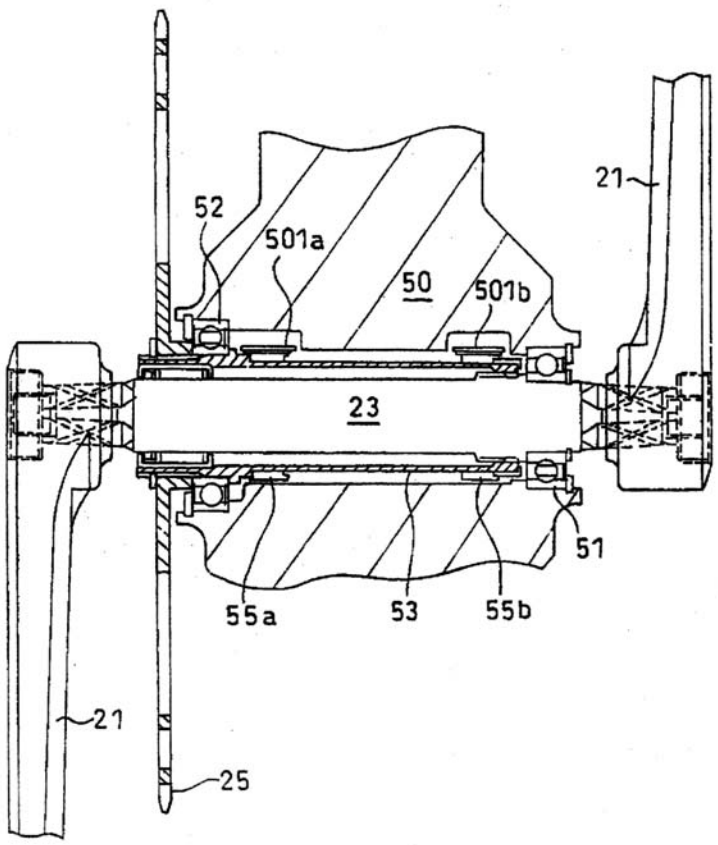

(11) **8448**
(21) 1-2003-00400
(22) 08.11.2001
(86) PCT/AU01/01447 08.11.2001
(30) PR1303 08.11.2000 AU
PR2285 22.12.2000 AU
PR2286 22.12.2000 AU
(51)[7] **E04C 2/08**, E04B 5/40, E04D 3/30
(43) 27.10.2003
(87) WO02/38880A1 16.05.2002
(71) BHP Steel Limited (AU)
1 York Street, Sydney, New South Wales 2000, Australia
(72) SECCOMBE, Campbell John (AU)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) KẾT CẤU SÀN MÁI KIM LOẠI

(57) Nói chung, sáng chế đề cập tới sàn mái kim loại (10) có hai cấu kiện sàn mái kim loại kề nhau (12 và 14) được bố trí cạnh nhau. Các cấu kiện sàn mái kim loại này (12 và 14) có dạng tiết diện giống nhau có dạng kéo dài và có tiết diện dạng hình chữ C. Cấu kiện sàn mái kim loại có tiết diện dạng hình chữ C (12) có một thân dầm (16) và hai cánh dầm đối nhau (18 và 20). Thân dầm (16) của cấu kiện sàn mái kim loại (12) được làm vồng từ trước theo chiều dọc hướng vào trong cấu kiện sàn mái kim loại (12). Cấu kiện sàn mái kim loại thường nằm trong một tấm bê tông (không được thể hiện trên hình vẽ) như vậy có khả năng bắc nhịp một khoảng cách không được đỡ gia tăng.

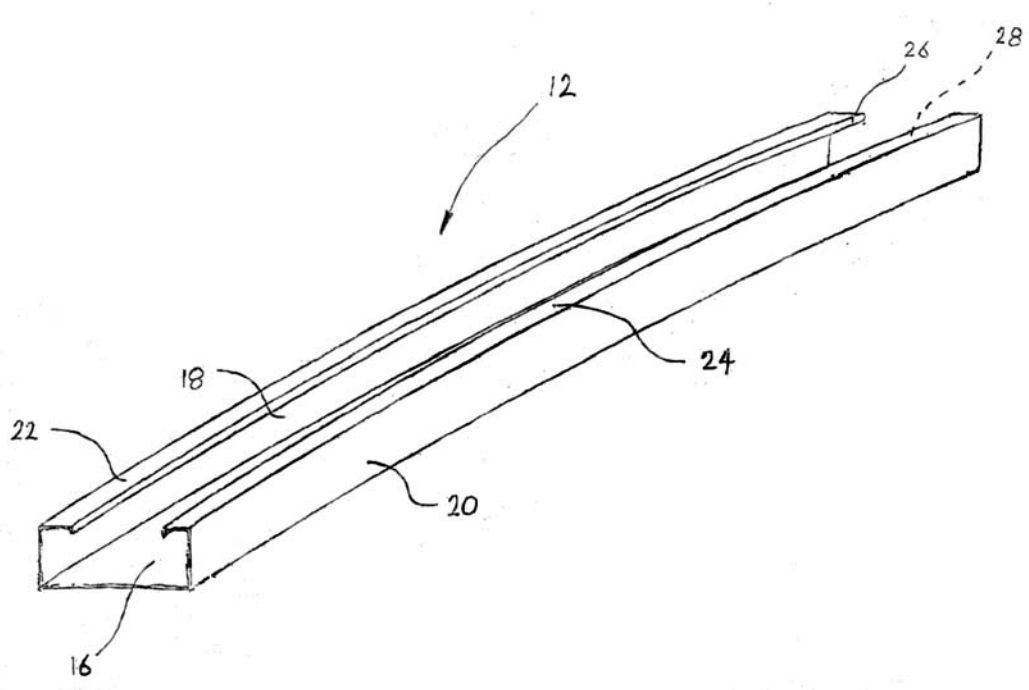

(11) **8449**

(21) 1-2003-00405 (51)[7] **G11B 7/00**
(22) 09.10.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/08839 09.10.2001 (87) WO02/31819 18.04.2002
(30) 2000-308490 06.10.2000 JP
2001-290123 21.09.2001 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 06.08.2003

(71) PIONEER CORPORATION (JP)
4-1, Meguro 1-chome, Meguro-ku, Tokyo 153-8654, Japan
(72) Takao SAWABE (JP), Yukiyoshi HARAGUCHI (JP), Takeo TOBE (JP), Kazutaka MITSUKI (JP), Hiroyuki KIRIKAWA (JP), Masanori NAKAHARA (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ GHI/TÁI TẠO THÔNG TIN, VẬT GHI, VẬT GHI THÔNG TIN TRONG CÓ GHI CHƯƠNG TRÌNH GHI/TÁI TẠO, CHƯƠNG TRÌNH GHI/TÁI TẠO

(57) Sáng chế đề xuất bộ điều khiển hệ thống để ghi thông tin loại đĩa thứ hai có cùng một nội dung như của thông tin loại đĩa thứ nhất, vốn được ghi vào DVD-R từ trước, vào DVD-R, trong đó thông tin loại đĩa thứ nhất sẽ được ghi giống như ghi thông tin ghi vào DVD-R và chỉ tái tạo thông tin ghi nếu thông tin loại đĩa thứ nhất và thông tin loại đĩa thứ hai có cùng một nội dung trong quá trình tái tạo thông tin ghi này.

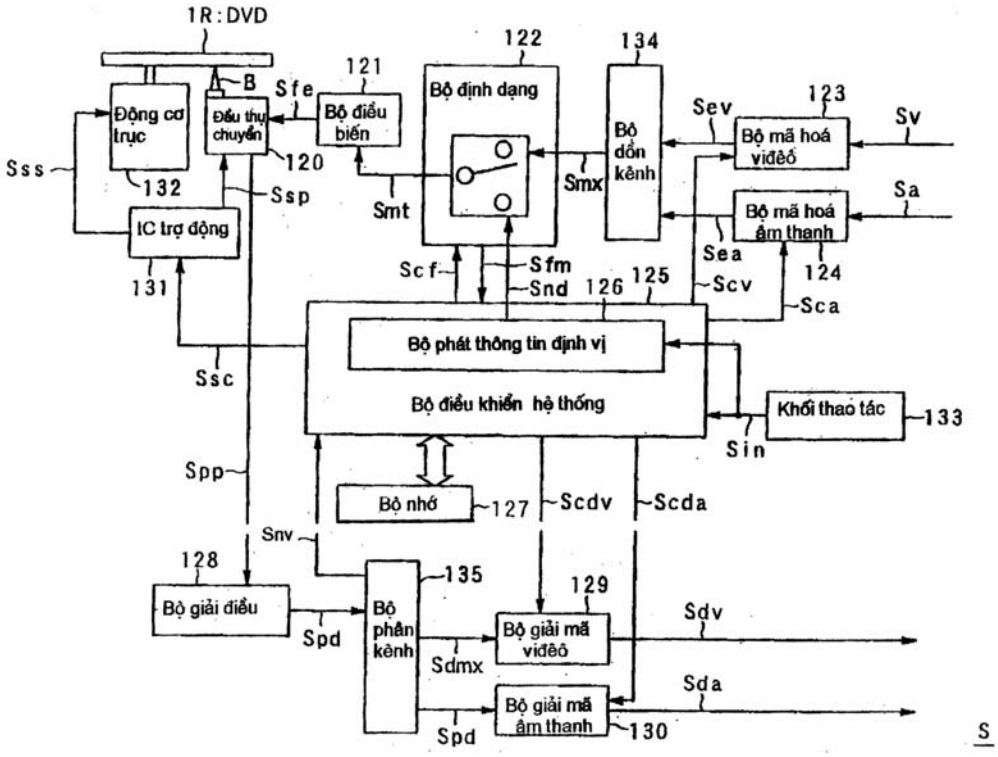

(11) **8450**
(21) 1-2003-00406 (51)[7] **E04D 3/363**, E04B 9/04, 5/32
(22) 08.11.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/AU01/01446 08.11.2001 (87) WO02/38885A1 16.05.2002
(30) FR1303 08.11.2000 AU
FR2285 22.12.2000 AU
FR2286 22.12.2000 AU
(71) BHP Steel Limited (AU)
1 York Street, Sydney, New South Wales 2000, Australia
(72) SECCOMBE, Campbell John (AU)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) KẾT CẤU SÀN MÁI KIM LOẠI
(57) Nói chung, sáng chế đề cập tới cấu kiện sàn mái kim loại (10) có dạng kéo dài và có tiết diện dạng hình chữ C bao gồm một thân dầm (12) và hai cánh dầm đối nhau (l4 và 16). Cấu kiện sàn mái kim loại (10) là một trong số các cấu kiện sàn mái kim loại (10 và 18) nằm cạnh nhau để cùng tạo ra một sàn mái kim loại (20). Sàn mái kim loại (20) được thiết kế để được bao hoặc phủ trong một tấm bê tông để tạo ra một hệ sàn hoặc mái . Các cánh dầm (14 và l 6) có các gân kéo dài theo chiều dọc (30 và 32). Các gân theo chiều dọc (30 và 32) được tạo ra để cho các gân kề nhau của các cấu kiện sàn mái kề nhau khoá gài để ngăn ngừa sự tách rời theo chiều ngang và theo phương thẳng đứng của các cấu kiện sàn mái kim loại (10 và 18).

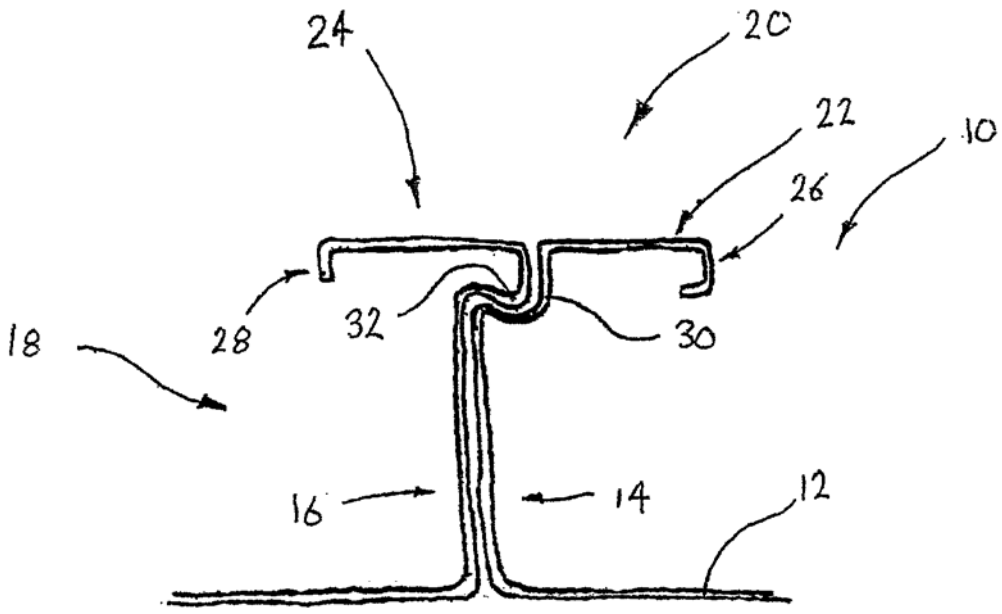

(11) **8451**
(21) 1-2003-00423 (51)[7] **A61K 31/138**, A61P 25/22
(22) 06.11.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/27801 06.11.2001 (87) WO02/40006 23.05.2002
(30) 60/249,010 15.11.2000 US
60/265,362 31.01.2001 US
(71) ELI LILLY AND COMPANY (US)
Lilly Corporate Center, Indianapolis, IN 46285, United States of America
(72) Holly Read THOMASSON (US), David MICHELSON (US)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) SỬ DỤNG CHẤT ỨC CHẾ TÁI HẤP THU NOREPINEPHRIN CHỌN LỌC ĐỂ BÀO CHẾ THUỐC ĐỂ ĐIỀU TRỊ CÁC RỐI LOẠN LO ÂU
(57) Sáng chế đề cập đến việc sử dụng chất ức chế tái hấp thu norepinephrin chọn lọc để bào chế thuốc dùng để điều trị các rối loạn lo âu, đặc biệt là rối loạn ám ảnh cưỡng bức.

(11) **8452**
(21) 1-2003-00447 (51)[7] **H01H 9/26**, 9/16
(22) 21.11.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/KR01/02005 21.11.2001 (87) WO02/43091 30.05.2002
(30) 2000/32544U 21.11.2000 KR
(75) PARK, Hyung Sik (KR)
202, Songgwang Mansion, 551, Punghyang-dong, Buk-ku, Gwangju 500-090, Korea
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) THIẾT BỊ CHUYỂN MẠCH
(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị chuyển mạch cho phép một người sử dụng có thể thực hiện thao tác điều khiển bật và tắt một tải được lắp đặt ở vị trí nhất định mà không cần phải đi tới vị trí tải và xác nhận trạng thái của tải. Thiết bị chuyển mạch có bộ phận chuyển mạch tại chỗ có nhiều nút, từng nút tương ứng với từng tải được lắp đặt ở một vị trí thông dụng để lựa chọn trực tiếp một tải cần được điều khiển chuyển mạch, bộ phận chuyển mạch tổng được chế tạo có dạng đĩa số để lựa chọn một tải cần được điều khiển chuyển mạch, bộ phận hiển thị tổng hợp có nhiều LED, để hiển thị trạng thái điều khiển chuyển mạch của từng tải, chuyển mạch tắt toàn bộ được làm hơi lõm so với bề mặt của thiết bị chuyển mạch, để chuyển mạch tất cả các tải, và một bộ thu tín hiệu điều khiển từ xa để thu một tín hiệu điều khiển từ xa. Thiết bị chuyển mạch còn có bộ phận hiển thị FND để hiển thị một tải tương ứng với vị trí đĩa số hiện tại trên bộ phận chuyển mạch tổng với biểu tượng bằng số. Như vậy, nguồn điện có thể được sử dụng và giám sát dễ dàng, thuận tiện và hiệu quả, nhờ đó cho phép người sử dụng có thể đạt được sự tiết kiệm điện đáng kể và sự thuận tiện.

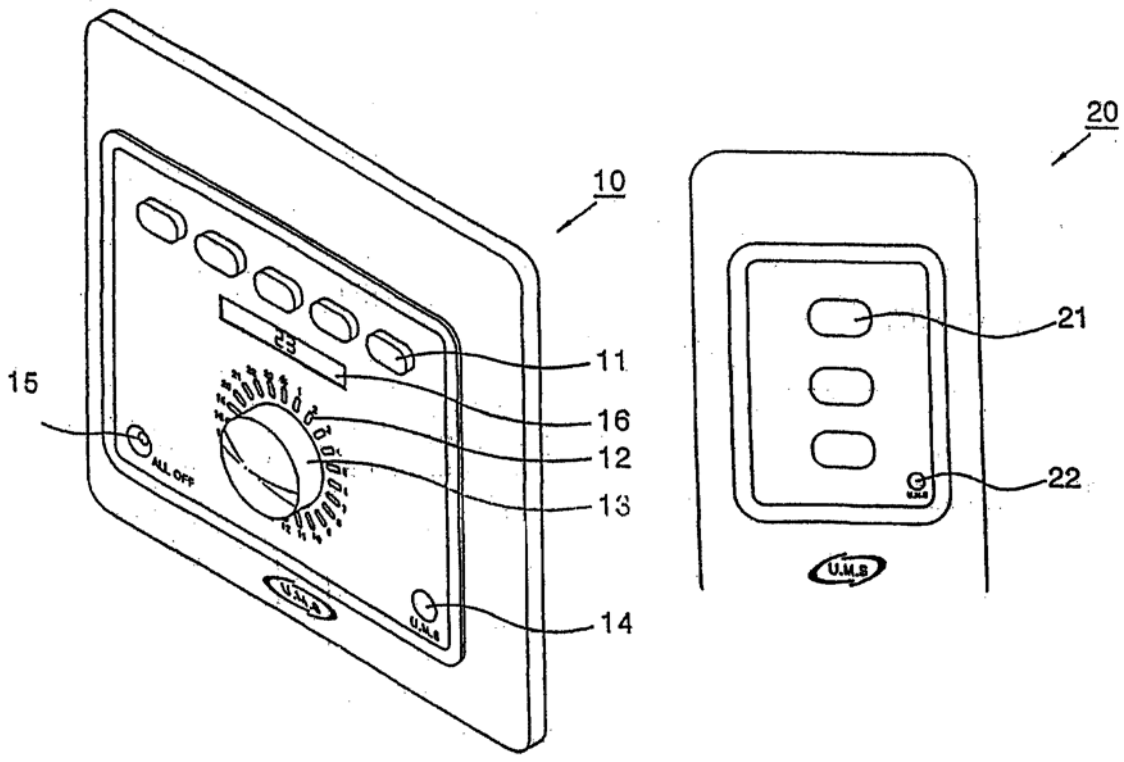

(11) **8453**
(21) 1-2003-00454 (51)[7] **H02P 9/48**
(22) 23.10.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/JP01/09272 23.10.2001 (87) WO02/35697A1 02.05.2002
(30) 2000-326743 26.10.2000 JP
2000-339204 07.11.2000 JP
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 23.05.2003
(71) HONDA GIKEN KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)
1-1 , Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan
(72) Atsuo OTA (JP), Satoshi HONDA (JP), Kuniaki IKUl (JP)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) KHỐI ĐIỀU KHIỂN PHÁT ĐIỆN DÀNH CHO XE CỘ

(57) Sáng chế đề xuất khối điều khiển phát điện dành cho xe cộ trong đó dòng điện lối ra từ máy phát điện xoay chiều nhiều pha (1) được chỉnh lưu trong mạch chỉnh lưu (300) và lối ra chỉnh lưu sẽ được hạn chế tới điện áp định trước nhờ bộ điều chỉnh (100), để thực hiện việc thiết lập lại dương từ trạng thái được điều chỉnh.

Từng pha sẽ được điều chỉnh khi điện áp ắc quy VB đạt tới điện áp điều chỉnh Vreg tại thời điểm t1. Sau đó, sau khi pha W được thiết lập lại tại thời điểm t2 và pha V được thiết lập lại tại thời điểm t3, thì nếu dòng pha W IW chuyển qua không một lần nữa tại thời điểm t4 thì việc tham chiếu sẽ được thực hiện với dòng điện IU của pha U vốn đến trước pha W và chưa được thiết lập lại, và nếu dòng điện IU là dương thì pha U sẽ được thiết lập lại.

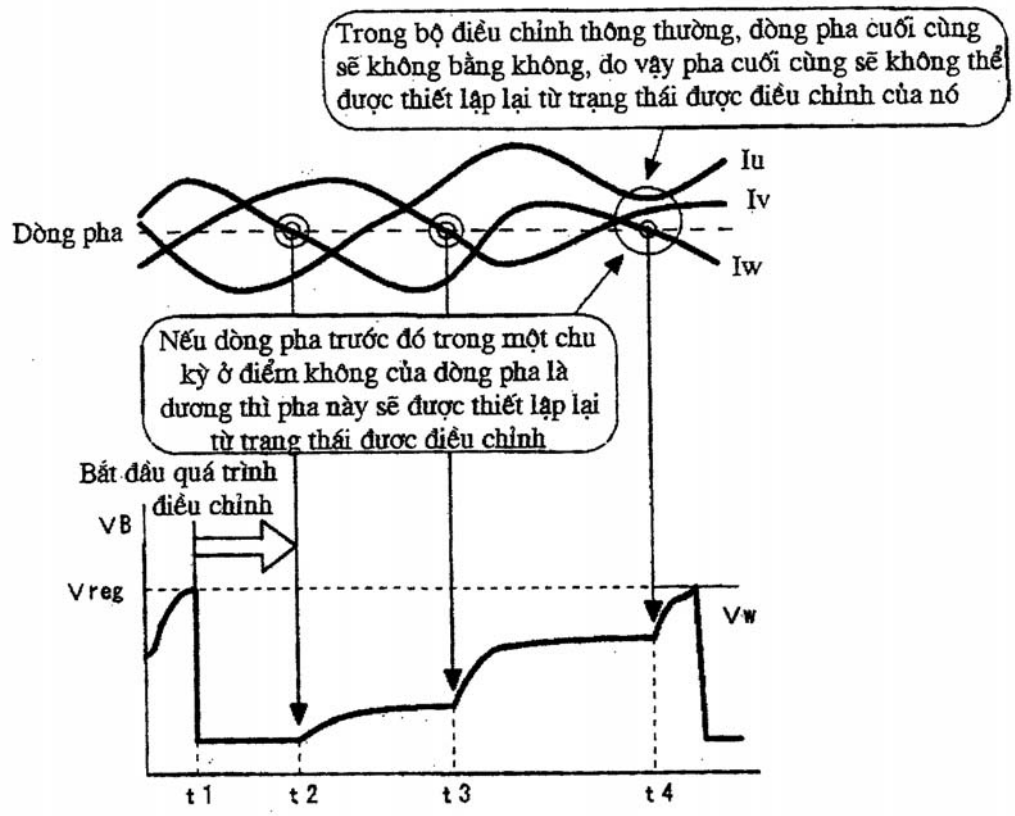

(11) **8454**
(21) 1-2003-00459 (51)[7] **C07D 207/20**, 505/10, 409/14, 409/06, 403/06, 417/06, A61K 31/4015
(22) 05.11.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/IB01/02073 05.11.2001 (87) WO02/42268A2 30.05.2002
(30) 60/253,275 27.11.2000 US
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 26.05.2003
(71) PFIZER PRODUCTS INC. (US)
Eastern Point Road, Groton, Connecticut 06340, USA.
(72) Kimberly O'Keefe CAMERON (US), Bruce Allen LEFKER (US)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)
(54) CHẤT CHỦ VẬN CHỌN LỌC THỤ THỂ EP4 DÙNG TRONG ĐIỀU TRỊ BỆNH LOÃNG XƯƠNG

(57) Sáng chế đề xuất các chất chủ vận prostaglandin chọn lọc thụ thể EP4 có công thức (I), trong đó R^2, X, Z và Q được định nghĩa như trong bản mô tả. Sáng chế cũng đề xuất các dược phẩm chứa các hợp chất này. Sáng chế đề xuất các phương pháp để điều trị các trạng thái bệnh do khối lượng xương thấp gây ra, cụ thể là bệnh loãng xương, yếu xương, gãy xương do bệnh loãng xương, khuyết tật về xương, mất xương vô căn ở trẻ nhỏ, mất xương ổ răng, mất xương hàm dưới, gãy xương, thủ thuật đục xương, mất xương nha chu hoặc phát triển vào trong bộ phận giả ở động vật có vú bằng cách sử dụng các hợp chất này.

(11) **8455**

(21) 1-2003-00478 (51)[7] **A61K 31/00**

(22) 30.10.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/US01/48683 30.10.2001 (87) WO02/36110A2 10.05.2002

(30) 60/244,434 31.10.2000 US

(71) Boehringer lngelheim Pharmaceuticals, lnc. (US)
900 Ridgebury Road, P.O. Box 368, Ridgefield, Connecticut 06877, USA

(72) CHEN, Shirlynn (US), GUNN, Jocelyn A. (US)

(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ Thảo Thọ Quyến (INVENCO)

(54) DƯỢC PHẨM TỰ NHŨ HOÁ CHỨA CHẤT ỨC CHẾ PYRANON PROTEAZA Ở DẠNG LIỀU ĐỂ SỬ DỤNG QUA ĐƯỜNG MIỆNG

(57) Sáng chế đề cập đến dạng vi nhũ tương của các hợp chất ức chế proteaza pyranon về cơ bản là không chứa rượu và propylen glycol, gồm chất ức chế proteaza pyranon, một hoặc nhiều chất hoạt động bề mặt dược dụng có phân tử lượng trung bình nằm trong khoảng từ 300 đến 600 và một thành phần ưa béo bao gồm các mono- và di-glyxerit có mạch trung bình và một amin bazơ, tuỳ ý.

(11) **8456**
(21) 1-2003-00490 (51)[7] **B01D 17/022**
(22) 03.06.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.06.2003
(75) LÊ NGỌC KHÁNH (VN)
6/28, BC8, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) THIẾT BỊ TÁCH DẦU-NƯỚC
(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị tách nhanh dầu-nước trong nước thải với công suất nhỏ vào khoảng 5m^3/ngày. Thiết bị tách riêng dầu và nước ra khỏi hỗn hợp dầu-nước bao gồm: khoang chứa thứ nhất và khoang chứa thứ hai được nối thông nhau ở phía đáy của chúng; cửa nạp được bố trí ở mặt trên của khoang chứa thứ nhất để nạp hỗn hợp dầu-nước; khối sợi ái dầu được bọc ngoài bởi vỏ có nhiều lỗ thủng dạng lưới, khối sợi ái dầu này được bố trí bên trong khoang thứ nhất, thấp hơn và đối diện với đáy cửa nạp sao cho dòng cấp hỗn hợp dầu-nước được đi qua khối sợi ái dầu này sau khi qua cửa nạp; phương tiện biến đổi dòng được bố trí thấp hơn và gần như đối diện với khối sợi ái dầu, phương tiện biến đổi dòng có thành xả hướng nghiêng lên trên một góc so với phương nằm ngang sao cho dòng hỗn hợp dầu - nước được chảy hướng lên trên khi đi ra qua thành xả này; cửa xả nước được bố trí ở thành bên của khoang chứa thứ hai, hơi cao hơn hoặc bằng với điểm cao nhất của thành xả của phương tiện biến đổi dòng; và cửa xả dầu được trang bị phương tiện đóng mở được bố trí ở thành bên của khoang chứa thứ nhất, bằng hoặc hơi thấp hơn cửa xả nước.

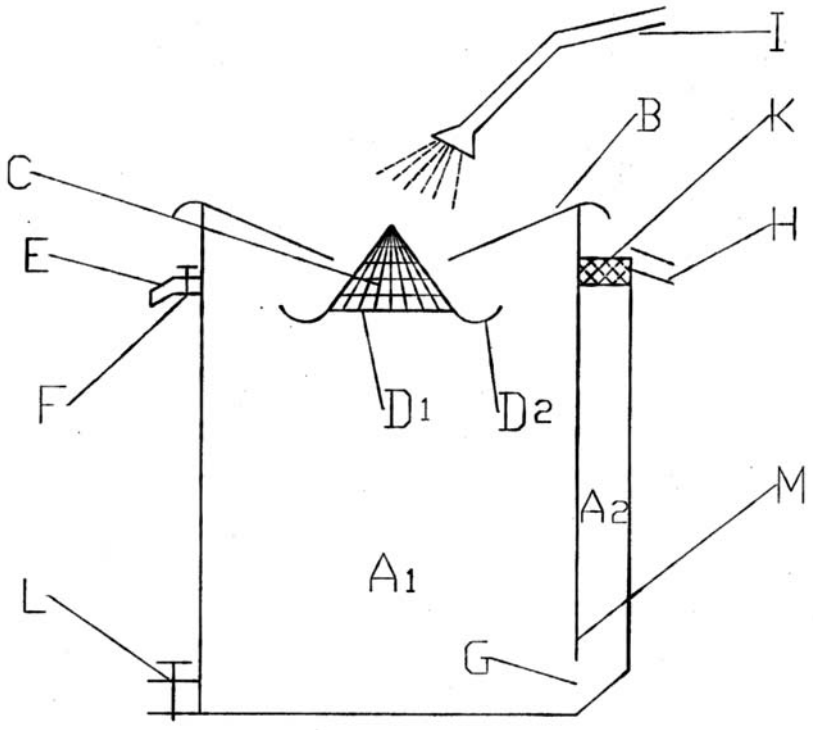

(11) **8457**
(21) 1-2003-00491 (51)[7] **B01D 17/022**
(22) 03.06.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.06.2003
(75) LÊ NGỌC KHÁNH (VN)
6/28, BC8, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) THIẾT BỊ TÁCH DẦU-NƯỚC
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị tách riêng dầu và nước ra khỏi hỗn hợp dầu- nước bao gồm khoang thứ nhất (I), khoang thứ hai (K) được nối thông với nhau bởi đường nối thông (D) ở phía đáy; cửa nạp (A) nằm ở phía trên khoang thứ nhất (I) dùng để dẫn hỗn hợp dầu-nước vào trong khoang thứ nhất (I); máng tách dầu (N) nằm theo phương nằm ngang bên trong khoang thứ nhất (I), máng tách dầu (N) này được nối thông với khoang thứ nhất bởi cửa chảy tràn ở mép trên của nó và có cửa xả dầu (P) nối thông chất lưu để dẫn dầu ra ngoài, tấm nghiêng (C) có mép dưới và hai bên được cố định vào thành bên trong khoang thứ nhất (I) và mép trên nhô vào phía trong khoang thứ nhất (I) sao cho mép này ngang bằng hoặc hơi thấp hơn cửa chảy tràn nối thông khoang thứ nhất và máng tách dầu (N) nói trên; tấm nghiêng (C) được bố trí ở vị trí sao cho dòng hỗn hợp dầu nước được cấp vào thông qua cửa cấp (A) sẽ tràn qua mép trên của tấm nghiêng (C) này trước khi vào khoang thứ nhất (I), và trở thành dòng chảy êm dịu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân ly thành tầng dầu và nước riêng biệt trong khoang thứ nhất (I); và cửa xả nước (U) được tạo ra ở thành bên của khoang thứ hai (K) dùng để dẫn nước đã tách khỏi dầu ra khỏi khoang thứ hai (K), cửa xả này nằm thấp hơn cửa nạp (A) nhưng ngang bằng với cửa chảy tràn nối thông khoang thứ nhất với máng tách dầu (N) nói trên, nhờ đó, khi thiết bị hoạt động, chỉ có nước thoát ra khỏi khoang thứ hai (K) thông qua cửa xả nước (U) và dầu tràn từ khoang thứ nhất (I) sang máng tách (N) qua cửa chảy tràn nối thông máng tách (N) và khoang thứ nhất (I) này, sau đó thoát ra khỏi máng (N) qua cửa xả dầu (P).

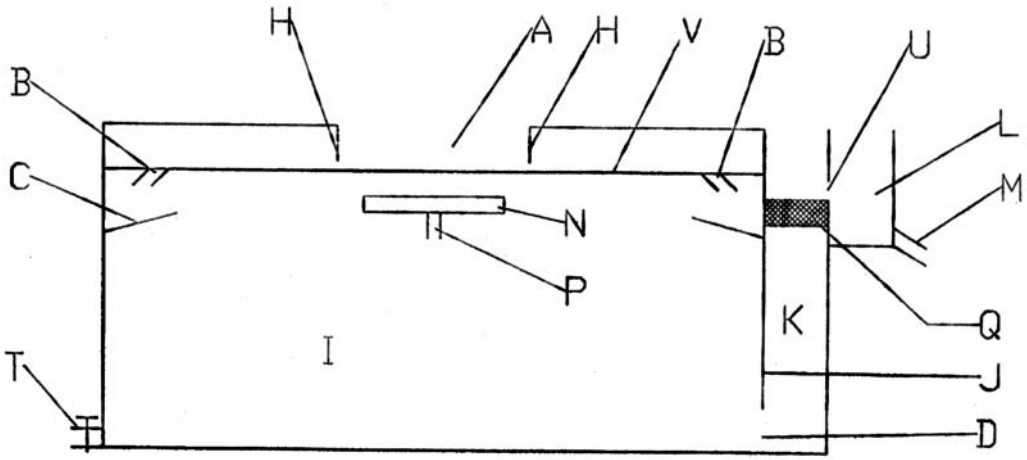

(11) **8458**
(21) 1-2003-00492 (51)[7] **B01D 17/022**
(22) 03.06.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.06.2003
(75) LÊ NGỌC KHÁNH (VN)
6/28, BC8, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) THIẾT BỊ TÁCH DẦU- NƯỚC
(57) Thiết bị tách dầu và nước ra khỏi hỗn hợp dầu-nước bao gồm: khoang chứa thứ nhất và khoang chứa thứ hai được nối thông với nhau ở phía đáy của chúng; cửa nạp được bố trí ở mặt trên của khoang chứa thứ nhất để nhận hỗn hợp dầu - nước; cửa phân phối cũng được bố trí ở mặt trên của khoang chứa thứ nhất và thấp hơn cửa nạp để về cơ bản cấp hỗn hợp dầu nước vào trong khoang thứ nhất ở dạng dòng chảy màng; phương tiện biến đổi dòng cấp được bố trí trong khoang thứ nhất, thấp hơn và gần như đối diện với cửa nạp, phương tiện biến đổi dòng cấp có thành xả hướng nghiêng lên trên một góc so với phương nằm ngang sao cho dòng hỗn hợp dầu nước được chảy hướng lên trên khi nó đi qua thành xả này; cửa xả nước được bố trí ở thành bên của khoang chứa thứ hai, hơi cao hơn hoặc bằng với điểm cao nhất của thành xả của phương tiện biến đổi dòng cấp; và cửa xả dầu được trang bị phương tiện đóng, mở và được bố trí ở thành bên của khoang thứ nhất, bằng hoặc thấp hơn cửa xả nước.

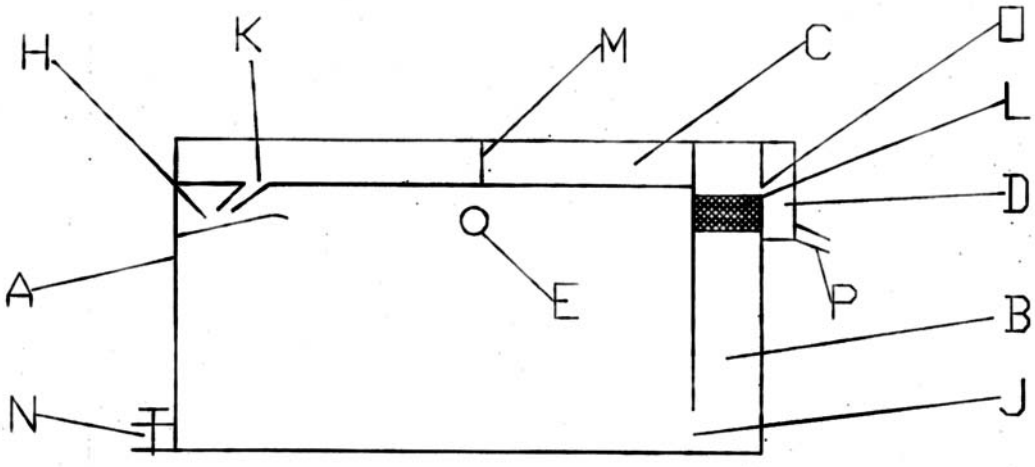

(11) **8459**
(21) 1-2003-00493 (51)[7] **B01D 17/022**
(22) 03.06.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 03.06.2003
(75) LÊ NGỌC KHÁNH (VN)
6/28, BC8, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) THIẾT BỊ TÁCH DẦU - NƯỚC

(57) Sáng chế đề cập tới thiết bị tách nhanh dầu - nước trong nước thải, nước rửa tàu thuyền, nhà xưởng và thu hồi dầu trong các vụ tràn dầu nhỏ với công xuất làm việc lớn khoảng từ 100m^3/ngày và 200m^3/ngày theo hỗn hợp nước-dầu.

Thiết bị tách riêng dầu và nước ra khỏi hỗn hợp dầu-nước bao gồm: khoang chứa thứ nhất và khoang chứa thứ hai thông nhau ở phía đáy của chúng; buồng nạp có cửa nạp ở mặt trên để nhận hỗn hợp dầu - nước, buồng nạp này được bố trí phía trước khoang chứa thứ nhất và ngăn cách với khoang chứa thứ nhất nhờ vách ngăn; khe phân phối được tạo ra trên vách ngăn giữa buồng nạp và khoang chứa thứ nhất; phương tiện hướng dòng được bố trí nhô vào bên trong khoang chứa thứ nhất từ vách ngăn giữa buồng nạp và khoang chứa thứ nhất, từ điểm thấp hơn hoặc bằng với mép dưới của khe phân phối, phương tiện hướng dòng này có thành xả hướng nghiêng lên trên một góc so với phương nằm ngang nhằm hướng dòng chảy màng nghiêng về phía trên; cửa xả nước được tạo ra trên thành bên của khoang chứa thứ hai ở vị trí ngang bằng với vị trí cao nhất của thành xả của phương tiện hướng dòng; cửa xả dầu được trang bị phương tiện đóng mở và được bố trí trên thành bên khoang chứa thứ nhất ở vị trí bằng hoặc thấp hơn cửa xả nước; nhờ vậy khi dòng hỗn hợp dầu-nước được cấp vào cửa nạp thì dòng hỗn hợp này sẽ bị đổi hướng và trở thành dòng chảy êm tạo thuận lợi cho dầu nổi lên trên mặt nước, và dầu này được xả ra ngoài qua cửa xả dầu ở khoang chứa thứ nhất, còn nước được xả ra ngoài qua cửa xả nước ở khoang chứa thứ hai.

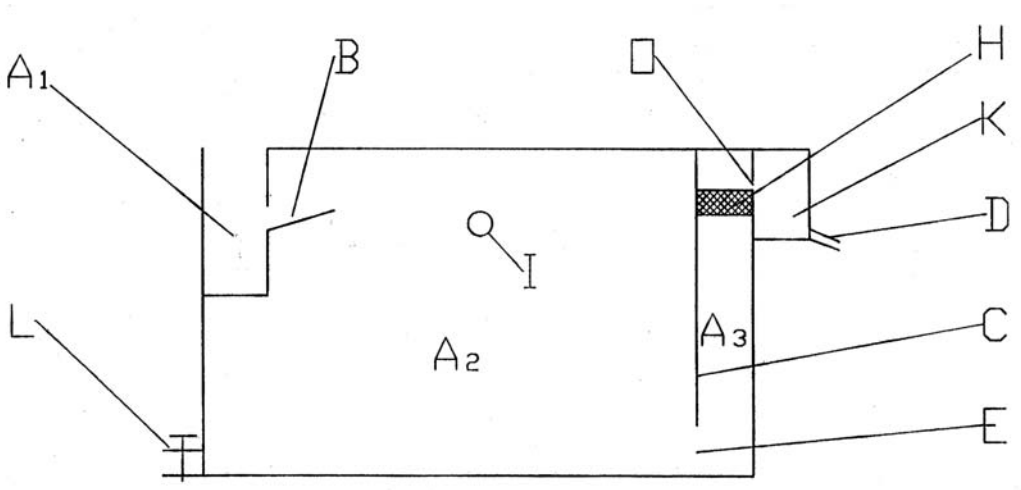

(11) **8460**

(21) 1-2003-00497 (51)[7] **C23C 2/00**
(22) 07.11.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/FR01/03456 07.11.2001 (87) WO02/38825A1 16.05.2002
(30) 00/14481 10.11.2000 FR

(71) SOLLAC (FR)
Immeuble "La Pacific" La Défense 7, 11-13, Cours Valmy, F-92800 Puteaux , FRANCE
(72) Dauchelle Didier (FR), Baudin Hugues (FR), Lucas Patrice (FR), Gacher Laurent (FR), Prigent Yves (FR)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ ĐỂ MẠ NHÚNG NÓNG LIÊN TỤC DẢI KIM LOẠI

(57) Mục đích của sáng chế là đề xuất phương pháp mạ nhúng liên tục dải kim loại (1) trong bể (11) chứa dung dịch mạ kim loại lỏng (12), theo phương pháp này dải kim loại (1) được cho chạy liên tục qua một ống (13), phần dưới (13a) của ống được nhúng chìm trong dung dịch mạ kim loại lỏng (12) để tạo ra, cùng với bề mặt của dung dịch mạ, đệm kín chất lỏng (14). Dòng chảy tự nhiên của kim loại lỏng ra khỏi bề mặt của đệm kín chất lỏng (14) được làm chảy tràn trong hai khoang chảy tràn (25, 29) tạo ra trong ống (13) và mỗi khoang có thành trong kéo dài ống (13) ở phần dưới của nó và mức kim loại lỏng trong các khoang này được duy trì ở mức thấp hơn bề mặt của đệm kín chất lỏng (14).

Một mục đích khác của sáng chế là đề xuất thiết bị để thực hiện phương pháp này.

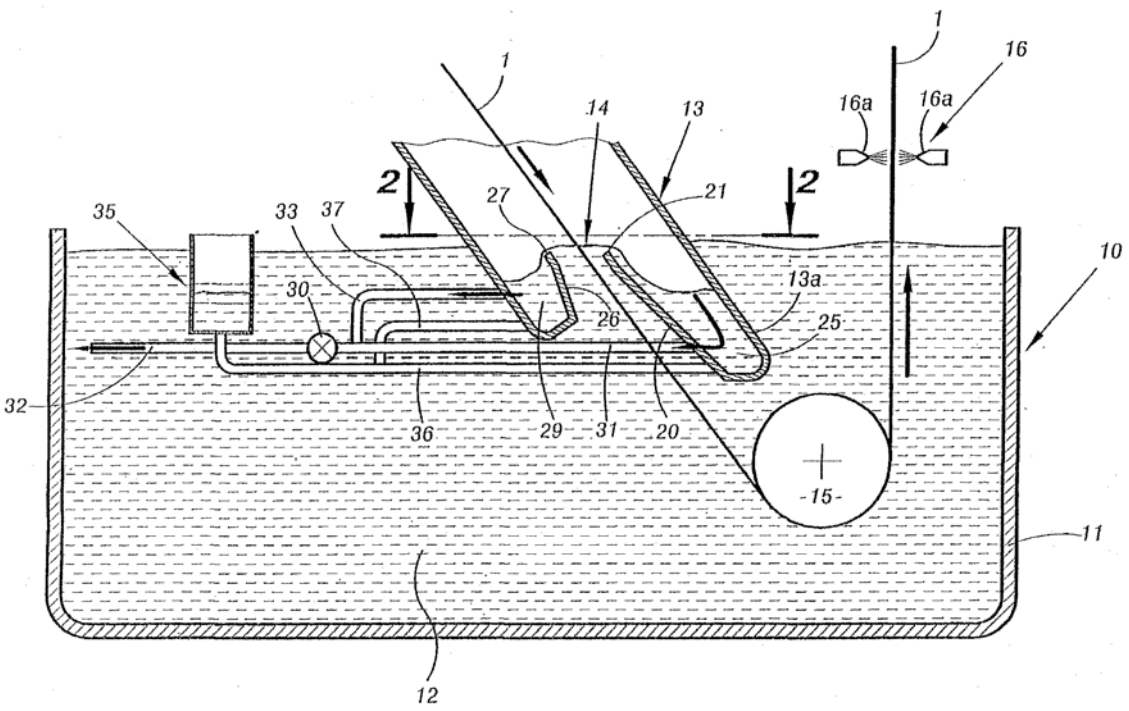

(11) **8461**
(21) 1-2003-00506 (51)[7] **B66B 15/04**
(22) 07.12.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/FI01/01072 07.12.2001 (87) WO02/46086 13.06.2002
(30) 20002701 08.12.2000 FI
(71) KONE CORPORATION (FI)
Kartanontie 1, FIN-00330 Helsinki, Finland
(72) AULANKO Esko (FI), MUSTALAHTI Jorma (FI), RANTANEN Pekka (FI), MAKIMATTILA Simo (FI)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) THANG MÁY VÀ CON LĂN KÉO CỦA THANG MÁY
(57) Sáng chế đề xuất thang máy, trong đó đối trọng và buồng thang máy được treo trên cụm cáp nâng. Thang máy bao gồm một hoặc nhiều các puli cáp có các rãnh cáp, một trong số các puli là con lăn kéo được dẫn động bởi cơ cấu dẫn động và dịch chuyển cụm cáp nâng. Ít nhất một trong số các puli cáp có lớp phủ bám vào puli cáp và chứa các rãnh cáp, lớp phủ có chiều dày ở đáy của rãnh cáp gần như nhỏ hơn một nửa chiều dày của cáp chạy trong rãnh cáp và độ cứng nhỏ hơn 100 shoreA và lớn hơn 60 shoreA. Theo một phương án ưu tiên, con lăn kéo giống như một puli cáp.

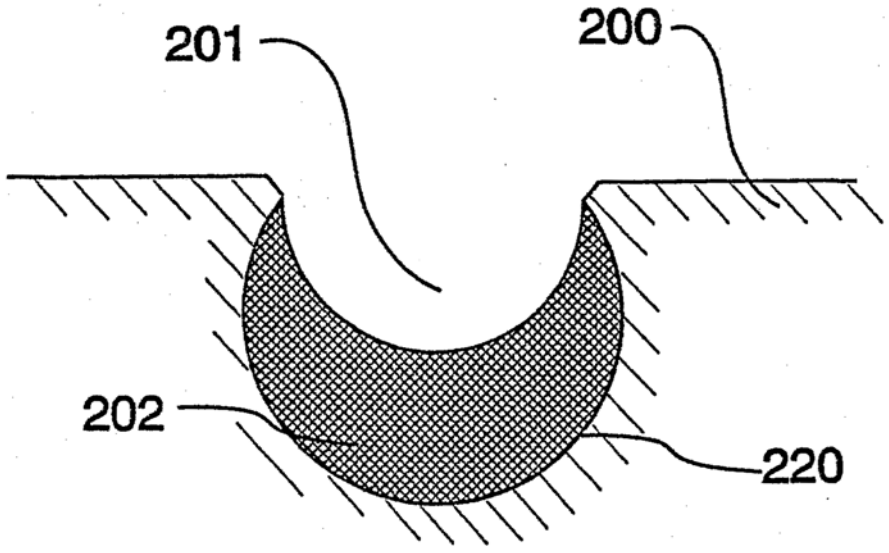

(11) **8462**
(21) 1-2003-00529 (51)[7] **B65D 61/18**, B65B 29/10
(22) 14.11.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/43650 14.11.2001 (87) WO02/40353 23.05.2002
(30) 09/714,751 16.11.2000 US
(71) COLGATE-PALMOLIVE COMPANY (US)
300 Park Avenue, New York, NJ 10022, United States of America
(72) MILLON Joel (US), FUQUEN Orlando (US), MILLER Christopher Joseph (US), WALSH Scott Murray (US)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) PHƯƠNG PHÁP CHẾ TẠO TÚI ĐỰNG CÓ HAI KHOANG

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp chế tạo túi đựng có hai khoang (36) có lỗ ra phân phối (24) có thể được chế tạo theo qui trình tạo hình/nạp đầy bằng cách gắn lỗ ra phân phối (24) với màng mỏng (12) nghĩa là để tạo ra thành ngăn khoang sau khi gắn các màng mỏng (16, 20) nhằm tạo ra các thành ngoài của túi đựng với vòi ra phân phối (24). Sau đó, các mép bên của túi đựng được hàn kín với nhau để tạo thành túi có đầu đáy được để hở. Túi đựng có thể được tạo ra từ ba nguồn cấp màng mỏng (10, 14, 18), hai nguồn cấp màng mỏng (92, 94) với các thành ngoài được tạo ra từ một lớp màng mỏng (80), hoặc từ một lớp màng mỏng tạo thành hình chữ W. Tốt hơn, nếu túi đựng được nạp đầy qua đầu đáy được để hở và sau đó hàn kín đầu đáy này. Tuy nhiên, túi đựng có thể được nạp đầy qua vòi (24). Sau đó, các túi đựng được cắt ra khỏi một túi khác bằng cách cắt dọc theo đường hàn ngang và đóng gói vào thùng bìa giấy, hoặc bằng cách đục lỗ dọc theo đường hàn bên và cắt để tạo ra một dải gồm các túi. Các túi đựng có thể có lỗ ra phân phối mở thường trực hay có thể là loại lỗ ra phân phối đóng lại được. Các túi lớn hơn sẽ có lỗ ra phân phối có thể đóng lại được.

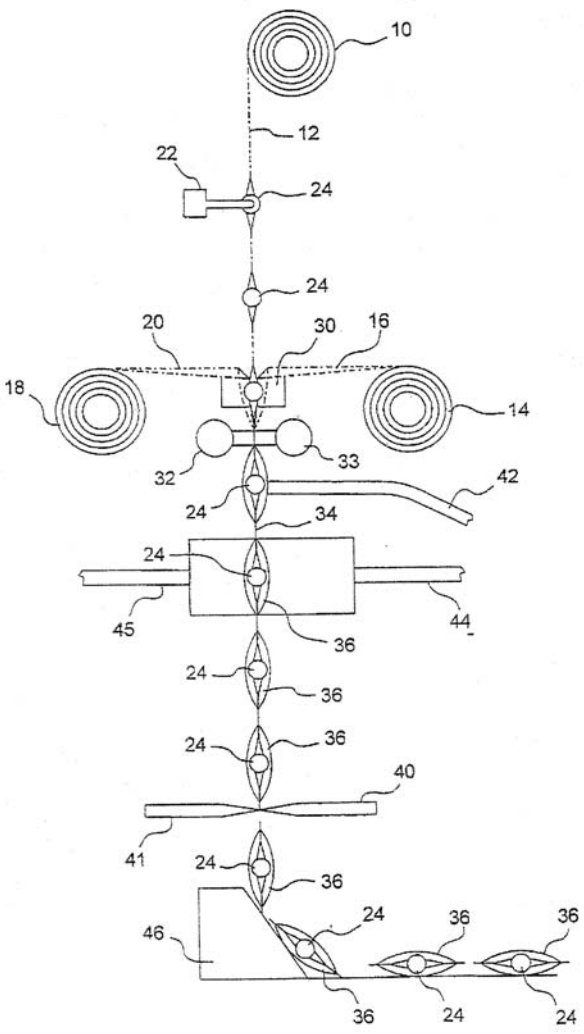

(11) **8463**
(21) 1-2003-00547 (51)[7] **A61K 31/00**
(22) 02.11.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/EP01/12686 02.11.2001 (87) WO02/39989A1 23.05.2002
(30) 00125409.3 20.11.2000 EP
(71) MERCK PATENT GMBH (DE)
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt, GERMANY
(72) Bartoszyk Gerd (DE), Sedman Ewen (GB)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) SỬ DỤNG CHẤT KẾT HỢP CỦA CHẤT CHỦ VẬN 5-HT_{1A} VÀ CHẤT ỨC CHẾ TÁI HẤP THU SERETONIN CHỌN LỌC VÀ DƯỢC PHẨM CHỨA CHÚNG

(57) Sáng chế đề xuất việc sử dụng chất kết hợp của chất ức chế tái hấp thu serotonin (5-HT) chọn lọc (SSRI) và chất chủ vận thụ thể 5-HT_{1A}, cụ thể là 1-[4-(5-xyanoinđol-3-yl]butyl]-4-(2-carbamoyl-benzofuran-5-yl)-piperazin hoặc muối chấp nhận được về mặt sinh lý của nó hoặc 3-{4-[4-(4-xyano-phenyl)-piperazin-1-yl]-butyl}-1H-inđol-5-carbonitril hoặc muối chấp nhận được về mặt sinh lý của nó, để bào chế dược phẩm dùng để điều trị chứng đau mạn tính hoặc để điều trị các bệnh khác như chứng tăng nhạy cảm với dấu hiệu đau đớn, chứng tăng cảm đau, chứng đau do rối loạn cảm giác, chứng làm tăng sự nhận thức đau và chứng làm tăng ký ức đau, cũng như để điều trị hội chứng ruột dễ bị kích thích (IBS).

(11) **8464**
(21) 1-2003-00576 (51)[7] **G02C 7/14**
(22) 02.07.2003 (43) 27.10.2003
(30) 91116074 19.07.2002 TW
92109252 21.04.2003 TW
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.07.2003
(75) CHAO-CHYUN LIN (TW)
2F, No.143, Sec.1, Chung-Ching South Road, Taipei 100, Taiwan
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) THIẾT BỊ VÀ PHƯƠNG PHÁP LUYỆN THỊ LỰC NĂNG ĐỘNG DỰA TRÊN LĂNG KÍNH

(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị luyện thị có thể được định vị phía trước mặt người đeo. Khung cố định có hai khe nhìn mà ánh sáng đi qua tương ứng với vị trí của mắt người đeo mà ánh sáng đi qua đó. Hệ thống quang có thấu kính lăng kính có thể có độ phóng đại cố định hoặc thay đổi bằng cách thay đổi hình dạng của nó. Thấu kính lăng kính được lắp vào khung cố định và có thể dịch chuyển giữa các vị trí thứ nhất và thứ hai, trong đó ở vị trí thứ nhất ánh sáng đi qua ở trạng thái thứ nhất với trạng thái mắt khép, và ở vị trí thứ hai ánh sáng đi qua ở trạng thái thứ hai với trạng thái mắt giạng ra. Hệ thống truyền động nối và dẫn động có chọn lựa thấu kính lăng kính giữa vị trí thứ nhất và vị trí thứ hai. Như vậy, dịch chuyển lặp lại nhiều lần và theo chu kỳ thấu kính lăng kính giữa các vị trí thứ nhất và thứ hai, các nhãn cầu mắt chịu tác động thay đổi giữa trạng thái khép và giạng nhờ đó thực hiện luyện thị lực.

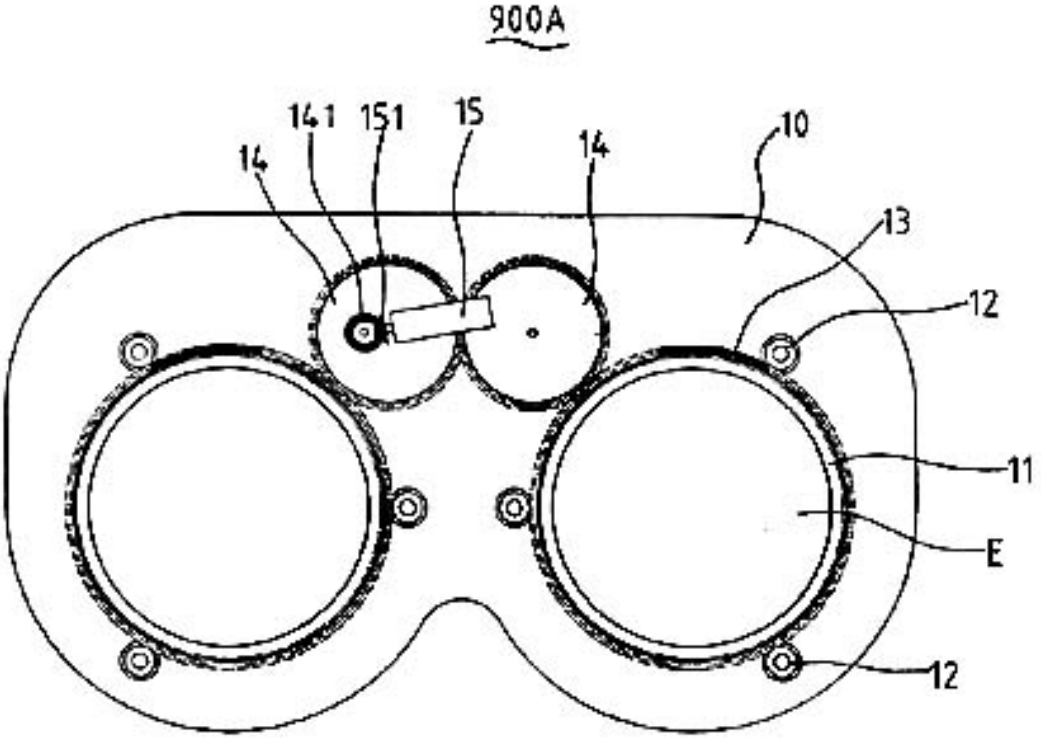

(11) **8465**
(21) 1-2003-00602 (51)[7] **B29C 45/14**
(22) 13.06.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/18986 13.06.2001 (87) WO02/051611A1 04.07.2002
(30) 60/257,588 22.12.2000 US
09/790,917 22.02.2001 US
(71) DIGITAL REPLAY, INC. (US)
Suite 100, 6547 South Racine Circle, Englewood, CO 80111
(72) GUEST, Richard (US)
(74) Công ty Tư vấn sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ (P & TB)
(54) PHƯƠNG PHÁP BẢO VỆ MỰC VÀ TẠO MỐI LIÊN KẾT TĂNG CƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÚC CÁC TẤM THẤU KÍNH HAI MẶT LỒI TRONG CÁC ĐỒ VẬT BẰNG CHẤT DẺO

(57) Sáng chế đề cập tới phương pháp sản xuất các sản phẩm chất dẻo có vật liệu thấu kính dạng hai mặt lồi liền khối, phương pháp này bảo vệ nhiệt cho lớp mực và các bề mặt thấu kính ngoài của vật lồng dạng thấu kính. Vật liệu thấu kính dạng hai mặt lồi được tạo ra có một lớp thấu kính dạng hai mặt lồi với một bề mặt ngoài là các đường gân quang học (22) và một lớp mực (28) liên kết vào một lớp thấu kính trong suốt (24). Một lớp nền bảo vệ nhiệt (30) gồm mực in nổi mờ đục được phủ lên lớp mực. Việc phủ lớp nền bảo vệ nhiệt được hoàn thành bằng cách sử dụng thiết bị phủ in litô. Một vật lồng dạng thấu kính được tạo ra từ vật liệu thấu kính dạng hai mặt lồi được phủ và vật lồng này được đặt bên trong hốc khuôn. Lớp nền bảo vệ nhiệt cách nhiệt cho lớp mực. Đồng thời, phần khuôn tiếp giáp vật lồng được làm nguội tới nhiệt độ thấp hơn nhiệt độ biến dạng của các đường gân quang học.

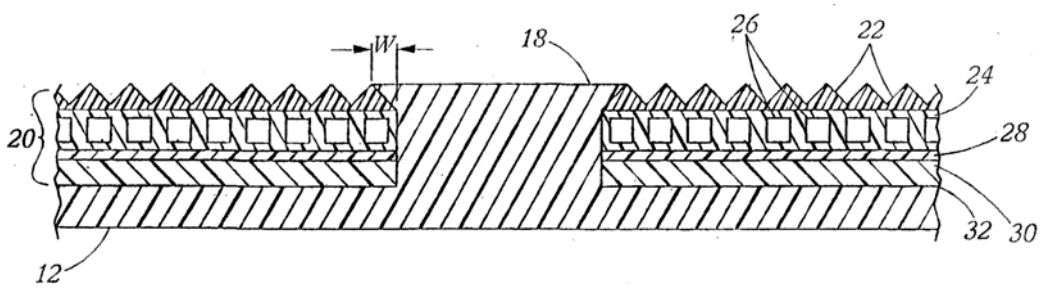

(11) **8466**

(21) 1-2003-00615 (51)[7] **C07D 213/74**, A61K 31/44, C07D 235/30, A61P 35/00, 9/00

(22) 30.11.2001 (43) 27.10.2003

(86) PCT/EP01/14039 30.11.2001 (87) WO02/50039A1 27.06.2002

(30) 10063173.8 18.12.2000 DE

(71) MERCK PATENT GMBH (DE)
Frankfurter Strasse 250, 64293 Darmstadt, Germany

(72) STAEHLE Wolfgang (DE), JONCZYK Alfred (DE), SCHADT Oliver (DE), GOODMAN Simon (GB)

(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) DẪN XUẤT URE VÀ URETAN DÙNG LÀM CHẤT ỨC CHẾ INTEGRIN

(57) Sáng chế đề xuất dẫn xuất ure và uretan mới có công thức (I), trong đó R^1, R^2, R^3, R^5, $R^{5'}$, X, Y, B, m, n và o là như được xác định trong điểm 1 yêu cầu bảo hộ, và muối hoặc solvat chấp nhận được về mặt sinh lý của nó là chất ức chế integrin và có thể dùng để điều trị chứng huyết khối, chứng nhồi máu cơ tim, bệnh mạch vành tim, bệnh xơ cứng động mạch, bệnh viêm, khối u, chứng loãng xương, các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh thấp khớp, bệnh võng mạc tiểu đường và chứng tái phát hẹp (van tim) sau khi tạo hình mạch.

(11) **8467**
(21) 1-2003-00617 (51)[7] **A61K 35/78**
(22) 15.07.2003 (43) 27.10.2003
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 02.10.2003
(75) NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM (VN)
575/Q9 Nguyễn Tri Phương, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh
(74) Công ty TNHH dịch vụ sở hữu công nghiệp và thương mại Nam Việt (VIPCO)
(54) THUỐC CHỮA BỆNH U XƠ TUYẾN TIỀN LIỆT BÀO CHẾ TỪ CÁC ALCALOIT ĐƯỢC CHIẾT XUẤT TỪ LÁ CÂY TRINH NỮ HOÀNG CUNG (CRINUM LATIFOLIUM L.) VÀ PHƯƠNG PHÁP BÀO CHẾ
(57) Sáng chế đề xuất một loại thuốc dạng viên nang chữa bệnh u xơ tiền liệt tuyến bào chế từ các alcaloid được chiết xuất từ lá cây TNHC Việt nam có thành phần khối lượng:
- Cao khô alcaloid toàn phần của lá cây TNHC : 69,44%
- Aerosil : 2,00%
- Tinh bột: 17,55%
- DST (Sodium Starch Glycolate): 10,00%
- Bột Talc: 0,50%
- Bột Magnesi stearat: 0,50%

Sáng chế còn đề xuất phương pháp bào chế gồm quy trình chiết xuất phân đoạn các dẫn chất alcaloid từ lá cây TNHC, quy trình chiết xuất toàn phần cao khô TNHC dùng làm nguyên liệu và quy trình sản xuất viên nang bằng cách phối trộn cao khô TNHC với các tá dược khác.

(11) **8468**
(21) 1-2003-00639 (51)[7] **G01F 23/02**
(22) 21.07.2003 (43) 27.10.2003
(30) 2003-2945 29.01.2003 KR
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 24.07.2003
(75) KIBONG CHOI (KR)
405, Hyundai Apt., Siheung 5-dong, Geumcheon-gu, Seoul 153-023 Republic of Korea.
(74) Công ty TNHH Trần Hữu Nam và Đồng sự (TRAN H.N. & ASSOCIATES)
(54) THIẾT BỊ ĐO MỨC CHẤT LỎNG
(57) Sáng chế đề cập đến thiết bị đo mức chất lỏng đo mức chất lỏng được lưu trữ trong bình. Thiết bị đo mức chất lỏng của sáng chế bao gồm mũ bảo vệ có con lăn được lắp theo cách có thể xoay được trong vành ống, và cáp đo với cả hai đầu được nối một cách riêng rẽ với phao và quả kéo, và được cuộn trên con lăn. Thiết bị đo mức chất lỏng được sử dụng một cách đơn giản trong bình bằng cách lắp mũ bảo vệ có cáp đo trong ống đo được nối với phía trong của bình.

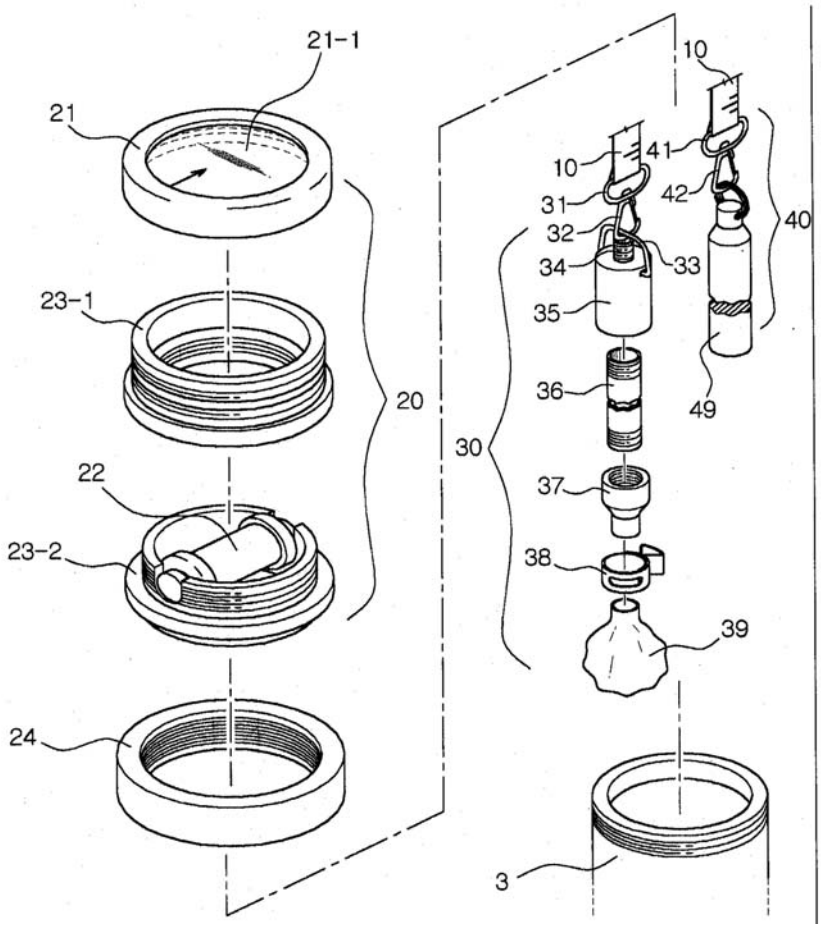

(11) **8469**

(21) 1-2003-00696 (51)[7] **C07C 51/265**, 63/26
(22) 21.06.2001 (43) 27.10.2003
(86) PCT/US01/19960 21.06.2001 (87) WO02/055467 18.07.2002
(30) 09/757,458 10.01.2001 US
09/757,455 10.01.2001 US
PCT/US01/00825 11.01.2001 US
PCT/US01/00826 11.01.2001 US
09/884,184 19.06.2001 US
09/884,381 19.06.2001 US

(71) E.I. DU PONT DE NEMOURS AND COMPANY (US)
1007 Market Street, Wilmington, DE 19898, United States of America
(72) TURNER John Arthur (GB), HOUSLEY Samuel Dunncan (GB)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)

(54) PHƯƠNG PHÁP TĂNG NĂNG SUẤT LÒ PHẢN ỨNG OXY HOÁ

(57) Sáng chế đề xuất phương pháp tăng năng suất lò phản ứng oxy hoá thông thường để oxy hoá paraxylen trong pha lỏng có xúc tác bằng cách thực hiện phản ứng oxy hoá từng bước trước tiên trong vùng phản ứng có tỷ lệ dung môi cao và áp suất cao, và sau đó là trong lò phản ứng thông thường.

(11) **8470**
(21) 1-2003-00732 (51)[7] **B01D 39/16**, A47L 9/14
(62) 1-2000-01128
(22) 11.05.1999 (43) 27.10.2003
(86) PCT/IB99/00896 11.05.1999 (87) WO99/58041 18.11.1999
(30) 60/085,032 11.05.1998 US
60/096,039 11.08.1998 US
60/106,143 29.10.1998 US
09/306,883 07.05.1999 US
09/306,880 07.05.1999 US
Ngày yêu cầu xét nghiệm nội dung: 11.05.1999
(71) AIRFLO EUROPE N.V. (BE)
Gaston Eyskenslaan 2, Postbus 56, B-3900 Overpelt, Belgium
(72) SCHULTINK Bas (NL), SCHULTINK Jan (NL)
(74) Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh (PHAM & ASSOCIATES)
(54) TÚI LỌC CỦA MÁY HÚT BỤI VÀ PHƯƠNG PHÁP LỌC KHÍ
(57) Sáng chế đề cập tới túi lọc chân không dùng một lần được làm từ vật liệu tổ hợp nhiều lớp bao gồm một lớp đa năng có khả năng thông khí cao được đặt theo hướng dòng không khí trước lớp lọc thứ hai. Lớp lọc thứ hai có thể là giấy lọc được tạo mạng xơ bằng phương pháp ướt, giấy lọc được tạo mạng xơ bằng phương pháp khô hoặc màng sợi không dệt được liên kết khi kéo sợi. Lớp lọc đa năng có thể được tạo ra từ màng sợi không dệt có độ xốp cao được thổi nóng chảy, giấy được tạo mạng xơ bằng phương pháp khô hoặc được tạo mạng xơ bằng phương pháp ướt có khả năng giữ bụi cao, màng thổi kéo sợi modular hoặc màng được liên kết khi kéo sợi cực mảnh. Giấy có khả năng giữ bụi cao được đặc trưng bởi độ dày lớn và khả năng thông khí cao so với vật liệu thường được sử dụng làm lớp lọc thông thường cho túi lọc của máy hút bụi. Các đặc trưng này cho phép giấy có khả năng giữ bụi cao lọc được các hạt bụi lớn và giữ được lượng lớn các hạt bụi trong các lỗ của chúng. Điều này ngăn không cho lớp lọc thứ hai ở phía sau không bị chất tải lớn và cho phép vật liệu cho không khí đi qua với lưu lượng cao ở độ chênh áp thấp hơn nhiều so với túi của máy hút bụi thông thường. Sáng chế cũng đề xuất phương pháp lọc khí nhờ sử dụng bộ lọc này.

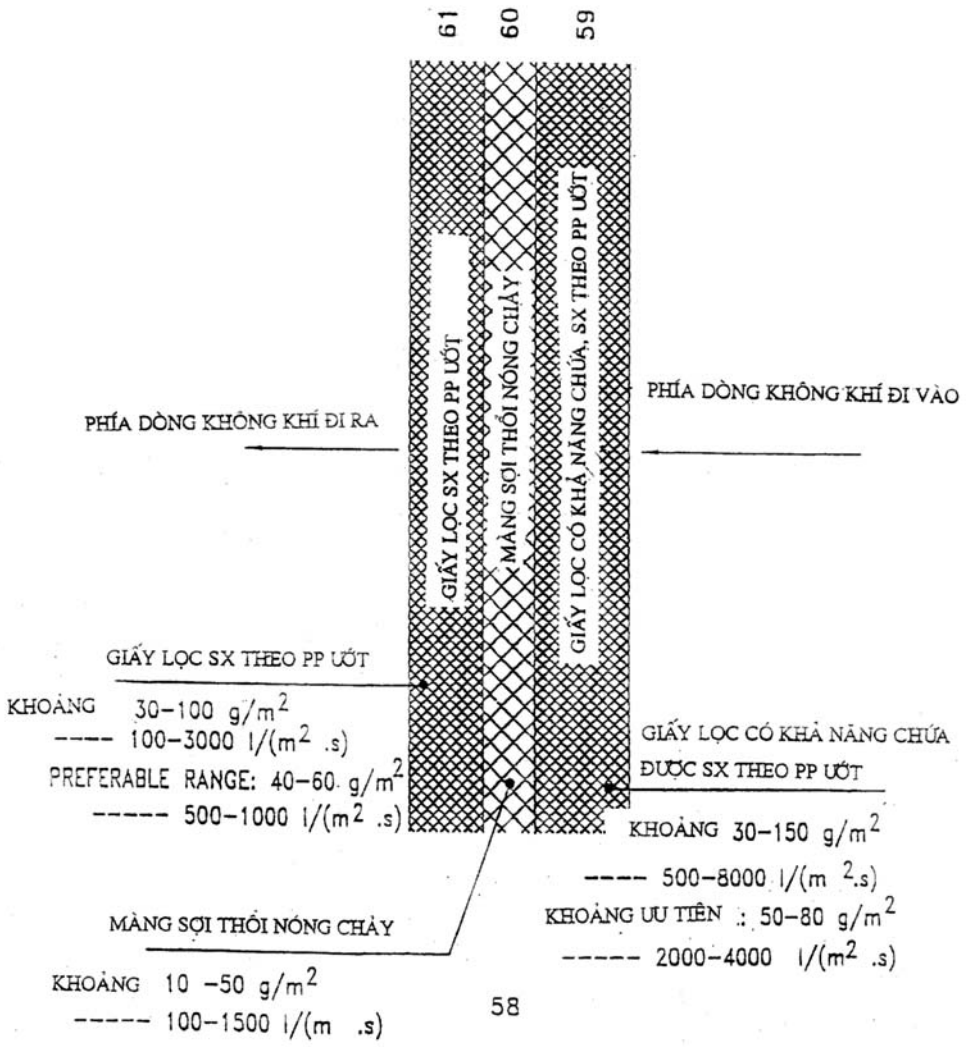
61
60
59
GIẤY LỌC SX THEO PP ƯỚT
MÀNG SỢI THỔI NÓNG CHẢY
GIẤY LỌC CÓ KHẢ NĂNG CHỨA, SX THEO PP ƯỚT
PHÍA DÒNG KHÔNG KHÍ ĐI RA
PHÍA DÒNG KHÔNG KHÍ ĐI VÀO
GIẤY LỌC SX THEO PP ƯỚT
KHOẢNG 30–100 g/m2
---- 100–3000 l/(m2 .s)
PREFERABLE RANGE: 40–60 g/m2
----- 500–1000 l/(m2 .s)
GIẤY LỌC CÓ KHẢ NĂNG CHỨA
ĐƯỢC SX THEO PP ƯỚT
KHOẢNG 30–150 g/m2
---- 500–8000 l/(m 2.s)
KHOẢNG ƯU TIÊN : 50–80 g/m2
----- 2000–4000 l/(m2 .s)
MÀNG SỢI THỔI NÓNG CHẢY
KHOẢNG 10 –50 g/m2
----- 100–1500 l/(m .s)
58